



Do anh Võ Phi Hùng Cựu HS Petrus Ký (67-74)
tặng cho Kho Sách Xưa của Quán Ven Đường.

Xin dùng SẢN PHẨM do **VIL-FAI** HOẠT HẠNH CÔNG TY SẢN XUẤT

Hiệu BẠCH-HOÀ

BỘT GIẶT (DETERGENT)
THUỐC GỘI ĐẦU
BỘT RỬA SẠCH
XÀ BÔNG "ÉPONGE" THƠM

HÀNG VẢI CÁC LOẠI ĐƯỢC BẢO ĐẢM.
KHÔNG GÀU KHÔNG NGỨA.
CHÈN Đĩa SẠCH BÓNG.
DỤNG CỤ NHÀ BẾP NHÀ TẮM SÁNG NHƯ MỚI.

TỔNG PHÁT HÀNH **SANH-XƯƠNG** 98, LÊ QUANG LIÊM CHOLON Đ.T. 37096
XUỞNG: 415, LỤC TỈNH CHOLON

phát-huy văn-hóa dân-tộc

ĐỒNG

năm thứ hai

NAI

quyển 11

VĂN-TẬP



nhóm đồng-nai xuất-bản

Địa-chỉ liên-lạc:

Ông AN CƯ
393B, đại lộ Trần Hưng-Đạo
— SAIGON —

GIÁ NHỨT ĐỊNH: 24\$
CÔNG-SỞ: GIÁ GẤP ĐÔI

Librairie **KHAI-TRI**
82, Bù, Lê-Lợi, SAIGON



Trong tập 11 :

Số trang

3	Cha con tình bạn	Tuần-lý HUỖNH KHẮC-DỤNG
8	Tìm hiểu quốc-nhạc Việt-nam	NGUYỄN CÔNG-THIỆN
16	Tướng quân Trương Công-Định	Trọng-toàn NGUYỄN VĂN KIÊM
20	Người mẹ ngày nay	VIỆT-THƯỜNG
24	Phê bình hát bội	Thân-văn NGUYỄN VĂN QUI
28	Từ hát bội đến thoại-kịch : văn-ngệ truyền-bá quốc-ngữ	Thuần-Phong NGÔ VĂN PHÁT
45	Trông gai (truyện ngắn)	NGUYỄN HỮU-TRI
56	Bí	AN CƯ
63	Lá thư Washington	LÊ DUY-TÂM
74	Sưu-tầm văn-liệu miền Nam	NGUYỄN VĂN Y và AN CƯ
78	Nghệ-thuật và dân-tộc	HỒ ĐẮC-THẮNG
93	Ức-trai thi-tập (Nguyễn-Trãi)	AN CƯ dịch
95	Đĩa « năm ịch ngày ..0..0... »	VƯƠNG HỒNG-SÈN
108	Bọn xôi thịt	NHỊ CƯỜNG
110	Tao-dàn : đến nghĩa-trang T.T.H.	TRẦN VĂN-LINH
111	Loạn quê hương	SĨ CHÍ
113	Trách-nhiệm và thái-độ người cầm viết	VIỆT-THƯỜNG
121	Việc giảng dạy sinh-ngữ ở Việt-nam	HUỖNH PHÚ-HIỆP
138	Bài học lịch-sử	NGUYỄN THANH-LIÊM
144	Tao-đâu : Chiều sang sông	TRẦN VĂN-LINH
146	Rau với chữ	Kiên-giang HÀ HUY-HÀ
147	Sống thực-tế	Chánh-trí MAI THỌ-TRUYỀN

An Cư chủ trương

XIN LƯU Ý ĐỘC-GIẢ

**TỪ TẬP 12 TRỞ ĐI, ĐỒNG-NAI VĂN-TẬP
RA ĐỀU HẰNG THÁNG ĐỂ ĐỀN ĐÁP
THỊNH TÌNH CỦA ĐỘC-GIẢ**

phát-huy văn-hóa dân-tộc

ĐỒNG-NAI

VĂN - TẬP

năm thứ hai

quyển **11**

do	chánh-trí mai thọ-truyền	trần văn linh
	hồ đắc-thắng	việt-thường
	tuần-lý huỳnh khắc-dụng	minh-quân
	lê thọ-xuân	nguyễn thanh-liêm
	thuần-phong ngô văn-phát	lê duy tâm
	thân-văn nguyên văn-quí	tạ quang-phát
	bửu cầm	lê hữu-mục
	tiểu nguyên-tử	nguyễn văn y
	vwong hồng-sèn	son nam
	lê ngọc-trụ	nguyễn văn-hầu
	nguyễn công thiện	nguyễn hữu-tri
	trần văn quế	kiên-giang hà huy-hà
	trọng-toàn nguyên văn kiêm	nguyễn ngọc-huy
	phạm long điền	an cư

cùng viết

nhóm đồng-nai xuất-bản



Nhơn coi phim « LES SULTANS », thử bàn lại
đời sống tình-cảm của nam-nữ thanh-niên

Cha con, tình bạn

● Bài của Tuần-Lý HUỲNH KHẮC-DỤNG

Vừa rồi, Trung-tâm Văn-hóa Alexandre de Rhodes có mời xem một tuồng hát bóng, nhan-đề « LES SULTANS ». Ngoài nam-nữ sinh-viên, trong khán-giả thấy có nhiều vị nữ tu-sĩ các dòng đạo Thiên-Chúa. Cốt chuyện như sau: tại kinh-đô Paris của nước Pháp, tượng-trung cho văn-minh thời-đại, cảnh náo-nhiệt phồn-hoa, một chàng trung-niên hào-hoa phong-nhã, Laurent Messenger, làm nghề sáng-chế dược-liệu, trở nên phú-hộ, bà vợ đã quá tuổi xuân, dung-nhan tiều-tụy. Hai ông bà có đứa con gái duy-nhút, tên Kim, 18 tuổi, còn đang đi học. Laurent rất thương yêu con, đối với nàng tuy là cha con, song có tình bè-bạn, cho nên Kim thường tâm-sự với cha, gần cha hơn gần mẹ. Chàng Laurent này dung-mạo khôi-ngô, thân-hình tráng-khỏe, dáng-điệu phong-lưu, rất nhiều nhơn-tình, nên thường tìm thú vui ngoài gia-đình chánh-thức, chập-chờn như bướm bắt hoa. Trong số mỹ-nhơn, có nàng Lisa, một nữ nhiếp-ảnh-viên, yêu Laurent đắm-đuối. Chiều hôm ấy, sau buổi học, nàng Kim về nhà thả-thả cùng cha, xin đưa nàng đi chơi đề bàn về một câu-chuyện tâm-tình làm nàng hoang-mang. Số là nàng có quen một người đàn-ông đứng tuổi, thường đi xe hơi tới cửa trường trò chuyện với nàng, và nàng cảm thấy lòng trinh-nữ đã xiêu... Nàng nói: « Con thấy rạo-rực, và bà hôm nay, ông ấy không tới nữa, con buồn quá không tâm-trí nào học được. Bà còn trẻ, đẹp, vậy bà giúp con, chọc tức ông ta. Con biết ông ta hay tới khiêu-vũ tại một câu-lạc-bộ, con có mưu này, xin bà thương

con, dắt con đi khiêu-vũ, để ông ta thấy mà ghen tức, cho bỏ ghét». Laurent mỉm cười: «Đề ngày mai ba đi với con, nhé? Vì tối nay ba có hẹn». Kim nũng-nịu: «Con biết ba hẹn với cô Lisa, nhưng con muốn cho ba đi với con đêm nay, con chỉ ông ấy cho ba xem, ba lấy kinh-nghiệm của ba mà giúp con qua trạng-thái này». Laurent cùng con, đành thất hẹn với Lisa.

Hai cha con đi ăn trong một nhà hàng sang-trọng, rồi đưa nhau đi khiêu-vũ. Trong câu-lạc-bộ kia, quả gặp « người lý-tưởng » của nàng Kim. Anh này già hơn Laurent, tướng-tá vạm-vỡ, nhưng cốt-cách côn-đồ. Khi thấy Kim đi với người khác, anh ta kiểm chuyện gây-gỗ rồi hất ly rượu vào mặt Laurent, bị Laurent cho một thoi như búa bõ, ngã lẩn. May có người can, nên nội-vụ chấm dứt ngay lúc ấy. Laurent khiêu-vũ với con gái, làm màu-mè như một cặp uyên-ương không bằng! Cha mỉm cười, hỏi con: «Thằng-láu-cá như thế, mà con lại bị quyến-rũ, kẻ cũng lạ! Con hãy nhìn kỹ bằng mắt nó xem: có chút gì phúc-hậu hay không?» Kim đáp: «Ấy, vậy mà khi ông ta nói chuyện, con phục lẩn đi ba ơ!» Laurent làm thình, cảm thấy buồn buồn.

Cô Lisa mua nhiều thức ăn chiều i-ạch mang về nhà, chờ mãi không thấy Laurent tới. Đám ngờ-vực, nàng sang nhà bên cạnh, la-cà làm quen với một thiếu-nữ mời qua nhà mình chơi cho đỡ hiu-quạnh. Cô khách cũng có một bạn trai, làm bác-sĩ phụ-khoa, tên Michou. Chập sau, anh này về tới, Lisa vẫn thấy cô-đơn trong căn nhà mình-mông, lạnh-lẽo. Nàng lấy rượu ra uống, uống thật nhiều để khuây sầu, thì chuông điện-thoại reo vang. Một bạn gái từ câu-lạc-bộ gọi về, cho hay Laurent đang khiêu-vũ say-mê với một cô nhơn-tình trẻ đẹp. Lisa nổi cơn ghen, uống độc-được quyền-sinh. Sáng ngày, cô bạn láng-diềng ra hành-lang tập thể-dục, bỗng thấy Lisa nằm sổng-sượng trong phòng, ló hai chun ra ngoài, la hoảng lên và gọi sang cứu cấp. Bác-sĩ nhìn thấy thân hình Lisa liền ngỏ lời tán-tĩnh, và tìm cơ-hội đề gần, nhưng không được.

Đang dưỡng bệnh, thì Laurent tới và cho biết sở-dĩ hôm nọ lỗi hẹn là tại phải đưa con đi chơi để tìm cách giải-quyết vấn-đề

tình-cảm làm nó bán-khoăn. Lisa chợt hiểu ra là mình đã ngộ-nhận. Hai người yêu nhau như trước. Tuy nhiên, Laurent lo ra, vì linh-tánh báo cho chàng biết điều gì không hay xảy ra cho Kim, con chàng.

Đúng như thế, chiều hôm ấy, tại cửa trường học, chiếc xe hơi quen thuộc của lão Leo chực sẵn và sau vài câu đường mật lão kéo nàng lên xe, chạy ra bờ biển. Lúc đi đường, mặt lão ta đăm chiêu, còn Kim thì nửa thuận nửa không, nghĩ tới cha mẹ, nhưt là những lời khuyên lơn của cha, tuy nhiên, tuổi dại, lòng non, nàng không biết làm sao đề đối phó. Ra tới bờ-biển, Leo chạy luôn vào một khách sạn.

Ở nhà, hai vợ chồng Laurent cãi nhau, cha thì tức-tối, mẹ thì khổ-sở, đứng ở góc phòng. Laurent thét to: «Sao mình không gọi điện-thoại cho tôi?» Bà vợ hỏi lại: «Gọi ở đâu mới được chứ?» Laurent gục mặt. Chàng như con chim trên cành, một khi ra khỏi nhà rồi, khi ở nhà cô này, khi ở nhà cô khác, có nơi nào nhứt-định đâu mà trách vợ!

Màn cuối của phim, là Kim trốn thoát khách-sạn hất-hơ hất hải chạy dọc theo bờ biển, như người tỉnh cơn ác-mộng...



Trong ba người đàn ông thích gái, Laurent, Leo, và anh bác-sĩ, đứng núi này trông núi nọ. Chỉ có Leo là đáng ghét nhưt vì tư-cách đều-giả lợi-dụng tuổi thơ để thỏa-mãn nhục-dục. Nếu phim còn kéo thêm vài màn nữa, thì chắc-chắn anh ta ăn đòn một trận nên thân, vì trong trường-hợp này, Laurent không thể kiện ra tòa hình. Theo Hình luật Pháp-quốc, thủ-phạm dụ-đỗ trẻ vị-thành-niên ra khỏi nhà cha mẹ chỉ bị kết-án, nếu đưa trẻ dưới 18 tuổi, và chỉ khi nào có dùng gian-kẻ hay bạo-lực, thủ-phạm mới bị án cấm-cố.



Khán-giả đã bàn-tán sôi-nổi về phim «Les Sultans». Ngoài khía cạnh nghệ-thuật, kỹ-thuật và lối biểu-diễn của các tài-tử, còn

có vấn-đề tâm-lý và luân-lý. Bảo đó là một câu chuyện không tốt cho tuổi xanh, e không đúng lắm. Xã-hội Việt-Nam ngày nay đang chuyền mình, từ khuôn-khò Khổng-Mạnh ra quan-niệm hiện-sinh của Jean Paul Sartre, hiểu một cách méo-mó. Uy-quyền của bực phụ-huynh chỉ còn là một bóng mờ. Từ trong nhà đến trường học, rồi ra ngoài đời, quá nửa phần con em chạy theo tiếng gọi của tự-do để sống bừa-bãi, vô kỷ-luật, không màng thượng hạ tôn-ti. Tôi thấy trạng-huống ấy phần lớn do chiến-tranh, bởi có chiến-tranh mới có khủng-hoảng kinh-tế, đảo-lộn cương-kỷ và giá-trị con người. Đến người lớn mà còn chẳng kèm-chế được dục-vọng, si-mê thay, huống chi là trẻ con vừa biết nhận thức cảm-giác của cơ-thê. Những trường-hợp dụ-dỗ gái vị-thành-niên, xâm-phạm tiết-hạnh, hiếp-dâm, lãng-loàn trặc-nết, không còn đếm được !

Bên Âu-châu, nhứt là từ sau trận thế-chiến thứ nhì, nhiều nguồn tư-tượng mới đánh đổ tòa lâu-đài luân-lý thời xưa. Nước ta, nhờ luân-lý nho-học thấm-nhuần nên chịu đựng cho tới ngày nay, xã-hội mới lung-lay. Người cha đã từ-giã thái-độ cứng rắn, khắt-khe, để biến lần thành người bạn của con cái, tìm hiểu tâm-trạng chúng, cư-xử khoan-dung, rộng-lượng hơn. Chung quy, cũng vì thương con, mới dùn dùn thẳng thẳng, lúc cương, lúc nhu, khi roi vọt, khi vỗ-về. Nhưng không phải với phương-sách giáo-dục mới ấy mà người cha nào cũng thành-công đâu. Ảnh-hưởng bên ngoài rất nặng sự cảm-đổ của bạn-bè, khiến cho tuổi thơ lâm vào tâm-trạng hỗn-loạn, không phân-biệt giả chơn, lành dữ. Sự hỗn-loạn đó tạo ra những cảnh đau lòng : trốn học, nói dối, hung-hăng, bỏ nhà theo bạn, quyết-định hấp-tấp, đến khi chạm trán với cuộc đời bần-thiêu, thiếu kinh-nghiệm căn-bản, bước gặp-ghềnh trên con đường đen tối, nếu không phạm-pháp cũng hồng tương-lai. Tuổi xanh như con tuấn-mã, không dây cương thì chạy thiếu nhịp-nhàng. Tỉnh-mộng, thì ê-chề, đứng trên nhìn tạn-vỡ !

Người cha như Laurent trong chuyện phim, đủ điều-kiện kinh-nghiệm bản thân để dạy con, thế mà vì thiếu hạnh-kiếm nên không làm sao nêu gương tốt được. Muốn khuyên Kim nên đề-phòng, chàng đã nói : « Ai cũng nói Ba là Sultan, con biết tại sao không ?

Hễ là Sultan, thì sớm muộn gì cũng được toại nguyện, ăn tiêu phong-lưu, xa-xỉ, gái ước gì thì cho cái ấy, tri-chí thì nên việc ». Ý chàng muốn cho con gái hiểu : « Con hãy coi chừng ! Đàn ông muốn được lòng mỹ-nhơn, không thiếu chi cách, họ không nản-chí thì chiếm được trái tim ». Có nhơn-ngãi, lại đề cho con gái biết, khi nó bày kế chọc tức Leo, lại nghe lời, làm theo.

Lấy tình bạn, đề cho con tâm-sự, tìm cách khéo giúp nó thoát một cuộc khủng-hoảng tâm-tư, thay vì rầy la, gắt-gông như người cha thuở trước, đó là một việc không đáng trách. Đáng trách chằng, là không làm gương lành cho con noi dấu, lại theo bè với nó, thì những lời khuyên-nhủ khác chi nước đổ lá môn ?

Hỡi bậc phụ-huynh ! Đừng trách-móc con-cái, đừng đổ tội cho xã-hội, cho chánh-phủ, cho chiến-tranh. Hãy can-đảm xét mình, tất tìm thấy câu trả lời thích-đáng.

Tuần-Lý HUỖNH KHẮC-DỤNG

Trại cửa máy

HƯNG-ĐẠO

**393B, ĐẠI LỘ TRẦN HƯNG-ĐẠO
SAIGON**

- Làm môi-giới mua bán các thứ gỗ Dầu, Sao, Bông-Lăng
- BÁN ĐÒN TAY VÀ VÁN BẢNG LĂNG
- CHUYÊN MÔN ĐÓNG THÙNG ĐỦ CỠ

Tìm hiểu

QUỐC-NHẠC VIỆT-NAM

● Của NGUYỄN-CÔNG-THIỆN

VÀI LỜI NÓI ĐẦU

Nhạc-ca cổ-truyền Việt-Nam nhờ có đủ yếu tố tiêu-biểu quốc-hồn quốc túy nên hiện được gọi vắn tắt là « Quốc-Nhạc ». Chẳng riêng gì đối với nhơn-dân ta đã cho đó là Nhạc của Nước nhà, thậm chí khách ngoại bang đều công nhận đó là nhạc thuần-túy của dân-tộc Việt-Nam vì căn-cứ trên sự-kiện khi có nhà âm-nhạc-học (musicologue) hay người ham mê âm-nhạc (musicomane) đến viếng nước ta, luôn luôn họ đòi hỏi, đề khảo-cứu hoặc thưởng-thức, âm-diệu chánh-tông, thấm-nhuần tinh-chất dân-tộc trong Quốc-Nhạc.

Thiết tưởng việc tìm hiểu Quốc-Nhạc chẳng phải là vô bổ, ngặt nỗi đề-cấp đến một vấn-đề trực thuộc mặt siêu-hình là cả một công việc hết sức phức-tạp đối với sở-đặc nông-cạn của chúng tôi, phương chi tài-liệu và sách vở về nhạc-ca cổ-truyền lại quá thiếu thốn, nên chính-e rằng sẽ có nhiều khuyết-diểm cần được các bậc uyên-thâm lịch-lãm trong lãnh-vực âm-nhạc vui lòng chỉnh-đốn và bổ-túc cho được toàn hảo.

Chắc chắn sẽ được vậy nên nay chúng tôi mới dám mạo-muội xung-phong góp công xây-dựng hầu kiện-toàn phần nào cho nền Văn-Hóa, Văn-Nghệ Nước nhà.



QUỐC-NHẠC THUỘC MẶT SIÊU-HÌNH

Ý nghĩa âm-nhạc. — Theo sách Nho-Giáo của LÊ-THẦN TRẦN-TRỌNG-KIM (Quyển I, trang 234) thì do thiên Nhạc-Ký rút trong KINH-NHẠC của ĐỨC KHỔNG-TỬ, người ta có thể hiểu ý-nghĩa của âm-nhạc theo câu : « Nhạc giả âm chi sở do sinh-giả : Nhạc là do âm mà sinh ra. Âm khởi phát ra từ ở lòng người. Lòng người cảm ngoại vật mà động, chỗ nên mới hình ra ở cái thanh. « Những thanh tương ứng với nhau rồi biến thành « PHƯƠNG, tức là thành cung bậc trong đục cao thấp gọi « là âm. Âm chia ra làm năm bậc là : cung, thương, giốc, « trủy, vũ. Đem các âm so vào những nhạc-khi để đánh « ra tiếng. Những tiếng : kim thạch tị trúc, những đồ mùa : « can (khiên), thích (búa), vũ (lông chim sả), mao (lông « đuôi bò) và những thi phú ca vịnh, gồm tất cả là nhạc. « Vậy nghĩa chữ Nhạc là nói chung cả chuông trống đàn « địch mùa hát và văn thơ. »

Triết lý Nhạc-pháp. — Muốn khảo cứu âm-nhạc, ta cần rõ nguồn cội của Nhạc từ đâu phát xuất rồi lần lượt luận giải đến lý của Nhạc và pháp của Nhạc.

Vì Nhạc thuộc siêu-hình nên được kể là một bí-pháp thâm-u đã có trước vạn vật trong Càn-Khôn, ẩn-vi trong hư-vô chi-khí nên Thánh-Hiền xưa mới xếp Nhạc đứng chung vào NGŨ-KINH.

Thánh-Hiền quan-niệm rằng từ buổi sơ khai, vũ-trụ còn trong cảnh tượng mờ-mịt hỗn-mang, bỗng phát nổ tiếng sấm « LÔI THINH » để phân định Lưỡng-Nghi thì khí khinh-thanh nổi lên làm Trời, khí trọng-trục lắng xuống làm Đất.

Có Lưỡng-Nghi tức là có Âm có Dương và âm dương theo lẽ điều-hòa cùng biến sanh ra Ngũ-hành là Kim, Mộc, Thủy, Hỏa, Thổ và năm âm : Cung, Thương, Giốc, Trủy, Vũ. Kể đó Lưỡng-Nghi biến sinh ra Tứ-tượng, Bát-Quái và vạn vật mới thành lập Càn Khôn cho đến ngày nay.

Tiếng Lôi Thịnh phân-định Âm Dương đó là tiếng Nhạc trước tiên của Vũ-Trụ truyền đạt khắp cả Trời Đất, chiếu hồn cả vạn-vật mà làm nguồn cội cho pháp Nhạc để nêu khuôn-mẫu cho giọng nói, tiếng kêu của người và vạn vật khắp Càn Khôn Thế Giới.

Bởi lẽ đó nên khi Trời Đất đã định phân biến sanh đủ vạn loại rồi thì cả thảy nhơn vật đều từng theo pháp ấy, nương theo thức nhạc trong năm âm mà giao cảm với các vẻ thuộc trạng thái: Hỉ, Nộ, Ái, Ố, Ai, Lạc, Dục riêng biệt của mỗi loại.

Tiếp thụ theo cơ-mầu thì Nhạc là một tinh-thần thiên-nhiên của Tạo-Hóa gây dựng để làm môi-giới, dẫn lối cho vạn loại lần hồi tiến hóa từ buổi thô-sơ đến hồi thanh-nhã cho tương hợp với phép Điều-Hòa của Trời Đất.

Phồn-Thanh và Nguyên-Thanh. — Luận về phương-diện thực-tế thì con người vẫn tối linh hơn vạn-vật, trong lúc nhàn rỗi hay để tâm tìm tòi dặng thấu triệt lẽ huyền-bí của mặt vô-hình, lắng nghe âm-thanh của vạn vật, do đó mới chế ra Nhạc. Mà tiếng động của vạn vật rất nhiều nên cổ-nhơn chia âm-thanh vạn vật ra làm hai thứ: thứ bởi Phồn-Thanh mà ra, thứ nhờ Nguyên-Thanh mà có.

Phồn-Thanh là tiếng người, Nguyên-Thanh là tiếng Trời. Tiếng người có khi tà khi chánh, tiếng Trời chỉ có chánh mà không tà. Tìm cái chánh của Thiên-Thanh (Nguyên-Thanh) để chế biến Nhơn-Thanh (Phồn-Thanh) mới đi đến chỗ thuần-âm diệu-lý, nắm cung cấu-tạo cho hợp giọng, điều-hòa mới tương ứng để phổ thành Nhạc-diệu thanh cao, dễ cảm-xúc mà không lẫn-loại, gây hân-hoan mà không loạn pháp.

Còn như âm-diệu tả ra những tiếng ta-thán uơn-hèn hoặc tiếng rên-siết u-buồn mà pha hơi dâm dăng, ấy là rờng diệu Nhơn-Thanh vậy.

Nhạc-diệu như thế thật là « phạm phụ tục tử ».

Thiên-Thanh vốn phát khởi nơi muôn vật mà muôn vật vốn tự nhiên: như tiếng suối chảy, thông reo, tiếng chim hót mùa xuân, tiếng trùng kêu mùa hạ, hoặc tiếng giọt mưa rơi trên tàu chuối, tiếng gió nhập rừng thông, mỗi mỗi đều có âm-diệu thanh-nhã. Vừa thoát nghe qua khiến lòng người được thơ-thới, chí ở chỗ cao-xa, như « chúng điều cao phi », hoặc có cái hứng thú như « có vân nhàn khứ », đem so-sánh với Phồn-Thanh phạm tục của người thì thấy cách biệt xa vời như Trời với Đất.

Nếu hiểu như thế mới thấu triệt được phần nào Pháp và Lý của Nhạc theo ý-niệm của cổ-nhơn.

Tác dụng hồ-tương giữa nhạc và nội tâm. — Nội tâm và nhạc có sự giao-hỗ cảm thụ trực tiếp vì lẽ lòng người cảm-xúc ngoại cảnh mà thành ra tiếng nhạc và tiếng nhạc trở lại cảm-hóa lòng người.

Như khi thấy ngoại cảnh đau thương thì khiến lòng người chua xót nên thanh-âm nghe ra bi-đát, lúc gặp ngoại cảnh tốt tươi thì lòng người vui-vẻ nên thanh-âm nghe ra êm-dềm tiêu-sái, khi ngoại cảnh thỏa thích thì trong lòng hớn-hở nên thanh-âm hê-hả, ngoại cảnh chẳng lành thì trong lòng bức-tức nên thanh-âm lại thô-thiền, khi ngoại cảnh có việc tôn nghiêm thì thanh-âm nghe ra chánh-trực nghiêm-trang và nếu ngộ cảnh sinh ra lòng yêu mến thì thanh-âm nghe dịu-dàng, hòa-nhã.

Vì sự ứng cảm khởi nguyên ở ngoại vật mà phát động rồi tâm-thuật mới hình dung rõ ra nên có thể luận định là nhạc-thanh thiện hay ác đều tự lòng người cảm điều thiện hay điều ác mà sinh ra và khiến cho người có tác-dộng thiện hay ác.

Nói một cách khác là nhạc và lòng người có ảnh-hưởng lẫn nhau khiến cho ta nhận thức được hai phương-diện tốt và xấu của âm-nhạc. Các đấng thánh-hiền cho rằng nhạc tốt hay xấu đều do lòng người phát sanh. Lòng người

cảm điều thiện thì thiện-thanh ứng mà cảm điều ác thì ác-thanh ứng. Sự thiện ác của nhạc do lòng người mà sinh ra rồi lại cảm-hóa lòng người khiến cho thành thiện hay ác. Ví dụ nhạc-thanh thiện cảm người thì lòng người hóa đi mà làm điều thiện, nhạc-thanh ác thì lòng người theo mà làm điều ác.

Nhờ lãnh hội được triết-đề tác-dụng hỗ-tương giữa nhạc và nội-tâm nên các bậc đế-vương thời trước mới dùng âm-nhạc để cảm-hóa lòng người cho được chí thiện chí mỹ.

Âm-nhạc theo quan-niệm của bà DE STAEL, một Nữ-sĩ Pháp-quốc.— Để kết luận về tác-dụng hỗ-tương giữa nhạc và nội-tâm, thiết tưởng cũng nên nêu ra đây một đoạn văn xuôi của Bà Nữ-sĩ DE STAEL (sinh năm 1766 mất năm 1817) mà chúng tôi xin tạm dịch như sau :

ÂM-NHẠC

Trong các bộ-môn mỹ-thuật, âm-nhạc có động-tác nhanh chóng nhứt đối với tâm-hồn. Các mỹ-thuật khác chỉ hướng dẫn linh-hồn có ý-niệm này nọ, riêng âm-nhạc tiến thẳng vào thâm tâm và thay đổi hẳn cuộc diện lòng ta.

Cái vui của nhạc-kịch khéo kích-thích không phải là một thứ vui thô-thiển chẳng bổ-ích gì cho trí tưởng-tượng. Trong thâm-căn của cái vui đó, có lẫn đầy những cảm-giác nên thơ, có sự mơ màng khoái-lạc mà những câu chuyện khôi

LA MUSIQUE

De tous les beaux-arts, la musique est celui qui agit le plus immédiatement sur l'âme. Les autres la dirigent sur telle idée, celui-là seul s'adresse à la source intime de l'existence et change entier la disposition intérieure.

La gaieté même que la musique bouffe sait si bien exciter n'est point une gaieté vulgaire qui ne dise rien à l'imagination. Au fond de la joie qu'elle donne, il y a des sensations poétiques, une rêverie agréable que les plaisanteries parlées ne sauraient

hài chẳng thế nào làm cho ta cảm hứng được. Âm-nhạc là một hoan-lạc nhứt thời của tâm-hồn mà người ta có cảm-giác vừa nghe thấy, chốc đã lẫn mất, chỉ lưu lại một ấn-tượng vừa sâu muện vừa thỏa thích lẫn lộn, nhưng khi diễn tả đau thương nó lại còn kêu gọi một tâm-sự dịu-dàng êm ái.

Nghe âm-nhạc, quả tim đập nhanh hơn, sự thỏa-mãn do nhịp-phách đều-dẫn tạo nên khiến phải nhớ đến thời gian quá ngắn ngủi, làm cho ta thấy cần tận hưởng nó.

Lúc bấy giờ không có chỗ nào trống-rỗng nữa, chung quanh ta chẳng còn hiu-quạnh, cuộc đời lại đầy thi-vị, máu càng lưu chuyển nhanh thêm, ta tự cảm thấy cơ quan hoạt-động hăng-hái và nếu gặp các chướng ngại cản trở, ta không còn biết sợ chút nào.

Âm-nhạc lại còn ngụ-ý cho chúng ta rõ rằng trong linh-hồn có nhiều bản-năng có lúc nghe nhạc, ta tự cho làm được những việc phi-thường cao-cả. Nhờ có nhạc

jamais inspirer. La musique est un plaisir si passager, on le sent tellement s'échapper à mesure qu'on l'éprouve, qu'une impression mélancolique se mêle à la gaieté qu'elle cause, mais aussi quand elle exprime la douleur, elle fait encore connaître un sentiment doux.

Le cœur bat plus vite en l'écoutant, la satisfaction que cause la régularité de la mesure, en rappelant la brièveté du temps, donne le besoin d'en jouir.

Il n'y a plus de vide, il n'y a plus de silence autour de vous, la vie est remplie, le sang coule rapidement, vous sentez en vous-même le mouvement que donne une existence active, et vous n'avez point à craindre, au dehors de vous, les obstacles qu'elle rencontre.

La musique double l'idée que nous avons des facultés de notre âme, quand on l'entend, on se sent capable des plus nobles efforts. C'est

mà người ta lại phẫn-khởi | *par elle qu'on marche à la*
tiến bước đến tử-địa, âm- | *mort avec enthousiasme, elle*
nhạc lại còn được một sự | *a l'heureuse impuissance de*
bất-lực may-mắn là không | *n'exprimer aucun sentiment*
thể nào diễn đạt được những | *bas, aucun artifice; aucun*
tình-cảm thấp kém, những | *mensonge...*
sự xảo-trá, giả-dối...

Lễ Nhạc tương-liên tương-ứng. — Điều cần-thiết khi đề-cập đến Nhạc mà không nói đến Lễ là một thiếu-sót vì Thánh-Hiền đã công nhận Lễ-Nhạc như hình với bóng, có những mối tương-liên tương-ứng. Lễ tượng-trung cho trật-tự để khiến hành-vi bên ngoài, Nhạc tượng-trung cho điều-hòa để khiến tâm-tĩnh bên trong. Có trong có ngoài mới được sự phù-hợp hoàn-bì.

Nếu trong một xã-hội không có Lễ thì xã-hội ấy tất nhiên xáo-trộn vì Lễ là một phương-pháp thích ứng để ràng buộc con người không được phóng đãng, phải xa lánh điều tà, gần với điều chánh. Do đó, Lễ mới quan-hệ mật-thiết đến nền luân-lý, phong-tục, giáo-dục và chánh-trị vậy.

Nhưng dụng Lễ quá đáng cũng chẳng phải là Lễ (Lễ chi phi lễ). Ví dụ: những kẻ xu-nịnh thường đi quá cái Lễ nên làm cho nhiều người khó chịu. Biết áp-dụng Lễ đúng mức-độ thì tất có hiệu-lực để phòng-ngừa việc không hay có thể xảy ra.

Như đã trình-bày từ-trước, Nhạc do âm-thanh phát-sinh, có công-dụng điều-hòa tính-tĩnh. Lòng người cảm-xúc ngoại vật mà phát ra âm-thanh và âm-thanh trở lại cảm-hóa lòng người nên nhơn-tâm theo đó mà thay đổi.

Ngoại cảnh không được vui thì nội cảnh sinh buồn nên âm-thanh có khi du-dương, khi hùng-tráng hay ai-oán tùy nơi trạng huống của từng trường-hợp.

Nhạc có sức cảm mạnh lòng người như thi-ca cho nên công-dụng của nó có thể di phong dịch tục. Một dân-tộc hèn-yếu thì âm-nhạc hay thi-ca không thể lành mạnh, một dân-tộc ham khoái-lạc thì nhạc-ca thường tán-dương những chuyện đời phong bại tục. Âm-nhạc đời thanh-trị nghe ra yên-tĩnh vui-vẻ, âm-nhạc lúc mất nước thì nghe bi-ai sâu-thẳm. Do vậy mới có câu: «Thầm nhạc dĩ tri chính»: xét kỹ âm-nhạc thì biết chính-trị.

Luận kết là Lễ cần được giữ cho thuần-lý giản-dị và trang-nghiêm, không được thái quá, Nhạc phải được điều-hòa cho hùng-hồn tao-nhã, không được ủy-mị.

NGUYỄN CÔNG-THIỆN

(bài này mang số K.D. 709 TBTTCH/BC3/XB.13/3/1967)

KIM CANG

59, đường PHẠM HỮU-CHÍ (Chợ-lớn)

(Bên hông Y-Viện Chợ Rẫy)

CHUYÊN LÀM BẰNG MÁY :

Các nắp chai đủ cỡ, bằng nhôm hay bằng thiếc cho các nhà thuốc Tây và nhà thuốc Bắc.

TƯỚNG QUÂN TRƯỞNG CÔNG-ĐỊNH

Ngài tuân-tiết ở xã Gia-thuận, tỉnh Gò-công

của Trọng-toàn NGUYỄN-VĂN-KIÊM

Tôi muốn tham-gia ý-kiến với Cụ Trần-thúc-Linh đã viết một bài ở báo Thần-Chung số 18-8-1966.

Cụ Trần-thúc-Linh có đăng một bài kỷ-niệm Tướng-quân Trương-công-Định. Bài đó, tài-liệu đầy-đủ đời-dào.

Nhưng, có một câu, tôi cho là không rõ-rệt lắm : « nơi Ông Trương-công-Định chết hơi gần chỗ hai sông Vàm cỏ hợp-lưu ».



Quý vị độc-giả hay quen con đường Saigon — Bến-Lức ; đi xa nữa, sẽ tới Mỹ-tho.

Vậy, xin mời quý vị đi tới Bến-Lức.

Tôi chờ tại đó, và dẫn đường đi tới xã Gia-thuận, tỉnh Gò-công.

Ta kiếm một chiếc ghe nhỏ hay một chiếc ho-bo, thả theo nước ròng, về hướng Đ.N. (đông nam).

Đi chừng 20 cây số, sẽ thấy chợ Nhứt-tảo. Không ghé lại đây. Chạy 10, 15 cây số, thì tới miếu Ông, Bần Quì.



Ta cần nhớ kỹ về mấy con sông — sông, gò, núi dùng để đánh dấu.

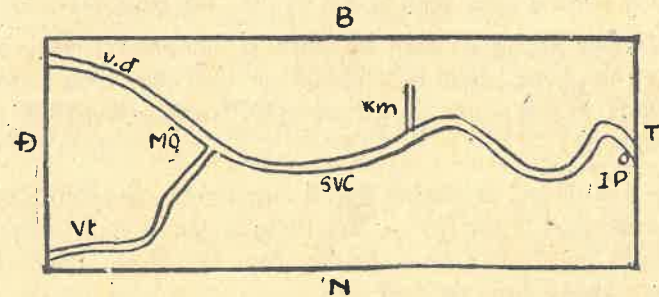
Từ Bến-Lức tới miếu Ông, Bần Quì, là sông Vàm cỏ đông, *Vaïco Oriental*.

Từ Tân-an tới miếu Ông, là sông Vàm cỏ tây, *Vaïco occidental*. Miếu Ông là chỗ hợp lưu hai con sông đó.

Từ miếu Ông, đi xuống xuôi, ta sẽ gặp : quận Cần-đước, bến « bac » Cầu nổi hay xã Mỹ-lợi, vàm Kinh nước Mặn, xã Tân-phước, thuộc tỉnh Gò-công.

Từ Tân-phước ra tới Soirap, độ chừng 20, 25 cây số. Tân-phước là bến ghe thuyền.

Giải-thích sơ-đồ



Vđ = Vàm cỏ đông,
Mô = Miếu Ông,
SVC = Sông Vàm cỏ,

Vt = Vàm cỏ tây,
Km = Kinh nước mặn,
TP = Xã Tân-phước.

— Miếu Ông, Bần-quì là hai địa-điểm khác nhau.

— Miếu Ông: nơi thờ Ông xá lại Mai-bá-Hương, thuộc tỉnh Tân-an cũ.

— Bần-Quì: từ miếu Ông, ngó ra hướng Đ (đông), mé sông tây trái, thấy một đặng bản 2, 3 cây số. Nhiều cây bản cao lớn, bị đất lở, nó ngã ra mé nước, nó « quì ».

— Vàm Kinh Nước Mặn: là một nơi cách quận-lỵ Cần-đước chừng 3 cây số về hướng Đ (đông). Nối liền Cần-đước và Saigon.



Tôi đã dùng một họa-đồ quá đơn-giản, không có tỷ-lệ, cũng không có quận-lỵ Cần-đước. Phải được một họa-đồ của sở Địa-chánh, thì hay hơn.

Từ miếu Ông đến Kinh nước Mặn, tính theo đường chim bay, độ chừng 9, 10 cây số.

Từ Kinh nước Mặn đến xã Tân-phước, độ chừng 19, 20 cây số.

Vậy, từ miếu Ông (tỉnh Tân-an) đến xã Tân-phước (tỉnh Gò-công) lối 29, 30 cây số. Nghĩa-quân của Ông Trương-công-Định, nếu bơi xuồng hay đi bộ, cũng hơi xa, mất gần một ngày..

Xã Tân-phước ở kề bên đường lộ Gò-công — Tân-phước. Xã Gia-thuận, ở phía nam, khít nút với Tân-phước.

Ông Trương-công-Định bị đạn và tuần-tiết ở xã Gia-thuận.

Bấy giờ, không có trạm bưu-diện ở Tân-phước. Nếu có tin điền từ Tân-phước đánh đi, cho hay cái chết của Ông Trương-công-Định, thì lớp người sau cứ tưởng Ông Trương-công-Định chết tại Tân-phước.

Xã Gia-thuận, có một hai đám lá dừa nước, rộng lớn, tối om, nên gọi là « đám lá tối Trời ». Sau 1945, lá còn ít ít. Từ 1955 tới nay, hay bị đạn đại-bác, bom sấn-đặc, đám lá xơ-xác thêm. (Tôi nghe nói, không được rõ lắm).

Di-hài Ông Trương-công-Định được chở về gần chợ Gò-công. Thân-quyển xin phép chôn. Và đã chôn gần « Inspection », theo báo chí của người Pháp. Inspection là trụ-sở của sĩ-quan Thanh-tra hành-chánh.

Cái gọi là châu-thành Gò-công thuở đó là một lổm nhỏ; nó bằng 1/8, 1/10 của tỉnh-lỵ Gò-công 1939, trước chiến-tranh Âu-châu. Ra khỏi châu-thành là lùm buội.

(Gò-công là một xứ rừng sát. Lối 1920, còn thấy cộp loạn rừng, chạy đến Trường cổc, một địa-diềm ở gần công-lộ Gò-công đi Cầu Nổi. Đến 1925, 1930, ở một hai nơi, còn có dip đi sấn heo rừng).

Trụ-sở Hành-chánh năm 1864 (?) cách « Lãng » ông Trương-công-Định chừng 90m, 100m; nó không cùng một địa-diềm với Tòa bố năm 1939.



Mấy bức tuôi cao, được thấy di-hài Ông Trương-công-Định, và cho biết :

Ngài mặc quần áo hàng đen, bịt khăn đỏ, mang giày tâu. Nút áo giống cái hoa vải, màu xanh, lớn 2, 3 phân.



Không biết chắc tên họ của Ngài là Trương-Định hay là Trương-công-Định? Mấy học-giả nên xét lại.

Tái bút : Một hai nhà văn, nhà báo quá tin-tưởng nơi mình; tên họ của Võ-Tánh, họ đời ra Vũ-Tính, của Sương-nguyệt-Anh (không dấu sắc) đời ra Sương-nguyệt-Ánh (có dấu sắc).



Về địa-danh, tôi xin nói thêm.

1) Hạnh-thông-Tây (không dấu nặng), cách Saigon 8, 9 cây số, nhiều nhật-báo hay viết là Hạnh-thông-Tây (có dấu nặng).

2) Tôi biết ba địa-diềm gọi là Tân-an :

— tỉnh Tân-an;

— đình Tân-an, gần Đất hộ, Saigon;

— xã Tân-an, ở tỉnh-lỵ Cần-thơ.

3) Có một nơi, gọi là Gò-công, ở trong quận Thủ-đức;

4) Xứ Rạch già (dấu huyền) ở gần Bến chùa, Dương-phước, tỉnh Gò-công. Hình như quân Pháp có tuần-tiểu ở đó lối 1864. Rạch già (dấu huyền) dễ lẫn với tỉnh Rạch-giá, Kiên-giang (dấu sắc).

Trọng-Toàn NGUYỄN-VĂN-KIỆM

(bài này mang số K.D. 709 TBTTCH/BC3/XB.13/3/1967)

Những mối thao-thức thời-đại

Người mẹ ngày nay

★ Bài của bà VIỆT-THƯỜNG

Khoa-học của Tây-phương đem lại nhiều tiến-bộ, nâng con người lên cao, nhưng ở vài điểm lại « hạ » con người xuống thấp mà nếu không đề ý, chẳng ai ngờ.

Càng ngày con người càng có nhiều hy-vọng để trở thành một con số, không hơn không kém, càng có thể trở thành một cái máy hơn là một sinh-vật có suy-tưởng, có phần tinh-thần cũng quan-trọng không kém phần thể-xác chút nào.

Đứng về phía phụ-nữ, chúng ta càng thấy khoa-học giúp cho đàn-bà, hay nói rõ hơn, xui bậy cho đàn-bà trở thành giả-dối, man-trá : khoa sửa sắc-đẹp, giải-phẫu ngực, độn hóa chất vào cho ngực cao lên (của giới phụ-nữ có tiền) và xài lông mi giả, độn mousse (của giới phụ-nữ ít tiền hơn) v.v...

Tôi nhớ ngày xưa có đọc một cuốn sách của ông Nguyễn Hiến Lê, ông bảo rằng : « các bà giả-dối không bao giờ để cho con thấy cái mặt thật (tô son, đánh phấn) và làm cho mình mang bệnh vì thói mang giày cao gót ». Nhưng ngày nay, chắc ông ngao ngán không thể phê-bình nữa, bởi sự giả-dối không còn chỉ ở trên mặt, dưới chân mà lan rộng ra và nguy-hiểm hơn nữa là trở thành một « bệnh thời-đại », một « mốt ».

Di-nhiên con người vốn tự-do (!), người ta muốn làm gì tùy ý, như mọi bên Phi-Châu đeo vòng trên mũi, đó thì sao ?

Song cái tác-hại của sự « đua nhau làm đẹp » đã đưa một số phụ-nữ, phần đông là phụ-nữ thị-thành, trở nên nhác-nhờn, chối bỏ, tránh trút nhiệm-vụ chính-đáng và cao-qui của người đàn-bà : đó là chuyện họ sợ hư ngực, không cho con bú.

Hầu hết trong các nhà bảo-sinh hiện nay, người ta khó lòng mà thấy một sản phụ vui lòng cho con bú. Bị nhiễm thói văn-minh nửa vời của Tây-phương, họ sợ cho con bú thì xấu người, hư ngực, hại sức khỏe và không ngại chi mà không đem sữa bò thay vào sữa mẹ. Cách đây vài chục năm, hạng đàn-bà này dùng lối thuê vú, nhưng bây giờ thì để gì thuê vú ? Đi làm cho Mỹ nhiều tiền hơn mà.

Nếu người ta bảo rằng sinh-kế khó-khăn cho nên người mẹ trong gia-đình đã phải chường mặt ra xã-hội phụ với chồng kiếm sống thì người ta cũng nên đau lòng mà nhận rằng không phải đàn-bà nào cũng « cần lao » như vậy. Thành phần này tuy ít song chính họ đã làm gương xấu cho những kẻ nông cạn noi theo, ao ước, thèm khát và hễ có dịp, có thể là thực-hiện cho bằng được lối sống của họ liền.

Các nữ thị dân thời nay tiêu phí thì giờ trong các Viện : Viện uốn tóc, Viện thẩm mỹ, hay các Hiệu : Hiệu May, Hiệu ăn, Hiệu nữ trang ! Với một số người thì Viện hay Hiệu nào có mang những cái tên ngoại-quốc lại càng được chiêu-cổ ! — Làm y như ra vào đó mới là người thuộc hạng « cao » và kiến-thức con người có dính-dấp, họ-hàng với mấy cái tên ngoại-quốc vậy ! Khốn khổ ! các Viện, Hiệu đã tranh mất người mẹ của đứa-con, mà nào ai lên tiếng giùm cho ? Bởi trẻ thơ dại làm sao biết đòi quyền, hỏi lợi của mình ?

Một số các ông chồng cũng công-nhận rằng « cần gì cho con bú », thiếu chi loại sữa đắt tiền có pha nhiều sinh-tổ hợp với trẻ con.

Các tạp-chi mạng danh là phụ-nữ thì góp công đắc-lực vào việc « giúp người phụ-nữ tô môi, vẽ mắt » và chinh-phục đàn ông. Có như vậy báo mới bán chạy mà nếu ai muốn tìm báo sách đứng đắn thì cũng không tìm thấy, thật là một cái vòng lẩn-quẩn. Các hội phụ-nữ thì hội-hợp, diễn-thuyết, chụp hình đăng báo, kiếm mọi cách để được quay phim chiếu hình mình lên màn ảnh, nhất là những dịp lễ

lạc hội hè. Một người bạn nói với chúng tôi rằng : « nhờ chiến-tranh và những trẻ nghèo khổ, mồ côi cho nên một số phụ-nữ nhàn rỗi có tiếng tăm, được nhiều người biết tới, nhất là người ngoại quốc ! », có lẽ ý nghĩ đó hơi quá, song không phải là sai.

Người ta đâm lo : rồi đây phụ-nữ sẽ đi về đâu, nếu họ quên mất bổn-phận chính của mình mà chăm lo cái phụ (nghĩa là lo chăm sóc bề ngoài không) và như vậy họ có đáng được bình-đẳng cùng nam-giới hay không ? Chắc là không ! Vì trong lúc đàn ông xông-pha chiến-trận, đánh nhau vì lý-tưởng (!), các bà ở nhà chỉ lo trang-điểm cho đàn ông ngoại-quốc ngắm nhìn (và không biết cái gì sẽ xảy ra nữa) bỏ bê con cái ở nhà, không liếc qua một cái, chớ đừng nói chi đến mất đàng-hoàng.

Như vậy người ta trách chi con gái không sớm hư ? Tốt, hay làm sao được trong khi gương xấu nhan nhản trong nhà, ngoài phố ?

Người ta khảo-cứu thăm dò tâm-lý trẻ con làm chi mà không chịu nhận rằng nguyên-nhân sờ sờ trước mắt ? Nói chi những lời cao xa bay bướm mà không bàn vào những chuyện thực-tế rõ-ràng ? Sở dĩ ngày nay trẻ con hư hỏng là vì người mẹ không chăm lo cho con từ nhỏ, sở dĩ người mẹ không lo tròn bổn-phận là vì những xa-xỉ phạm nhập-cảng quá nhiều, Viên, Hiệu mọc lên như nấm, cách kiếm tiền chỉ khó đối với một số người, còn với một số khác lại quá dễ dàng và sách báo « phụ-nữ » không nói lên được sự cần-thiết cùng bổn-phận chính-yếu của nữ-giới, nhất là họ nhiễm-độc vì tư tưởng ích-kỷ của Tây-phương... chính những cái đó kéo họ ra khỏi bổn-phận và càng ngày họ càng xa hơn. Nếu được giáo-dục, hướng-dẫn tử-tế, người đàn bà hiền rõ sự cao đẹp trong khi làm bổn-phận, mà bổn-phận đầu-tiên, thiết-thực là cho con bú khi bắt đầu làm mẹ, họ sẽ nhờ gần-gũi con mà phát-triển vẹn-toàn Mẫu-tính, một khí-giới hữu-hiệu để chống trả lại những cám-dỗ bên ngoài và lòng ham muốn làm đẹp bề ngoài.

Họ sẽ hiểu rằng « **KHÔNG GÌ BUỒN BẰNG CUỘC ĐỜI CỦA NHỮNG NGƯỜI ĐÀN-BÀ CHỈ BIẾT CHĂM LO SẮC ĐẸP VÌ KHÔNG GÌ NGẮN-NGỦI BẰNG SẮC ĐẸP** », và như

vậy họ sẽ cố trau-dồi nhân-cách, chia sớt trách-nhiệm với đàn ông. Họ không còn là con búp bê vô dụng chỉ để nhìn ngắm, không nhai nhai xưng mình là phái yếu, không nô-lệ cho sắc-đẹp và hạ mình xuống lệ-thuộc vào sắc đẹp mong manh đó, không vất-vả chạy theo thời-trang và chạy đua theo những trò vô-nghĩa..

Khi người phụ-nữ thuộc vào thành phần trí-thức (!) lập hội hè, hoạt-động công-tác xã-hội không cốt để chường mặt, bắt tay mà cốt lo hàn gán những thương-đau của xã-hội một cách vô-vị-lợi cùng là bình-vực quyền-lợi cùng phẩm-giá nữ-giới một cách đặc-lực tận-tâm thì họ mới đáng xưng tụng khoe-khoang mình là con của giống Rồng Tiên, có những bậc tiền-nhân như Trưng, Triệu. Còn nếu không xứng-đáng với gương đó mà cứ đem « bốn ngàn năm văn hiến » ra thì e quá nhảm tai lại còn làm trò cười cho nam-giới.

Như vừa mới đây, cái đề-nghị của bà Vui, nếu có người cùng bà bàn bạc, thảo luận trước thì chắc bà đã không quá hấp-tấp đưa ra (nhưng đó là một vấn-đề khác không thuộc phạm-vi bài này, xin miễn bàn, để vào dịp khác).

Đành rằng thời-đại này quan-niệm người nội-trợ chỉ ở trong nhà là một quan-niệm lỗi-thời, song nếu các bà ham việc xã-hội, dù vì tiếng tăm, vì chính ích-lợi thiết-thực cho nữ-giới, vì muốn góp phần đặc-lực vào cộng-đồng xã-hội, mà đến nỗi quên bổn-phận đối với con mình thì đó lại cũng là một sơ sót quá lớn không gì bù đắp được.

Vì không gì xứng-đáng cho người phụ-nữ phải chăm-lo hơn là sự chu toàn bổn-phận đối với con mình, cả về mặt tinh-thần, giáo-dục cũng như sự chăm nom săn sóc đến sức khỏe, bú mớm.... trước khi các bà lo việc xã-hội và chăm lo đến sắc đẹp của mình.

Một người phụ-nữ không bao giờ nên quên điều ấy, trước khi bà bàn hay nghĩ đến những việc cao xa, vì rằng giá-trị thật của nữ-giới là vai-trò làm Mẹ và là chu toàn vai-trò đó.

VIỆT-THƯỜNG

PHÊ-BÌNH HÁT-BỘI

Bài của Thân-văn
NGUYỄN VĂN QUÍ

THÂM Ý— Tôi thích hát-bội, hiểu hát-bội, biết chỗ nào hay, chỗ nào dở, thuộc tuồng, phân-biệt được nam-khách thán-oán, nhưng thật, giá như ai biểu tôi lên sân-khấu thủ một vai nào đó, như Tư-Đồ chẳng hạn (tuồng Tam-quốc Phụng-nghi-Đình), tôi không làm sao hơn anh em nghệ-sĩ được. Khi kêu « Bớ Trương-Ốn, Bớ Đình-Quản », tôi lia không được. Tôi không biết chống cây gậy làm sao cho gọn. Khi tôi cất nghĩa liên-huờn-kế cho Diêu-Thuyền nói:

« Tiên bà nỡ cha đưa (con) cho Lữ-Bổ »

rồi liếc Diêu-Thuyền, nói lối giả: « Cha gả con, rồi cha... cha bắt con lại ».

« Hậu tương lai hứa dũ Đồng-công »

Đến đây tôi không chảy nước mắt được, mà phải có đồ lụy mới có màu-mè.

Tuy lên sân-khấu không được, nhưng điệu-bộ Tư-Đồ sai thì tôi thấy ngay.

Làm một nghệ-sĩ không phải chỉ có bộ tốt, có giọng ấm, hát nam-khách điêu luyện, mà còn phải hiểu sự tích truyện, nhứt là phải rõ tâm-lý nhân-vật trong truyện, mới lột hết tinh-thần và có cử-chỉ gần như cái vai mình đóng.

Nghệ-sĩ hát-bội thiếu diềm này, nên diễn sai sự thật. Nói một ví-dụ, như làm Đồng-Trác ra thẳng hề mập-ú, trong khi Đồng-Trác là một vị tề-tướng oai-nghi lắm-liệt, lệnh ra như chém cột, giết người không nhơn tay.

Hỏi anh em nghệ-sĩ thì họ đáp rằng từ xưa tiền-bối trong nghề dạy hát như vậy, không thể sửa và nếu tự-tiện sửa cho đúng vai tuồng thì đồng-nghiệp chê học không thầy. Nghĩ như thế rất nông cạn. Đời ta ngày một mới (nhứt nhứt tân, hựu nhứt tân) thiên-hạ ngày càng thông, nghệ-thuật ngày thêm canh tân, nếu mình khur-khur giữ cái sai-làm cũ thì phát-triển thế nào được? Tôi nhớ ông Lê-phát-Vĩnh khi còn sanh tiền thường nói với tôi câu:

« Xuất-nho cự chương kỳ mạng duy tân »

Mục « Phê-bình hát-bội », tôi sẽ nói ý tôi về những chỗ sai lầm về diễn-xuất, chỗ hiểu lầm vai tuồng, nói một cách tổng-quát, chớ không ám-chỉ cá-nhân nào, thâm-tâm giúp cho nghệ-thuật sân-khấu cổ truyền đi tới mức « lô hỏa thuần thanh » (lửa xanh lò rèn).

Tôi sẽ nói từ vai tuồng, chỉ chỗ hiểu sai trong lối diễn-xuất. Độc-giả không đồng ý, thì xin chỉ dạy. Thâm cảm!

Phê-bình hát-bội trong khi hát-bội sắp tàn là làm một chuyện lỗi-thời, và suy-nghĩ kỹ thì không bỏ-ích vào đâu, nhưng gợi lại trong trí một nghệ-thuật quý-báu, tưởng không phải là vô-ích vậy. Lại giúp vui cho độc-giả, ước nguyện giải phần nào nỗi ưu-ur trong thời loạn-lạc.



TUỒNG THẦY SAN-HẬU

Tuồng này có đôi vai diễn không đúng. Đành rằng hát-bội là lối tượng-trưng nhưng cũng phải tượng-trưng thế nào cho phù-hợp với sự thật, với ý-chí của vai tuồng trong truyện.

Vai Khương-Linh-Tá — Linh-Tá anh-hùng, coi chết nhẹ như lông hồng cho nên hồi cùng Kim-Lân phò bà thứ Phàn-phụng-Co

ra San-Hậu thành, dám hy-sanh tánh-mạng cản hậu, đề cho Kim-Lân thoát tay Ôn-Đình.

Thế mà khi dự yến Tiều-giang-san, Ôn-Đình chém Triệu-khắc-Thường thì vai Linh-Tá đứng run lập-cập, đề cho khi mãn tiệc Ôn-Đình bước xuống lặn bên nây, thúc bên kia, coi Linh-Tá như rơm-rác. Đâu là tài trảm tướng đoạt quan, đâu là khí anh-hùng hào-kiệt? Có phải là nghệ-sĩ làm giảm giá-trị (nói mất giá-trị đúng hơn) của Linh-Tá chăng?

Diễn sai. Như vậy là hèn cho Linh-Tá và không đúng với chí-khí hào-hùng của một tướng dám một mình đương cự ba anh em Ôn-Đình. Đáng lẽ khi chém Triệu-khắc-Thường, Linh-Tá tỏ vẻ uất-ức, muốn nhảy ra cứu, hềm vì đơn thân nhứt mã, chống sao cho lại Ôn-Đình, Lôi-Phuông, Lôi-Nhược. Đành phải quyền-biến nhứt thời, nghĩa là giả làm sợ. Hướng-chi trong tường, Linh-Tá nói:

- « Cám thương người nghĩa-khí,
- « Hồn bầy đảng gian-thần.
- « Cơ-nghiệp Tề chẳng khác trứng chông,
- « Binh quyền Tạ đường như đá chắt.

(Đương khi trong tiệc, thằng Tạ-ôn-Đình nó chém Triệu-khắc-Thường, ta cũng muốn ra tay thủ-đoạn cứu hãn đó chút).

- « Phải một thằng thì mổ dám đương,
- « Năm bảy đứa hơi nào mà chống (cho đặng)

(đã mần rứa lại thêm)

- « Thầy bá quan ai nấy,
- « Đều úy tử tham sanh. (còn như tôi)
- « Chỉ một sợi chỉ mảnh,
- « Mà gắng sức treo chuông cho nổi.

(Bởi vậy) « Cắn cái răng, chặt tấm lưới,
« Ôm tấm phôi, xốt lá gan,
« Há rằng sợ loài gian...

Văn tường như thế ấy, mà diễn-viên làm nhục Linh-Tá. Theo ý tôi, khi trong tiệc, Linh-Tá cắn răng, chặt lưới, xoa bụng, mới là đúng điệu-bộ.

Lại nữa, anh-hùng khi chặn Ôn-Đình, nói cứng-cỏi:

- « Xưa nay chốn thác,
- « Là miếu anh-hùng.
- « Mổ dóc gánh Tề-Triều thờ-võ,
- « Min lăm trừ khử Tạ-giang-san.
- « Tận kỳ trung vốn có một ta,
- « Thủ kỳ nghĩa chém đầu ba gã...

Bị chém rồi còn ôm đầu chạy làm cho Ôn-Đình rờn óc thì sợ chết chỗ nào mà run trong tiệc tiều-giang-san?

NGUYỄN VĂN QUÍ

CÁC BẠN SINH-VIÊN HÃY TÌM MUA:

Việt-Nam ĐẠI-HỌC TÙNG-THƠ

— Gần đây hoạt-động rất mạnh, in ra mấy chục quyển sách mới dịch về Toán Điện, Quang-học, Vật-lý-học của Ricoux, Dévoré, Arnoult và Delaval.

— Địa chỉ: Ô. PHẠM LONG-ĐIỀN

51/7, đường Nguyễn Trãi (CHOLON)

ĐỀ GÓP VÀO BỘ VĂN-HỌC ĐỒNG-NAI :

MỘT ĐOẠN DĨ-VĂNG KỊCH - NGHỆ MIỀN NAM

Từ Hát-Bội đến Thoại-Kịch

(Tiếp theo)

của Thuần-Phong NGÔ-VĂN-PHÁT

VĂN-NGHỆ TRUYỀN-BÁ QUỐC-NGŨ

Văn-ngệ sinh-viên dường như có linh-cảm, dự-đoán cuộc Cách-Mạng Mùa Thu, đã lên tiếng kêu gọi thanh-niên « đứng lên đáp lời sông núi » và đánh-thức đồng-bào từ Bắc chí Nam bằng cách sáng-tác tân-nhạc và vũ-khúc, tấu-diễn chen kẽ với thoại-kịch lịch-sử, biến sân-khấu trong một giai-đoạn ngắn-ngủ thành diễn-đàn tuyên-truyền cho lòng yêu nước và, do đó, tạo cho sân-khấu một sắc-thái mới, có tác-dụng cải-cách sân-khấu cải-lương và cải-thiện sân-khấu thoại-kịch.

Trên đất Đồng-Nai, cuộc tranh-đấu võ-trang đã bắt đầu từ ngày 23-9-1945: sân-khấu cùng đời sống nhơn-dân đã bị gián-đoạn vì chiến-tranh, sau một thời-gian tản-cư, mới trở về thành kéo màn hoạt-động trở lại.

Sau khi hồi-cư, những kẻ cộng-tác với xâm-lãng thì hoạt-động với một khí-thế xu-thời, trong lúc những ai có chút lòng yêu nước lại sợng-sùng tủi-nhục vì thất-thế. Trong không-khí ngõ-ngang ấy, văn-ngệ cũng phân hai : những bồi bút thì mặc sức tung-hoành; những tay trung-kiên thì cẩn-thận né-núp; còn sân-khấu thì, trước thập mục và dưới ánh-sáng của đèn điện, không có can-đảm huy-động tinh-thần yêu nước như sân-khấu đã bắt đầu từ trước năm 1945, với văn-ngệ sanh-viên.

Phải chờ đến năm 1952, Hội Truyền-Bá Quốc-Ngũ trở ra đời, sân-khấu mới bắt đầu chuyển-động, hướng theo nhơn-dân.

Tháng 7 năm 1952, Hội Truyền-Bá Quốc-Ngũ sống trở lại (1) lãnh lấy nhiệm-vụ đã bỏ cù từ năm 1944, vì chiến-tranh. Để thật-hành nhiệm-vụ chống nạn mù chữ, Hội phải cố-động. Muốn cố-động, Hội cần phải qui-tụ đồng-bào binh-dân. Muốn qui-tụ đồng-bào binh-dân, Hội chỉ thấy có một phương-tiện là nhờ văn-ngệ binh-dân, thay vì viết bài bình-luận hay diễn-thuyết kêu gào: dân-tộc ta là một dân-tộc văn-ngệ sĩ; binh-dân ta vốn là tánh-chất văn-ngệ, vì đã từng đặt về đề ca-tụng hay bài-xích mọi hiện-tượng xã-hội khác thường và qua bao nhiêu đời trên đồng lúa xanh tươi, trên sông ngòi thi vị, đã và còn hồ hát lãnh-lót suốt sáng thâu đêm.

(1) Hội được phép hoạt-tộng trở lại do nghị-định số 1.395/Cab/DAA ngày 4-7-1952 với ban trị-sự gồm có :

- Hội-trưởng : Ô. Nguyễn-văn-Vi
- Phó Hội-trưởng : Ô. Trần-kim-Quan
- Thư-ký : Ô. Thuần-Phong Ngô-văn-Phát
- Phó Thư-ký : Ô. Lê-thọ-Xuân
- Thủ-bồn : Ô. Phạm-văn-Tươi
- Kiểm-soát-viên : Ô. Trọng-Goàn Nguyễn-văn-Kiểm.
- Cố-văn : Ô. Lê-quang-Hộ, Nguyễn-văn-Liễn, Tạ-đình-Thụạ

Vi vậy Hội Truyền-Bá Quốc-Ngữ đã thành-lập một ban văn-nghe trung-ương và mỗi chi-hội ở Saigon, Chợ-Lớn, Gia-Định và mỗi tỉnh-hội cũng có ban văn-nghe của mình. Mỗi ban văn-nghe cũng như là một gánh hát nhỏ. Từ ban Trung-trương đến ban chi-hội đều không có đồ nghề, không có tranh-cảnh y-quan, không có diễn-viên chuyên-nghiệp, duy có được một món quý, là tinh-thần phục-vụ. Dầu là giáo-viên của hội hay là bạn thân của hội, anh chị em văn-nghe Truyền-Bá Quốc-Ngữ nhờ có được tinh-thần phục-vụ cao-cả, nên không nệ cơm nhà áo vợ, không quản nắng gặt mưa dầm, ra công tri-chí, tận tâm nỗ-lực phục-vụ đồng-bào, lấy văn-nghe cổ-động cho sự-nghiệp chống nạn mù chữ, là mục-tiêu duy-nhứt và cuối cùng. Nhờ mục-tiêu duy-nhứt đó, mà chủ-trương văn-nghe mới được đồng nhứt, tuy là mỗi chi-hội có một ban văn-nghe của riêng mình: thường-xuyên, ở một chi-hội nào có trình-diễn văn-nghe thì anh chị em ở các chi-hội bạn được thông-báo và tụ-hội đến cùng nhau thảo-luận và tập-đượt, trong tinh-thần đại gia-đình.

Văn-nghe Truyền-Bá Quốc-Ngữ chỉ định cho mình một phận-sự độc-nhứt là cổ-động cho đồng-bào đi học i-tờ. Muốn cho đồng-bào được động-viên, văn-nghe đó phải đến sát với đồng-bào; muốn đến sát với đồng-bào, văn-nghe đó phải được hiệp-tình hiệp-ý với đồng-bào. Vậy thì văn-nghe Truyền-Bá Quốc-Ngữ phải có tánh-chất nhơn-dân.

Nhơn-dân Đồng-Nai sống mật-thiết với văn-nghe từ mấy trăm năm rồi. Nghĩa-khi, trung can, là tánh-chất của sân-khấu cổ-truyền, một sân-khấu luôn luôn sôi-động với hỉ, nộ, ái, ố, thứ sân-khấu in sâu dấu-tích của vua quan, thứ sân-khấu mà thời-cuộc dường như đẩy lui xa về dĩ-vãng. Những trận giặc trên sân-khấu cũ-càng ấy không phải là những trận giặc đương diễn ác-liệt trên đất nước chúng ta. Vi vậy tánh-chất của sân-khấu ấy không còn phù-hợp với tánh-khi chúng ta: vua quan, tướng-sĩ của truyện

Tàu cần phải nhường sân-khấu cho nhơn-dân Đồng-Nai, cho anh thợ-thuyền thất học, cho chị nông-dân mù chữ.

Anh chị em văn-nghe Truyền-Bá Quốc-Ngữ đã nhận-định thật-tế xã-hội như vậy, nên đã hoạch-định đường lối theo hướng nhơn-dân: người bình-dân thất học phải được bước lên sân-khấu để phơi-bày những tệ-hại của nạn mù chữ, để thúc-giục khuyên-bảo người ta rán sức đêm đêm đi học i-tờ. Nào chị gánh nước, anh hớt tóc, ông nhà quê, em chần trâu, cô lái đò, cô y-tá, anh giáo-viên, v.v... những nhơn-vật hết sức, tâm-thường của xã-hội đô-thị và nông-thôn, những nhơn-vật ai cũng biết mặt, ai cũng biết tánh, cùng mọi người chung-lộn hằng ngày, những nhơn-vật đó biểu-diễn trên sân-khấu Truyền-Bá Quốc-Ngữ. Con người của họ rất dôi quen thân ở ngoài xã-hội, nên chừng họ lên sân-khấu là được nhìn ra và được cảm-tình của khán-giả, gần như Lưu, Quan, Trương trên sân-khấu hát-bội. Do đó, những vở-kịch: *Đền trường, Hột Vịt Lộn, Dốt bóc lịch, Khoanh gạch, Lỡ khóc, lỡ cười, Nhân-loại, Ngày xuân, Kén rể, Chết tôi rồi anh xuôi ơ, Gió cuốn, Giấc-ngộ, Chờ đờ, Tiết-Đình-San tàn thời, Tam-Tạng thỉnh-kinh* rất được nhiệt-liệt hoan-nghinh. Đó là những vở thoại-kịch ngắn, rất ngắn, một hồi với đôi ba cảnh là cùng, mà đề-tài không có chi là anh-hùng hào-kiệt, không có gay-cấn bi-ai: những câu chuyện hết sức tâm thường, hết sức hằng ngày, những câu chuyện nhỏ-nhen xảy ra như cơm bữa trước mắt mọi người, dời lên sân-khấu Truyền-Bá Quốc-Ngữ được anh chị em diễn-viên nhấn rõ và phóng lớn Kịch-tánh, khiến câu chuyện linh-hoạt và thú-vị khác thường, có khả-năng hấp-dẫn không thua một tích hát-bội, một tuồng cải-lương. Vậy mới hay nhà soạn-kịch và nhà diễn-kịch, ở đây là anh chị em Truyền-Bá Quốc-Ngữ, có con mắt quan-sát và có tài diễn-xuất, tức là có thể nghệ-thuật-hóa mọi cảnh đời, cũng như thi-sĩ hay họa-sĩ chỉ nắm lấy một tiêu-tiết quanh mình điểm-xuyết thành điểm-lệ. Họ đã theo đúng nguyên-tắc kịch-nghe, là làm cho sân-khấu luôn luôn

linh-dộng: cốt truyện linh-dộng, động-tác linh-dộng, thời-cuộc linh-dộng, phát-âm linh-dộng, âm-nhạc linh-dộng, trong một bối-cảnh thay màu đổi sắc từ lớp nọ đến lớp kia; nhưng linh-dộng không phải rầm-rộ, lố-lãng mà phải điều-hòa súc-tích.

Một trận giặc đánh rầm rầm trên sân-khấu hát-bội và một cuộc đấu súng đùng đùng trên sân-khấu cải-lương quả là hấp-dẫn; trên sân-khấu Truyền-Bá Quốc-Ngữ, một cuộc đấu-khẩu giữa hai người đàn-bà cũng sôi-nổi, cũng thâu hút không vừa. Cuộc đấu-khẩu như vậy xảy ra hằng ngày, trong xóm lao-dộng, vì một chuyện nhỏ mọn, chẳng hạn như việc gánh nước mướn, giữa một bà chủ nhà, là người mướn gánh nước, và một chị gánh nước mướn cả hai đều không biết chữ.

Họ không đồng-ý nhau về số đôi nước: bà chủ nhà thì ghi số nước gánh bằng 9 gạch 7 khoan, chị gánh nước lại ghi thành 9 khoan bảy gạch. Họ cãi cọ với nhau kịch-liệt, khiến anh thợ hớt tóc phải đến can-thiệp, như dưới đây:

ANH BA hớt tóc (vừa cười vừa nói): *Một bên nhìn một chút thì ém. Phải quấy thùng-thắng nói, đánh lộn dập đầu chày máu nhau hết, còn bị bắt bớ phạt-vạ, chớ có giải-quyết được gì!*

DÌ TÁM, CHỊ TƯ (một lượt): *Đã ăn gian còn nói trên đầu người ta, ai mà nhìn được?*

ANH BA: *Đâu? Di Tám biên tiền nước ở đâu, di chỉ tôi coi?*

DÌ TÁM: *Đấy câu bước lại đây! Có phải « dờ-dàng » là 9 gạch với 7 khoan không? Gạch nào gạch nấy bằng « chương » con đĩa mà lộn nổi gì?*

ANH BA: *Còn chị Tư? số chị đâu?*

CHỊ TƯ: *(đưa sổ ra chỉ từng khoan)! Nè 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9. Đó anh coi phải 9 khoan không? Còn đây: 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7 phải 7 gạch không?*

ANH BA: *Thiệt phải 9 khoan, 7 gạch. Nhưng sổ này của chị có nhiều tờ, làm sao chị nhớ tờ này là của di Tám?*

CHỊ TƯ: *Sao không nhớ? Di thứ tám, thì tôi ghi tờ thứ tám. Anh không tin, anh đếm coi phải tờ đó thứ tám không.*

ANH BA: *Còn anh Tám thợ may? Chị ghi nước của anh nơi tờ nào? Anh cũng thứ Tám?*

CHỊ TƯ: *(lấy sổ lại, vừa chỉ, vừa nói) Anh Tám thợ may mặt « dờ », nên tôi lấy kim xam bẩy tờ của anh đấy.*

ANH BA: *Còn cô Tám vợ Tây? tờ nào?*

CHỊ TƯ: *Tờ có dính một quet « nhỏ châu » 'đó!*

ANH BA: *Trời! Sao chị quet nhỏ châu trên tờ của cô Tám vợ Tây?*

CHỊ TƯ: *Vậy mời dễ nhớ, vì mới có « tha » son đồ ối!*

ANH BA: *Chị làm dấu giệt thiệt! Nhưng nếu tôi có nhờ chị gánh cho tôi, thì chị biên tờ nào? Vì tờ thứ ba này có lẽ là tờ của chú ba ở ngang nhà tôi? (Chị Tư u ơ không trả lời được). Đó, nếu chị có gánh nước cho tôi, thì chị biên ở tờ nào?*

CHỊ TƯ: *Ồi! Anh hớt tóc, ai biết làm sao đây cho nhớ được! Khó quá « chời »!*

ANH BA: *Đó! đó là cái hại vì không biết chữ. Nhưng thôi! Bây giờ trở lại khoan, gạch cái đã. Nãy giờ hai người chỉ nói 7 khoan, 9 gạch với 7 gạch, 9 khoan, chớ không ai cho tôi biết mỗi khoan là bao nhiêu, mỗi gạch là bao nhiêu, thì làm sao tôi xử được?*

DÌ TÁM: *Một khoan là một đôi nước, một gạch lớn là mười đôi chớ bao nhiêu?*

CHỊ TƯ: *Còn tôi thì một gạch là một đôi. Chừng đủ mười gạch tôi lấy « guôm » tôi bôi rồi tôi khoan một khoan, kê là 10 đôi.*

DÌ TÁM: *Biên gì ngược đời vậy? Lại với sổ sách mà lấy guôm, lấy dao bôi cạo ở « chổng » ai mà chịu?*

CHI TU : *É ! Di này dốt quá nà ! Gươm, dao gì đâu ? Cục « guôm » của học « chò » mà cũng không biết !*

ANH BA : *Thôi, hai người đừng cãi nữa. Để tôi hỏi cho rành. Chị nói một khoanh của chị là 10 đôi, còn một gạch là 1 đôi phải không ?*

CHI TU : *Phải !*

ANH BA : *Vậy trong sổ chị có 9 khoanh và 7 gạch, tức là 97 đôi phải không ?*

CHI TU : *Phải !*

ANH BA : *Còn Di Tám, mỗi khoanh trên cột là một đôi, mỗi gạch là 10 đôi phải không ?*

DI TÁM : *Phải !*

ANH BA : *Vậy trên cột có 9 gạch 7 khoanh, nghĩa là 97 đôi phải không ?*

DI TÁM : *Vậy chớ bao nhiêu ?*

ANH BA : *Trong sổ ghi 97 đôi, mà trên cột cũng ghi 97 đôi. Vậy mà cãi nôi gì ?*

DI TÁM : *Ai biểu nó ghi ngược đời như vậy ? Thuở nay một khoanh là một đôi, chớ ai lại kê 10 đôi ?*

CHI TU : *Di biến ngược đời, chớ ai biến ngược đời ?*

ANH BA : *Thôi, thôi ! Hai đảng đừng cãi nữa, không ai ngược hết ! Đầu đuôi cũng tại cái dốt mà ra (1).*

Đó là một lớp kịch hết sức thông-thường, không có hí, nộ, ái, ố, không đáp-ứng điều-kiện thịnh-sắc song toàn. Vậy mà khán-giả bình-dân đã cảm-kích, vì họ thấy hiện-thân họ trên sân-khấu, sân-khấu đã phản-ảnh trung-thành con người và tâm-lý của họ. Văn-Nghệ Truyền-Bá Quốc-Ngữ đã thành-công nhờ hiện-thật vậy.

Nhưng không phải lần đầu tiên mà văn-nghệ Truyền-Bá Quốc-Ngữ áp-dụng chủ-trương hiện-thật trên sân-khấu.

(1) Lê-văn-Đức. — *Khoanh-gạch*, kịch một hồi, 1953.

Trước năm 1945, trong ngót mười lăm năm, thoại-kịch đã từng ra sức hiện-thật, nhưng chỉ có khả-năng hoạt-động trong nhà trường và nhà phước-thiện, như các cuộc lễ phát phần-thưởng hay lạc-quyên. Thoại-kịch Truyền-Bá Quốc-Ngữ ắt cũng hẹp tầm hoạt-động, nếu được trình-diễn đơn-độc như hồi trước 1945. Nhưng văn-nghệ sanh-viên đã cung-cấp một kinh-nghiệm qui-báu, là thoại-kịch trình-diễn chầu kê với ca-nhạc : sân-khấu như vậy được thay đổi không-khí, màu-sắc và tinh-thần. Văn-nghệ Truyền-Bá Quốc-Ngữ lấy kinh-nghiệm văn-nghệ sanh-viên làm kinh-nghiệm hồn-thân và còn bổ-sung thêm, tạo ra một sân-khấu cá-biệt của mình.

Từ tháng 7 năm 1952 đến tháng 9 năm 1953, anh chị em Truyền-Bá Quốc-Ngữ đã đem kinh-nghiệm ấy thật-hành, trình-diễn văn-nghệ vào những cuộc lễ khai-giảng và bế-giảng, trong võ-ca hay trong nhà lồng chợ. Kết-quả được thành-công về hai mặt : một bên thì công-ước Truyền-Bá Quốc-Ngữ được phát-triển, nhờ cổ-động bằng văn-nghệ và bằng chứng là hội-viên thêm đông, lớp học thêm nhiều ; còn một bên thì chi-hội nào cũng hăng-hái tổ-chức văn-nghệ và mỗi lần trình-diễn là mỗi lần tấn-bộ thêm lên.

Nhưng các cuộc trình-diễn văn-nghệ ở các chi-hội tru-trung là những hoạt-động còn hẹp tầm quan-trọng và chưa rộng đường phổ-biến. Các ban văn-nghệ chi-hội phải nhập lại và hiệp với ban văn-nghệ trung-trương mới mở-màn sân-khấu Truyền-Bá Quốc-Ngữ một cách chánh-thức trong giới văn-nghệ Đồng-Nai, dựng lên một sân-khấu mới lạ và mở đầu một kỷ-nguyên cho kịch-nghệ non-dân. Ngày đầu của kỷ-nguyên đó là ngày chúa-nhật 4-10-1953, từ 9 giờ sáng tại trung-trương hí-viện Hội Truyền-Bá Quốc-Ngữ đã trình-diễn một buổi văn-nghệ với tên mới là « buổi ca-vũ-nhạc-kịch », trước một cử-tọa gồm đủ các thành-phần xã-hội, đông nghẹt đến không đủ chỗ ngồi. Khán-giả từ đầu chí cuối lấy làm thích-thú, bụng mình

để cho chương-trình thâu hút với những tiết-mục mới lạ sau đây :

Hợp-ca (khai-mạc) : Gieo ánh-sáng (Nhạc của L.H.P, lời của M.V.B., do anh chị em giáo-viên hợp-ca).

Đơn-Thanh : Chiều (của Dương-thiệu-Tước, do cô Thanh-Giang ca).

Vũ-khúc : Chị Hằng (của Minh-Kỳ, do một nhóm nữ-sinh trình-bày).

Hợp-ca : Nàng mùa dưới trăng (của Lai-Minh-Lương do Thanh-Giang, Bích-Giang, Trọng-Nam, Huỳnh-Trung hợp ca).

Kịch : Khoanh gạch (của anh Lê-văn-Đức do anh chị em giáo-viên trình-diễn).

Hợp-ca : Bán báo (của Lai-Minh-Lương, hai em Quốc-Thắng và Hồng-Phấn hợp-ca).

Đơn-Thanh : Tiếng hát dân Chàm (nhạc của Lưu-Kỳ, lời của Hồ-Đình-Phương, do em Lê-Phi ca).

Nhạc-cảnh : Khuyến-học (do anh chị em giáo-viên phác cảnh và hợp-ca).

Kịch : Nhân-loại (Phỏng theo cốt truyện Mưa Gió của Ô. Ngọc-Huỳnh, đăng trong báo Xuân Phụ-Nữ Tân-Việt xuất-bản tại Ba-Lê năm 1952, do anh chị em giáo-viên trình-diễn).

Đơn-thanh : Mùa lúa (của Hoàng-Trung do Trần-Phú-Quới ca).

Đơn-thanh : Có một đàn chim (của Phan-Quỳnh-Điều do em Lê-Út ca).

Hợp-ca : Ra khơi (Nhạc của Minh-Kỳ, lời của Thu-Hồ do các em Yến-Tuyết, Kim-Ánh, My-Nương, Quốc-Thắng và Hồng-Phấn hợp-ca).

Đơn-thanh : Mùa chinh-chiến (của Vi-Binh, do bạn Huy-Hoàng ca).

Kịch : Chờ chờ (Hò và lý, do anh chị em giáo-viên trình-diễn).

Vũ-khúc : Múa Quạt (do một nhóm nữ-sinh trình-bày).

Nhạc-cảnh : Năm chữ cái (do hai anh giáo-viên diễn-tả).

Hợp-ca (bế mạc) : Gieo ánh-sáng.

Trong chương-trình ca-vũ-nhạc-kịch này, có ba tiết-mục chánh-yếu là ba vở thoai-kịch, mỗi vở một hồi. Vì yếu-tố thời-gian, người ta có thể diễn một vở kịch ba hồi, thay vì ba vở kịch một hồi; song người ta không diễn một hồi một vở kịch ba hồi, mà người ta thích diễn ba vở kịch một hồi, bởi người ta biết khán-giả ta chưa đủ hơi theo dõi ba hồi nói một mạch; khán-giả cần được giải-trí bằng những tiết-mục ca, vũ và nhạc, cần đổi món ăn tinh-thần. Anh chị em Truyền-Bá Quốc-Ngữ đã biết tâm-lý và nhu-cầu của khán-giả, nên chỉ diễn kịch ngắn và chen kẽ vào những ca, vũ và nhạc-cảnh.

Có khi chánh những vở-kịch cũng đổi giọng, thay vì là kịch nói, anh chị em diễn kịch thơ, như vở *Mũ Chũ* và *Kịch chèo đỏ* (của Thuần-Phong) và nhạc-kịch như vở *Chống mù chữ* (của Việt-Hương), *Chuyến đò ngang*.

Trong chương-trình trên đây, giữa ba vở kịch, người ta phân-phối những bài ca, vũ-khúc và nhạc-cảnh. Rồi từ đó về sau văn-ngệ Truyền-Bá Quốc-Ngữ luôn luôn trình-diễn ca, vũ, nhạc, kịch hỗn-hợp như vậy.

Những bản tân-nhạc được trình-diễn luôn luôn có tánh-chất dân-tộc, không nhiều thì ít, đó là những bản nổi tiếng trong giới ca-nhạc hoặc là những bản do anh em Truyền-Bá Quốc-Ngữ sáng-tác. Những bản được ưa thích là :

Bến Nước Cửu-long, Giọng hò thôn-dã, Tiếng hát trên dòng Cửu-Long, Em bé quê, Hòn sông Gianh, Khóc cô láng giềng, Tình nghèo, Những trẻ mồ-côi, Tiếng hò miền Nam,

Nàng múa dưới trăng, Bán báo, Mùa lúa, Có một đàn chim,
Ra khơi, Mùa chinh-chiến, Bắc lại nhịp cầu.

Được hoan-nghinh hơn hết là hai bản Tiếng hát trên
dòng Cửu-Long và Bắc lại nhịp cầu (của Văn-Huân), vì
ngoại trừ nét nhạc điệu-dàng uyển-chuyển, hai bản này mô-
tả cảnh-vật đồng quê và thổ-lộ tâm-tình của mọi người,
thương nước đương xa nhà. Thật vậy, trong tất cả các
buổi ca-vũ-nhạc-kịch của Truyền-Bá Quốc-Ngữ, không có
người nào không xúc-động vì những lời ca điệu-dàng thâm-
thía sau đây :

« Làng em có bờ ruộng xanh, bên khóm tre lành, có hàng
dừa xinh ngã bóng trên sông.

Làng anh cách xa làng em một con sông lành, nước chảy
trong xanh.

Làng anh bên đồi non xa, muôn mái tranh già, với ngàn
thông reo, tiếng suối hòa theo.

Làng em muốn sang làng anh chỉ cách nhịp cầu, chỉ cách
nhịp cầu mong đợi từ lâu.

Chiều chiều ra đứng bờ sông,
Chiều chiều mở mắt hằng trông,
Trông theo nước lớn nước ròng,
Mà bao năm chẵn cách dòng sông sâu,
Mà bao năm vẫn cách dòng sông sâu.



Dòng sông sâu vì đâu cách chia đôi tình ?
Dòng sông sâu vì đâu cách chia đôi ngã ?
Mong nói lại nhịp cầu cho đời thêm tươi.
Mong nói lại nhịp cầu cho tình ta không dở-dang.



Chiều chiều chiều nghe tiếng hò khoan,
Chiều chiều chiều nghe tiếng hò vang.

Hò rằng non nước Việt-Nam,
Hò rằng xương máu tiền nhân,
Không ai phân rẽ sơn hà ;
Ai đi cắt đứt ruột-rà.
Tình ta như nước chan-hòa Cửu-Long.
Tình Trung Nam Bắc một nhà muôn năm ! »

VĂN-HUÂN
(Bắc lại nhịp cầu)

Trong lúc những bài đơn-ca và hợp xướng khêu gợi
tinh-thần dân-tộc bằng âm-điệu và lời-lẽ thâm-trầm, thì
những vũ-khúc khích-động mạnh-mẽ và sâu xa thêm, vì
tinh-thần dân-tộc vừa được khêu gợi trong ca-khúc, lại
được vũ-khúc cách-điệu-hóa và cụ-thể-hóa bằng nhiều
điệu-bộ và màu-mè. Nếu có một số bản tân-nhạc không
do anh chị em Truyền-Bá Quốc-Ngữ sáng-tác, trái lại,
toàn thể vũ-khúc đều là sản-phẩm của Truyền-Bá Quốc-
Ngữ, do anh Tư-Vũ sáng-chế, căn-cứ vào động-tác nông-
thôn. Từ ươm-tơ kéo chỉ đến gieo mạ cấy trồng dĩ chỉ
quạt che nón đội, tất cả sanh-hoạt ở nông-thôn đều được
biến hóa ra những vũ-khúc thanh-nhã, thú-ỵ, mạn-mã.
Sanh-hoạt nông-thôn không còn thấy vất-vả nhọc-nhân mà
lại trở nên vui tươi thích-thú. Những vũ-khúc :

Thiếu-nhi yêu đời, Hợp bạn đêm xuân, Khúc Nghê-
thường, Cây trồng, Quanh lửa hồng, Múa nón, Mê-Linh,
Chào Hòa-bình, Quay tơ, Thanh-xuân, Vũ-khúc, Nông-tác
vũ, Ươm-tơ, Vũ-khúc yêu đời, Tiếng hát dân Chàm,
Chiến-bình, Chị Hằng, Múa quạt, vẽ thành những bức
tranh linh-hoạt cuộc sống ở thôn-quê và diễn-tả những
đức-tánh yêu đời, siêng làm, bền tâm, tri-chí của đồng-
bào miệt đồng chua nước mặn. Ngoài những đức-tánh
cao-qui ấy, đồng-bào ta từ chợ đến quê, nhứt là ở quê, vẫn
ấp-ủ trong lòng một nguyện-vọng thiết-tha, nguyện-vọng
an-cư lạc-nghiệp, nên khán-giá của Truyền-Bá Quốc-Ngữ
lấy làm say sưa với Khúc Nghê-Thường :

I

« Khúc Nghệ-thường vung khăn múa ca,
 Vui đồng lúa chan-hòa ánh trăng,
 Khúc Nghệ-thường tạ múa ta hát ca,
 Vui đời thanh-bình âu ca.
 Chốn thái-bình trần-gian muôn hoa.
 Nhân-loài mơ ấm-nọ ngày mai.
 Lấy sức người bàn tay xây nên
 Thiên-đàng trên trần-gian hôm nay.

II

Khúc Nghệ-thường cung Hằng xưa in bóng thướt-tha,
 Khúc Nghệ-thường say lòng ta múa hát ca.
 Nay khúc Nghệ-thường mừng đời yên vui với bao lời.
 Cảnh hoa thanh-bình tràn-ngập quê cũ muốn đời
 Thái-bình là bao nhiêu lời thơ,
 Thanh-bình toàn dân ta cùng mơ.
 Ngày mai, ngày Việt-Nam đồng ca,
 Vui họp đoàn dưới mái nhà ».

Bên cạnh ca và vũ chen kẽ giữa kịch, văn-nghệ Truyền-Bá Quốc-Ngữ còn có nhạc-cảnh. Nhạc-cảnh là những bản tân-nhạc được trình-bày trong một phong-cảnh trang-trí thích-ứng, thay vì đơn-ca hay hợp-xướng như một bài tân-nhạc trên sân-khấu theo thói thường. Sau đây là những nhạc-cảnh được thưởng-thức hơn hết :

Gieo Ánh-sáng, Tiếng hát nông-thôn, Chuyển đò ngang, Tiếng hò trong đêm trăng, Đường về quê cũ, Quê tôi, Ngày về, Khuyến học, Năm chữ cái.

Trong nhạc cảnh có chen lời nói như trong thoại-kịch. Khi nào lời nói nhiều, bài ca ít, thì anh em Truyền-Bá Quốc-Ngữ đổi tên là nhạc-kịch, như bản *Giai-thoại con thỏ ngọc* và *Chung mời gia-đình*. Khi bản nhạc-kịch có chen vũ-khúc vào, anh em đặt tên là *ca-vũ-nhạc-kịch*, như bản *Tỉnh một giấc mơ* và *Thỏ chống hùm*.

Nội-dung một buổi ca-vũ-nhạc-kịch, của Truyền-Bá Quốc-Ngữ với những tiết-mục trình-dẫn trên đây âu cũng là phong-phú và cũng đủ sức tạo được không khí thôn-quê, làm sống lên cuộc đời nhơn-dân và đánh-thức tinh-thần dân-tộc. Nhưng anh chị em Truyền-Bá Quốc-Ngữ còn có tham-vọng nhiều hơn, nên giữa hai màn buông xuống để dọn lớp, một chị (Chị Dung) cất tiếng lên hò để cho khán-giả có cảm-tưởng là mình đang sống giữa nơi đồng rộng sông dài với trăng thanh gió mát. Có những câu hò khuyến-học và những câu hò lịch-sử để nung chí bà con học-viên :

Nước mặn đất chua
 Cây lá dừa còn mọc,
 Em dốc một lòng học tập cho thông.



Cầu tre lắt-lẻo
 Qua xẻo khó đi,
 Anh biểu em đừng sợ tiếng thi-phi,
 Đêm lo học-tập, ngày thì cần-lao.



Trời dầu cao sáng sao hơn trán,
 Đuốc nào sáng cho bằng đuốc tàu cau.
 Em biểu anh về học-tập cho mau,
 Học cho sáng mắt, chớ giấu trí khôn.



Kìa biển rộng sóng xao,
 Nọ núi cao đá chắt,
 Chạy từ Nam chí Bắc,
 Bốn mặt tung-hoành.
 Kể từ khi nước đã lập thành,
 Hơn bốn ngàn năm văn-hiến, nước Việt-Nam mình
 vinh-quang.

Hơn bốn ngàn năm văn-hiến,
Hơn hăm lăm triệu đồng-bào,
Từ Nam-Quan chi đến Cà-mau
Dân ta oanh-liệt, anh-hào kém ai ?



Anh hào kém ai,
Gái trai oanh-liệt,
Từ Trưng-Nữ-Vương đến Lý-thường-Kiệt
Từ Đại-Cồ-Việt đến hiệu Việt-Nam,
Sử xanh chi thiếu trang vàng,
Thiếu chi trang anh-kiệt, thiếu chi hàng anh-thư.



Gái anh thư kia như Trưng, Triệu,
Trai anh-kiệt kia Hưng-Đạo, Quang-Trung.
Giống Lạc-Hồng dễ kém thư-hùng,
Một trời Đông-Á vẫy-vùng oai-danh.



Hội Truyền-Bá Quốc-Ngữ
Dạy cho đồng-bào biết chữ,
Này bớ anh chị em nam nữ,
Ai chưa biết chữ, mau mau lại học i-tờ.
Này hội anh chị em ơi !
Học cho trai kia đùng đại, cho gái nọ đùng khờ,
Đùng cho thiên-hạ ỡm-ờ chê-bại.



Hội Truyền-Bá Quốc-Ngữ
Là hội trẻ già nam nữ
Chúng lo phận-sự dạy-đỗ đồng-bào,
Kẻ công người của, xin góp vào cho đồng !

Ca, vũ, nhạc, kịch và hò đã khéo phối-hợp lại thành một thứ văn-nghe độc-đáo, văn-nghe nhơn-dân, có chất nhơn-dân, của nhơn-dân và vì nhơn-dân. Bởi vậy từ trong lớp học i-tờ đến rạp hát Thống-Nhứt, từ Saigon đến các tỉnh thành, ở đâu văn-nghe Truyền-Bá cũng được nhiệt-liệt hoan-nghinh. Văn-nghe Truyền-Bá Quốc-Ngữ đã thanh hành và đã gây ảnh-hưởng to lớn trong giới văn-nghe thủ-đô ; đặc-biệt hơn hết là vũ và hò đã lần lần phổ-biến trên các sân-khấu chuyên-nghiep ; đồng thời người ta tổ-chức những buổi ca-vũ-nhạc-kịch những ngày Chúa-nhứt, dựa theo chương-trình Văn-nghe Truyền-Bá Quốc-ngữ. Trên con đường mới ca-vũ-nhạc-kịch của Truyền-Bá Quốc-Ngữ mở đầu, mạnh tiến hơn hết là *Ban Việt-Kịch Năm Châu* với những chương-trình mới-mẻ, chẳng hạn như chương-trình đến ca-vũ-nhạc-kịch 19-6-1955 tại rạp Nguyễn-văn-Hảo gồm những tiết-mục :

I — *Nhạc-cảnh* : Bình-minh thôn-dã

- 1 — Ánh-sáng bình-minh
- 2 — Hò kéo lưới
- 3 — Hò việc đồng-áng

(do ban hợp-ca *Chim-Việt* trình-bày).

II — *Nhạc-cảnh* : Sinh-hoạt miền sơn-cước (do một nhóm thanh-niên nam-nữ trình-bày).

III — *Hài-kịch* : Văn-sĩ Nguyệt-Hoa (Ban : Năm-Châu, Tâm Vân, Văn-Lâu, Kim-Cúc, Kim-Lan trình-bày).

IV — *Vở tay ca* : (do một nhóm thanh-niên nam-nữ trình-bày).

V — *Ca vũ* : Thanh-Xuân vũ-khúc (do Đoàn Vũ-nữ xinh-đẹp, duyên-dáng trình-bày).

VI — *Đơn-thanh* : Một ngày giông-tổ (sáng-tác mới của Phong-Hòa và Lê-Việt đặc-biệt kính tặng đồng-bào Đồ-Thành lâm nạn trong trận binh lửa Saigon 28-4-1955, do Cô Kim-Cúc trình-bày).

VII — *Nhạc-kịch* : Chuyển đồ ngang (Vận động chống giặc đốt do các cô Ái-Hằng, Ái-Lan, Thanh-Đạm và bạn Văn-Lâu đảm-nhiệm).

VIII — *Ca-vũ-nhạc* : Mừng đời ấm no (Phản-ảnh xã-hội bằng vũ và nhạc, do hơn 30 diễn-viên nam-nữ trình-bày với nhiều điệu vũ mới lạ, và cấu-tạo chặt-chẽ, hoạt-động sôi-nổi và nhiều cảnh đẹp huy-hoàng).

Tiếp nối và triển-khai sáng-kiến của văn-nghệ sanh-viên đã hé màn trước 1945, anh chị em Truyền-Bá Quốc-Ngũ từ 1952 đã sáng-tạo được một lối văn-nghệ nhơn-dân, khiến sân-khấu cải-lương đã cải-tiến.

(Còn một kỳ nữa)

Thuần-phong **NGÔ-VĂN-PHÁT**



Cô NGUYỄN-THỊ-THIỀU

BÓNG-DÁNG THỜI-GIAN

TRUÔNG GAI

Truyện ngắn của **NGUYỄN-HỮU-TRÍ**

Lài nhắm mắt thêm-thiếp. Đêm hôm nàng thức suốt sáng vì cơn bệnh hoành-hành, toàn thân đau nhức, da thịt cò-hồ rã-rời. Bống có tiếng người nữ y-tá gọi, giọng trong và mỏng :

— Cô Nguyễn-thị Hoa-Lài, dậy chích thuốc.

Lài cố nhướng đôi mi nặng trĩu. Cặp mắt lơ-dờ, trắng đục. Cô y-tá cầm ống seringue, tay khoát ra hiệu.

— Chích gân.

Lài mò-mẫm lần tay áo. Cô y-tá băng dây thun cánh tay Lài, đánh gân, đặt kim, chích. Cô bơm thuốc từ từ, mắt vừa liếc chừng gương mặt Lài phòng sự phản-ứng tay vừa mở dây thun. Cô rút kim ra, đặt bông gòn vào mạch máu, nắm khuỷu tay Lài đỡ lên bảo co lại, rồi lạnh-lùng quây mình bước đi. Lài nhắm mắt. Thuốc chạy vào cơ-thể bò lặn đến vết-thương, công-kích. Lài cảm thấy đau-đớn, xót xa. Nàng rên khe-khe, lăn nhẹ mình qua bên phải trở lại bên trái, rồi ngửa ra, duỗi thẳng hai chân, ho khúc-khắc, khô-khan. Lài nghĩ cái chết đến với nàng còn sung-sướng hơn. Không. Mày chết cũng chưa đền tội được Lài ơi ! Đã trót làm rách áo thì dù có vứt bỏ áo đi, trong tâm-tưởng mọi người cũng còn nhớ đến cái áo rách ; phải cố khéo tay vá áo và giặt giệm sạch-sẽ hy-sinh cho người tạo ra nó dùng vào công việc thích-nghĩ, họa chẳng vớt-vật phần nào tội-lỗi đã làm rách áo.

Nàng chiều ngã xế, xuyên qua khung cửa sổ bệnh-viện. Dưới đường tiếng còi xe qua lại inh-ỏi. Người ta lũ-lược đi vào phòng bệnh, tay xách giỏ cam hay hộp sữa biểu vợ, con hoặc cháu. Họ vồn-vã hỏi thăm sức khỏe bệnh-nhân. Gã đàn ông bỗng đưa bé trạc ba tuổi đến ngồi kê lên thành giường của thiếu-phụ cạnh giường Lài, giọng âu-yếm :

— Sao ? Bữa nay bệnh có thuyên-giảm thêm phần nào nữa không, mình ?

Thiếu phụ ngồi dậy, hai bàn tay vừa vỗ chập chập lại trước mặt thằng bé vừa trả lời :

— Đỡ nhiều rồi, mình. Bác-sĩ bảo ít hôm nữa cho giấy ra.

Thằng bé đưa hai tay chòn-vòn đòi mẹ. Gã đàn ông trao con cho vợ :

— Hôn mẹ một cái cho mẹ khỏe đi con.

Thằng bé kê-miệng vào má mẹ, hôn. Thiếu-phụ hôn trả lại con chùn-chụt.

— Mẹ kiếp nó. Tui nhớ nó ngủ không được mà !

Thiếu-phụ hôn má, hôn ngực rồi hôn bụng con. Thằng bé cười sảng-sặc. Gã đàn ông cũng cười :

— Minh mau mạnh về cho vui nhà vui cửa. Vắng mình, buồn quá. Ban đêm lại phải thức dỗ cậu bé này, khổ ghê ! Người ta nói cảnh gà trống nuôi con mà !

Lài nghe tim nàng trở mình, rất như rướm máu. Cánh cửa dĩ-vãng từ từ hé mở. Lài nhớ chồng con. Lài lấy Vinh lúc nàng mười tám tuổi. Vinh mồ-côi cha, chỉ còn một mẹ già. Mẹ Vinh là người đàn-bà chắt-phác và phúc-hậu. Vinh là giáo-viên ngạch tiểu-học tập-sự. Dạy bán-thời, Vinh đi về theo thời khắc-biêu bất-di bất-dịch. Lài lo việc nội-trợ, chăm-sóc Vinh từng thức ăn giấc ngủ. Tính tình Vinh hiền-hòa, nhã-nhận và nuông chiều vợ. Mỗi kỳ đi tỉnh lãnh lương hay hội họp sư-phạm, Vinh mua quà về thưởng công vợ. Lài làm bếp, ánh lửa bùng lên hâm má nàng ửng đỏ, mồ hôi rướm trên trán và quanh

chiếc mũi cao. Vinh ngồi ngắm nói em đẹp như nàng Đào-Kiểm trong Cung-oán ngâm-khúc của Nguyễn-Gia-Thiều, càng đỏ mồ-hôi lại càng đẹp, nhứt là mắt em đẹp quá, nhưng mỗi khi em cười thì cả đôi mắt cùng cười và chiếu ra những tia sáng long-lanh, anh... rồi Vinh im bật. Lài nũng-nịu bảo Vinh nói xấu nàng và làm tội làm tình Vinh đủ điều. Vinh cười làm lành, Lài mới chịu thôi.

Tám lịch lợt qua mỗi tờ, giấy bay ngày mất. Lài thọ thai. Vinh săn-sóc vợ chu-đáo, chàng khuyên vợ cần-thận từ bước đi đến sự cử-động theo phép người đàn-bà trong thời-kỳ thai nghén. Rồi Lài sanh đứa con trai. Vinh mừng ra mặt, cao-hứng nói câu chữ nhỏ : « Nhất nam viết hữu, thập nữ viết vô ». Vinh lấy vần V đặt tên con là Vũ. Thế là mối dây ân-ái giữa Vinh và Lài có thêm hình bóng thứ ba là bé Vũ, lại càng buộc ràng khấn-khít. Bé Vũ sỗ sừa, dả dề hồng-hào, hóm-hĩnh. Bé Vũ là viên ngọc quý của mẹ Vinh và vợ chồng Lài.

Một hôm Vinh đi dạy về, nét mặt thoáng vẻ buồn. Lài tính ý hỏi : em đoán không lầm là anh có việc gì không vui. Em có làm gì phiền anh không ? Anh nói đi, em sửa đổi lại. Giọng Vinh nhẹ và trầm, anh được sự-vụ-lệnh đổi anh đến một làng heo-lánh, bán an-ninh, cách đây hai mươi cây số ngàn. Lài nhanh-nhau thì em và con cùng đi với anh. Vinh nói không được, nơi ấy thỉnh-thoảng có cuộc chạm súng giữa đôi bên, nguy-hiêm. Vả lại má già rồi, em thay anh ở nhà phụng-sự má, mỗi chiều thứ bảy anh về thăm. Lài buồn-bã, vì từ lấy nhau đến giờ vợ chồng nàng chưa xa cách nhau quá hai ngày, hơn nữa Vinh phải xông-pha nơi đạn lạc bom rơi vì gia-đình, vì nàng, vì con. Vinh vuốt tóc Lài an-ủi, có gì mà em quá buồn, em làm như anh đi trận không bằng. Từng giọt nước mắt lăn tròn trên má Lài, em nhớ anh !

Sắp đến ngày Vinh đi thụ-nhiệm, Lài sửa-soạn hành-lý cho chồng. Mỗi lần xếp, mỗi cái đặt quần áo vào vali, lòng Lài se thắt. Rồi Vinh già mẹ, già vợ, hôn con, lên đường. Lài bỗng con ra ngô tiên chồng. Chiếc xe đỗ lại. Vinh hôn con lần nữa, Bé Vũ toát miệng cười. Vinh xách vali lên xe. Máy nổ, chiếc xe

từ từ chuyễn bánh. Vinh đưa tay vẫy Lại, Lại đưa tay vẫy lại. Chiếc xe lao mình tới rồi mất dần sau đám bụi tung lên cuộn tròn lăn-lóc.

Thỉnh-thoảng mỗi chiều thứ bảy hoặc ngày lễ, Vinh về nhà. Lại hôn-hở sửa-soạn bữa cơm thỉnh-soạn thết chồng. Lại âu-yếm nói anh ăn cơm trắng em không bằng lòng tí nào hết, phải chính tay em làm bếp em mới chịu. Chỉ có vợ chồng mới săn-sóc nhau chu-đáo, phải thế không hở anh? Vinh gật đầu cười, em nói thì phải luôn luôn. Lại nguýt yêu chồng. Vinh thuật lại giọng ngao-ngán : « Trường học thì năm lớp mà có ba thầy, Ông Hiệu-trưởng dạy lớp Nhất, Vinh dạy lớp Nhì kiêm Ba, thầy Hào dạy lớp Tư kiêm Năm. Ban ngày làm việc mõi-mệt mà ban đêm có ngủ-nghe được thẳng giấc đâu, vừa 8 giờ tối thì người ta rút vào nhà đóng cửa kín-mít, lắng nghe động-tĩnh, hễ có tiếng súng nổ thì tuốt xuống hầm ráo trời ; ngoài đường vắng ngắt, thỉnh-thoảng có tốp người mang súng đi, không biết lính đồn hay bên trong về. Dân chúng nơm-nớp lo sợ. Thật nguy-hiểm. Nhưng thầy Hào cười bảo có điều đặc-biệt là tụi mình muốn vẽ rồng vẽ rắn gì đó thì vẽ, cả mấy năm nay không có một bóng nào trên Ty đến... viếng trường. Họ cho đây là vùng hiểm-địa thập-tứ nhứt sanh, tụi mình là cảm-tử-quân được thừa-hưởng quyền tự-do. Lại buồn buồn bảo vậy anh xin dời trở về đây, hay nơi nào an-ninh hơn. Em lo sợ quá. Vinh nói dễ gì, mới đây, đề thỉnh-thoảng anh vận-động trên Ty xem sao. Mỗi chiều thứ bảy, trời mưa gió hay mõi-mệt, Vinh về không được, Lại ngóng trông, lòng bồn-chồn lo-lắng.

Bé Vũ đau. Lại rước y-tá Ngân đến trị bệnh con. Ngân đẹp trai, cử-chỉ nhanh-nhẹn, xã-giao khéo. Nhờ kinh-nghiệm trong nghề, Ngân trị lành nhiều chứng bệnh hiểm nghèo, hẳn được tiếng cả vùng. Với số lợi thù vô dôi-dào, Ngân tiêu-phá rộng-rãi. « Vào trong phong-nhã ra ngoài hào-hoa ». Hàng ngày Ngân đến tận nhà Lại trị bệnh bé Vũ, bảo rằng Lại bằng bé Vũ đến, hẳn sợ bé Vũ trúng sưng nằng. Bệnh bé Vũ thuyên-giảm và hết hẳn. Cả mẹ Vinh và Lại mừng rỡ tỏ lời cảm ơn Ngân và tính tiền thuốc đèn công hần. Ngân vui-vẻ bảo : « Ô ! tôi với anh

Vinh là tình bạn học từ thuở đẽ chỏm, thì con ảnh tức cháu tôi, tôi có bồn-phận phải săn-sóc cháu, chớ có gì mà ân với nghĩa, tiền với bạc ». Mẹ Vinh và Lại nài-nỉ Ngân nhận một ít cho vui thôi. Ngân lại còn tặng mẹ Vinh những món thuốc sinh-tố bổ-dưỡng tuổi già. Ngân là ân-nhân của gia-đình Vinh. Mỗi khi Lại chóng mặt nhức đầu đều rước Ngân đến. Ngân xem mạch kỹ, chích thuốc cần-thận, lời an-ủi bệnh-nhân êm-dịu, ngọt-ngào. Ngân lại có duyên, pha trò nhiều câu hào-hứng. Lại cười ngặt-nghẹo. Ngân vắng đến chơi vài ngày là Lại cảm thấy như thiếu-thốn điều gì.

Hai kẻ đồng-phái mà thường gần nhau thì sẽ là đôi bạn thân ; hai kẻ khác phái mà thân quen nhau dần dần sẽ hình thành trên lãnh-vực yêu-đương ; Ngân và Lại dang-dịu nhau mỗi tình vụng trộm. Mỗi khi Vinh về, Lại ca-tụng tính Ngân hào-hiệp, một người bạn tốt. Vinh có hay biết gì, Vinh tỏ lời cảm ơn Ngân và chính Vinh cũng thích nói chuyện với Ngân. Lại cau mày : « Lại ơi ! tội ác mày đầy đầy, mày sống trên sự khàn hơi khô phổi của chồng mày, rồi mày lại ngoại-tình mà còn ghé chồng phải xem tình-địch là vị ân-nhân. Hoa Lại mùi thơm nhẹ, một màu trắng nõn-nà tượng-trưng sự trong-sạch trinh-nguyên, ai cũng ưa, cũng thích ; trái lại Hoa Lại của mày lại dơ bẩn và hạ tiện ; vậy cái tên Hoa Lại của mày chỉ là một chiêu-bài quảng-cáo món hàng mà bên trong đã thối-nát. Ngân và Lại yêu nhau say-đắm trong thế chân vạc, có Vinh thì Lại Vinh, vắng Vinh thì Lại Ngân. Lại giật-mình bảo Ngân dè-dặt, lỡ ra lảng diềng hay biết hoặc mẹ Vinh bắt gặp thì nguy. Ngân nói điều đó anh đã nghĩ rồi, chúng ta yêu nhau tha-thiết, mà mãi thế này khổ quá, vậy chúng ta cùng nhau đi đến phương xa, tạo cuộc sống yêu đương tự-do. Lại nói không được vì phải xa con. Ngân rùn vai bảo : « con thì có mẹ Vinh và Vinh, lo gì. Nếu em không thuận, anh xin đoạn tuyệt nhau ». Rồi vì lời thúc-giục của Ngân, vì tình yêu mù quáng chiều theo thị-hiểu thề xác, Lại đành lia chồng, dứt tình mẫu-tử ra đi lúc bé Vũ vừa thôi bú hai tháng. Lại khóc. Một chuỗi ho công-cọc, nằng thờ dài, ôm ngực. Chạy tư xe lỏi, nhà bên cạnh, là người đàn bà

đa sự, tục-tằng. Những cuộc đánh lộn, gây-gò, chửi-rủa, đôi-chối đều có chị bông con đến chứng-kiến, thỉnh-thoảng lại chêm vào một vài lời nói cho câu chuyện cãi-vã hoặc gây-gò thêm phần hào-hứng và linh-động. Người xóm mím cười nói đũa con của chị thụ-huấn khóa học cãi-vã dài hạn do chị hướng-dẫn sau này nó sẽ già-giận mồm mép hơn chị bội phần. Chắc hẳn chị tư xe lôi mắng nhiếc xỉ-vã Lài đủ điều: « Hứ, thứ đàn-bà hư, ngoại-tình rồi bỏ chồng con ôm gói theo trai. Đồ đàn bà lang dâm, trác-nết ». NGUYỄN rửa thêm nữa đi chị tư, còn lời lẽ nào nặng-nề hơn chị cứ đổ trút vào đầu Lài đi, Lài cam hứng chịu.

Ngân và Lài sống trong gian nhà nhỏ bé trong ngõ hẻm Đô-thành. Ngân Lài yêu nhau mối tình cuồng loạn, đắm-đuối; nhưng ít tháng sau Ngân tìm sở làm chưa được mà vòng vàng của Lài đem theo đã bán hết sạch. Ngân thường bỏ nhà đi và hững-hờ với Lài, đôi khi còn cau có nặng lời. Lài trách-móc hoặc cãi-vã, Ngân to tiếng tôi biết cô quá mà, chồng con chính-thức của cô mà cô còn bỏ được thì đối với tôi có nghĩa-lý gì. Trời ! còn gì đau-đớn hơn, hai nhà thám-hiêm đồng tâm đi vào sào-huyệt khét tiếng nguy-nạn và ghê-tởm, đến một đoạn đường người nọ quật-ngã người kia chề là đại đột ngu-ngốc. Những trận đấu-khẩu thường xảy ra, mà mỗi lần gây-gò là Ngân lặp lại câu nói nặng-nề với Lài. Lài cất giọng lạnh-lùng và đôi nhãn quang chớp lóe lên như nhát gươm đưa loang-loảng: Thôi, anh khỏi phải nói gì nữa, tôi đã hiểu anh rồi. Và Lài gằn giọng: Về tôi, tôi liệu lấy phạt tôi. Sau cuộc cãi-vã, Ngân bỏ đi biệt-dạng.

Lúc theo Ngân, ý nghĩ Lài manh-nha mối-tình ngang-trái của nàng mong-manh như đũa trẻ ôm đũa quả bóng, có ngày sẽ nổ; ngày giờ này đúng lúc quả bóng nổ ra từng mảnh vụn như mối tình nàng. Cuộc đời nàng tan-nát như cánh hoa tàn rơi-tả dù cho có pháp thuật cao-cường cũng không sao hàn gắn tươi tốt như xưa. Lài không qui tất cả trách-nhiệm tội-lỗi cho Ngân, vì Ngân không hành-động khiên-cưỡng, Ngân chỉ quyến-rủ nàng thôi. Lẽ dĩ-nhiên lòng dục-vọng của gã thợ câu là móc miếng mỡ ngon để nhử cá, mà cắn mồi hay không là do cá tình

mắt hay mù-quáng; nhưng về đời, người ta sẽ khiển-trách, phi-báng và lên án gã thợ câu thả câu không đúng chỗ, cá đã có chủ, một tên câu trộm cá.

Lài sống chơ-vơ không nơi bám-viu giữa đô-thành tranh-sống. Lúc đến đây Lài có quen chị Kim nhà ở cùng ngõ với nàng. Chị Kim tới lui khuyên-nhủ Lài. Có gì an-ủi bằng giữa lúc cô-đơn buồn tủi lại có người để mình kê-lễ tâm-tình cho vui bột nổi-niềm đau-khổ. Lài và Kim trở-thành đôi bạn thân. Chị Kim nở nụ cười cầu-tài giảng-giải huấn-luyện Lài: đàn ông bội-bạc ấy mà kê làm gì, em còn trẻ đẹp, mình tự-lập cuộc đời mình chớ, mình có tiền nhiều rồi thì thiếu chi kê đến cầu xin. Tình đời mà em ! Một cũng liều, ba bảy cũng liều, Lài uốn tóc ngắn, phục-sức nhiều kiểu áo thời-trang. Lài đẹp lộng-lẫy, nhưt gái một con. Đáng-dấp Lài không còn lưu lại những nét gì thời dĩ-vãng. Rồi đêm đêm Lài tiếp những khách hình-dáng cao lớn bằng giọng bập-bẹ « ô-kê, ô-kê ». Ngôn-ngữ bất đồng giữa Lài và khách là mối tình câm, chỉ trao đổi xác thịt. Lài chia má nhận những cái hôn châm-chích dưới bộ râu quai nón. Lài là con búp-bê để khách đùa-giỡn suốt-sáng. Rồi khách ra về tặng Lài số tiền thù-lao khá to, Lài chia tay nhận lãnh rồi ngã thân hình mảnh-khảnh lên giường nằm một lả người. Lài sống cuộc đời đầy-đủ về vật-chất. Mỗi chiều đi dạo-phố hay đứng hơn là đi biểu-diễn, Lài tém tà áo dài phất-phới bước lên xe, nó uyển-chuyển và duyên-dáng như bà hoàng trên sân-khấu cải-lương khi lâm triều bước theo nhịp trống lên ngự trên bệ-ngọc. Nhưng mấy tháng qua, sức khỏe Lài kém dần, Lài lo sợ, đi Bác-sĩ này đến thầy khác, tiền hết mà bệnh mãi dây-dura. Càng ngày thân-thể Lài gây-gò, hốc-hác, đôi mắt thâm-quầng, đi khập-khiễng, hai đầu gối run run như muốn sút văng ra. Lài phát bạo bệnh, nằm liệt trên giường. Chị Kim đưa Lài vào bệnh-viện, đó không phải là một nghĩa-cử cao đẹp đối với nạn-nhân hay tình bạn, mà là nhận thấy con mồi đã đến lúc xù-lông khàn giọng không còn màu sắc và tiếng kêu quyến-rủ để tình « cò mít xông: hoành buộc xăn » hay « tờ rãng buộc xăn » với con mồi ấy. Bác-sĩ khám bệnh Lài nói nàng đau tử-cung, lao phổi và cơ-thể suy-nhược. Một kết-quả đau-thương. Đồng « đô la » cao

giá, nhiệt-độ bình-lý cũng khá cao, đặt lên cân thiên bình trọng-lượng lệch về đôn cân bình-lý.

Vinh ơi ! Lài nhớ Vinh lắm. « Mắt em đẹp quá, nhưng mỗi khi em cười thì cả đôi mắt cùng cười và chiếu ra những tia sáng long-lanh, anh... rồi Vinh im bật ». Đúng lắm anh Vinh ơi ! Chính cặp mắt em đẹp đề đưa em đến cuộc đời không đẹp. Hình ảnh Vinh sáng chói mỗi lúc một nổi bật lên và biết bao kỷ-niệm diễm-ào nơi lòng Lài. Những buổi chiều dịu nắng, gió mát, Vinh và Lài ngồi dưới cây vú sữa. Vinh nựng bé Vũ nói với Lài gương mặt con nó giống em như tạc. Lài cãi lại con nó giống anh như đúc. Rồi Vinh Lài cãi nhau : giống anh, giống em ; giống anh, giống em... Lài giận-giỗi nói con gái giống cha giàu ba họ, con trai giống mẹ khó ba đời, em hồng chịu bé Vũ giống em đâu, vì nó là con trai. Vinh nói tin nhảm, nhưng thôi, con nó giống ba má gì cũng được. Lài nũng-nịu, con nó giống anh, em mới chịu hề. Vinh cười, ừ, thì nó giống anh. Có khi Vinh đi dạy về, gọi : Cô Hoa Lài đâu rồi ? ông Hoàng của Lài về đây, hãy ra nghinh tiếp, mau lên. Lài núp sau cửa buồng hù lên một tiếng lớn rồi nhảy xông ra cù-lét Vinh cho đến khi Vinh la đầu hàng Lài mới chịu thôi. Và chính tay Lài thêu đôi chim phượng và hai chữ V.L. treo nhau trên cặp gối tượng-trưng sự khấn-khít đời đời không xa nhau... Những kỷ-niệm và hình bóng đó Lài không thể tìm thấy bất cứ một người đàn ông nào khác, trừ phi có Vinh. Lài bỏ nhà ra đi gần cả năm nay. Cuộc sống Vinh có thay đổi chẳng ! Mẹ Vinh già rồi. Vinh có kiếm người nội-trợ khác thay Lài hay chận ghét đàn-bà và ngao-ngán thế tình ? Tình Vinh trầm-lặng, suy-tư, tích-lũy tình thương con đời-dạo. Vinh bông con, nhìn con mà cõi lòng tan nát, rồi đôi mắt mơ buồn hướng về chân trời xa xôi nhớ đến người mẹ tội-lỗi của nó, một người mẹ thiếu hẳn tình thương con, phá vỡ hạnh-phúc đời chồng. Vinh kể như Lài đã chết đi, xóa nhòa nơi tâm-trưởng hình-ảnh Lài, con đàn-bà phản-bội, lập lại cuộc đời đề voi bớt phần trống-trái lạnh-lùng và phẫn-uất. Nếu Vinh sống cô-độc, đi về thui-thúi một hình một bóng, không có nụ cười và bàn tay người đàn-bà an-ủi và săn-sóc thì tội-lỗi Lài càng chồng-chất và đời càng nguyên-rúa Lài hơn.

Bé Vũ, con ơi ! Vóc dáng bé Vũ tròn-trĩnh, mái tóc phúng-phính rung-rinh, đôi bàn tay bé nhỏ xinh-xinh, da thịt thơm mùi sữa ngọt, hôn một muống hôn hai. Bà nội bé Vũ hoặc Vinh thay nhau bông ấm nó. Bé Vũ khóc có lẽ lòng Vinh cũng khóc theo nức-nở hay cảm-hờn mẹ nó tội-độ. Nội bé Vũ dỗ nó theo câu thông thường của bà đỡ cháu : Nín đi con ! mẹ con đi chợ mua quà sắp về. Mẹ nó đi chợ mua quà mang về cho con hay chính thân mẹ nó làm quà cho khách thương-thức, rồi khách chán-chê, khạc nhổ và vứt bỏ không luyện-tiệc, ngó-ngàng. Giờ đây cho đến khôn lớn bé Vũ chỉ sống bên cạnh tình thương che-chở của người cha ? Vinh còn trẻ và đi sớm về tối, phải cần có người nội-trợ đảm-đang gia-đình. Rồi bé Vũ sẽ gọi người đàn-bà xa lạ nào đó bằng mẹ mà đáng lý ra chỉ có Lài mới có quyền hưởng tiếng gọi ấy. Và biết đâu bé Vũ sẽ bị hất-hủi ghẻ lạnh nhận lãnh những tát tai đích-đáng hoặc cái ngắt cái véo tề người của người mẹ tạm bợ thay vì sự triu-mến nâng-niu hay những món quà thơm ngon của người mẹ chánh-thức. Khi bé Vũ lên năm lên bảy, nó sẽ tủi thân thấy những đứa trẻ hàng xóm được mẹ nuông-chiêu chăm-sóc. Rồi nó thổ-thẻ hỏi cha nó vậy mẹ ruột nó đâu ? Mỗi tình đầu đã chết nhưng còn âm-ỉ dưới năm mồ tâm-khảm nay lại bị khai quật, nổi nghẹn-ngào dâng-lên, cha nó buồn-bã hay cau mày, miệng áp-úng trước câu hỏi đau lòng không thể giải-đáp thỏa-mãn. Hơn nữa, khi bé Vũ trưởng-thành, tình cờ nó cùng Lài đi chung nhau một chuyến xe đò hay gặp-gỡ nơi nào đó mà chỉ lấy mắt nhìn nhau như người khách qua đường xa lạ, thì có cảnh nào đau lòng hơn mẹ con mà chẳng biết nhau. Bé Vũ, một đứa trẻ thiếu tình thương ấp ú của mẹ, tội tình chi ! Nước mắt Lài chan hòa trên má, chảy lan xuống gối. Lài cảm thấy cò nghẹn-nghẹn, ngực nặng gần như nghẹt thở. Vết thương kín lại nhức-nối, Lài lẫn quóa, trở lại. Nơi quê nhà, nếu Vinh có được thần giao cách cảm chắc Vinh cũng tha thứ phần nào tội-lỗi Lài, một thương phế-bình trên mặt trận tình trường cuồng loạn.

Về khuya bệnh-viện càng buồn tẻ. Phòng miễn phí không ngăn, rộng và dài. Đền ngoài hành-lang đã tắt, trong phòng chỉ

còn vài ngọn nến nằm khoe mình trên trần và nhìn đăm đăm hai hàng giường kề gần nhau chạy dài san-sát. Những bệnh-nhân, người thì bệnh thuyên-giảm ngủ-ngáy đều đều, kẻ rên-rỉ hoặc ngồi gục đầu vào thành giường thở từng chập một. Trong đêm tĩnh-mịch tiếng rên tiếng ngáy càng lúc càng rõ mồn-một. Bỗng có người đàn bà đầu phòng kia kéo dài đôi dép lạch-xạch trên mặt gạch hoa đi lại, nhìn bên này bên kia, nói thi-thào :

— Cô gái gần giường tui chết rồi. Nằm gần, ghê quá ! Tội nghiệp ! hôm cô ấy vô phòng đến nay không thấy ai đến thăm hết. Chắc cò không có chồng con họ hàng gì sao ?

Thiếu-phụ nằm cạnh giường Lài lồm cồm ngồi dậy.

— Hồi năm sáu giờ chiều tui đi ngang qua đó, thấy cô ta thở dài, thoi-thóp, mắt đờng đờng. Vậy cô ta làm sao chịu nổi. Không biết cô ấy đau bệnh gì ?

Người đàn-bà hạ thấp giọng :

— Đau bệnh kín, mỗi lần đi tiểu cô khóc rưng-rức. Nặng lắm !

Cô gái không chồng con họ hàng, đau bệnh kín, hai nhát búa đánh tới tấp, Lài cháng-váng. Có lẽ cô gái ấy cũng là bạn đồng nghiệp với Lài, rồi biết đâu Lài sẽ chết như cô ấy và cũng không có một bóng thân-nhân.

Những lời bàn-tán thi-thào về cô gái chạy chuyền trên cửa miệng mọi người, tất cả bệnh-nhân nhất tề ngồi dậy mắt hướng về giường cô gái đã chết. Cô y-tá trực đêm đi vào quan-sát thi-hải cô gái, rồi lạng-lẽ trở ra.

Một lát sau, tiếng máy xe đỗ dưới thềm. Hai người đàn ông đi vào, đặt xác cô gái lên « bần ca » rồi khiêng đi. Tiếng cửa thang máy khua lạch-cạch ; kể đó tiếng máy xe nổ to lên rồi nhỏ dần và dứt hẳn. Những bệnh-nhân nhìn nhau ngờ-ngác, trong tâm-khảm thương-xót cô gái bạc phận, nhưng thương-xót người chết trước cũng như thương-xót cho chính bản thân mình là kẻ sẽ chết sau. Bệnh-viện như trại giam, mà những bệnh-nhân như tội phạm sắp lên án tử-hình và chờ ngày đem ra hành-quyết ;

hằng ngày họ thấy bạn đồng cảnh bị gọi tên đưa ra pháp-trường và thấp-thòm lo sợ ngày đến lượt mình ; nhưng họ còn hy-vọng bản ân xá kịp thời nhờ sự bào-chữa tận tâm của vị Luật-sư do Bác-sĩ đảm-nhận.

Những bệnh-nhân lần-lượt ngủ. Dưới đường tiếng còi xe vang lên trong đêm vắng. Có lẽ khách đi chơi về khuya. Lài cũng đã từng cùng khách hãnh-diện ngồi trên chiếc xe bóng lọng, ngã lưng vào thành nệm êm, lượn quanh khắp đường phố đô-thành, đến các hiệu cao lâu, thưởng-thức món ăn, nhấp từng ngụm huyết-ky, trao đổi nụ cười tình-tử. Trên đoạn đường mà Lài giẫm bước đó có hoa lá, hương thơm, có trời xanh mây trắng, có hạnh-phúc tuyệt-vời ; nhưng cũng có lẫn lộn bầy rập, chông-gai, có vực sâu thăm-thẳm ghê rợn chực-chờ và hạnh-phúc càng tuyệt-đỉnh thì lại càng ngắn-ngủi.

Cơn ho và vết thương kín tập hợp nổi lên hoành-hành ray-rứt Lài, Lài ôm ngực, gằn hơi, nghiêng mình thu người lại, cắn răng chịu đựng ; một phút, hai phút... trôi qua, cơn bệnh dịu dần, Lài thở ra, ngửa ra nằm thêm-thiếp giữa tiếng rên-rỉ tiếng ngáy thờ đều đều như bản nhạc trầm buồn.

NGUYỄN-HỮU-TRI

HÃY ĐỌC VÀ CỔ ĐỘNG

ĐỒNG-NAI VĂN-TẬP

— Nêu các vấn-đề thời-đại Việt-Nam

— Có nhiều bài văn-học miền Nam

Những mối thao-thức thời-đại

ĐẶT LẠI VẤN-ĐỀ LÃNH-ĐẠO GIÁO-DỤC



BÍ (Chuyện xảy ra trước Cách-Mạng 1963)

★ Bài của AN CƯ

Trong mười mấy năm nay, Chánh-Phủ tốn hết không biết bao nhiêu chục triệu đồng rồi đề mở các cuộc bàn-cãi và các hội-nghị tồ-chức gần như hằng năm với mục-dịch tìm một chánh-sách giáo-dục ở bậc Trung-học, nhưng dường như đều vô-ích, vấn-đề đâu vẫn hoàn đó. Đã vậy, thời thì đề mặc vấn-đề, không nói nữa, coi như không có, có được không? Khổ nỗi! Sự quan-trọng của nền Trung-học lại không cho phép áp-dụng một thái-độ lẩn trốn trách-nhiệm: Nếu chúng tôi không làm, thì hiện nay tổng-số học-sinh ở cấp Trung-học trên toàn cõi miền Nam Việt-nam đã đạt con số trên nửa triệu. Hơn nữa, quãng đường Trung-học là ngõ đi chánh-yếu của mỗi nam nữ công-dân trên nẻo học-vấn. Trước khi là giáo-sư, kỹ-sư, bác-sĩ, được-sĩ..., bạn phải trải qua bậc Trung-học cái đã. Ảnh-hưởng của khoảng đời Trung-học tác-động mạnh và ăn sâu vào nền tảng đức trí của bạn. Chúng ta đều thấy rằng vấn-đề Trung-học trọng-đại ở cả hai kích thước *chiều rộng* và *chiều sâu*.

Mọi nỗ-lực mưu-toan giải-quyết vấn-đề nền Trung-học đòi hỏi ở tất cả chúng ta sự thành tâm thiện ý ở mức cao độ. Chúng tôi tránh một cách tuyệt-đối sự đả-kích và bôi-nhọ cá-nhân, cơ-quan cùng đoàn-thề. Chúng tôi chỉ đưa ra sự-việc một cách trung-thực, không bóp nhỏ, không thổi lớn đề cho liệt Vị cao-kiến ở khắp bốn

phương cùng suy-gẫm, cùng tìm giải-pháp, nhứt là những Vị trong Chánh-phủ có nhiệm-vụ trực-tiếp giải-quyết. Thử hỏi: « Có gia-đình Việt-nam nào không có con, em học ở bậc Trung-học? ». Vấn-đề Trung-học là một vấn-đề rất chung. Chúng tôi thiết tưởng tất cả mọi người phải có tinh-thần cởi-mở, công-ích và can-dảm thì họa chằng chúng ta mới mong tìm được lần lần ánh-sáng cho sự giải-quyết vấn-đề. Giờ chúng tôi xin thỉnh chư Vị cùng đặt chân leo vào dốc vấn-đề Trung-học.

KHỦNG-HOẢNG TRONG SỰ PHÁT-TRIỂN

Trước năm 1945, riêng Nam Việt vồn-vẹn chỉ có bốn trường Trung-học dạy chương-trình Pháp-Việt như trường Trung-học Pétrus Ký, Nữ Trung-học Gia-long, trường Trung-học Phan Thanh-Giản (Cần-thơ) và trường Trung-học Nguyễn Đình-Chiều (Mỹtho).

Chúng tôi xin lưu ý Quý Vị: Lúc bấy giờ với chương-trình Pháp-Việt, phần lớn hiệu-trưởng Trung-học và giáo-sư Trung-học là người Pháp. Còn từ sau năm 1945 và từ Nam Vĩ-tuyến 17 đến mũi Cà-mau, chúng ta có đâu những 145 trường Trung-học ở các quận và các tỉnh. Con số vọt lên với cái đà làm chóng mặt. Sự gia-tăng này còn tiếp-tục. Mặc dầu chúng tôi trình-bày quá sơ-lược, chắc-chắn Quý Vị cũng thấy được bao nhiêu vấn-đề cấp-bách đã được đặt ra, nào phải đào-tạo số giáo-sư cho sự giảng dạy các môn, con số giáo-sư đòi hỏi đến mức mấy ngàn người, nào phải chọn người làm hiệu-trưởng Trung-học. Phải chi đất nước thanh-bình, thì Quốc-gia dành nhiều nỗ-lực cho sự giải-quyết vấn-đề Trung-học. Cái không may của chúng ta là gặp ngay giai-đoạn rối-loạn chiến-tranh với bao nhiêu hậu-quả nguy-hại của nó. Nhưng điều làm cho vấn-đề trầm-trọng hơn là *sự thiếu chuyên-viên giáo-dục, sự xen chánh-trị vào học-đường và biện-pháp hoãn-dịch cho giáo-sư Trung-học*.

SỰ THIẾU CHUYÊN-VIÊN GIÁO-DỤC

Quý Vị có đồng ý không? Khi chúng ta muốn hớt-tóc, chúng ta phải nhờ thợ hớt-tóc; muốn đóng bàn ghế, thì phải tìm thợ

mộc. Nếu chúng ta làm ngược lại : Nhờ thợ mộc hớt-tóc cho chúng ta, thì đầu tóc của chúng ta sẽ được hớt ra như thế nào ? Còn giao thợ hớt-tóc đóng bàn ghế, thì bàn ghế làm ra có coi được không ? Quý Vị cứ nghĩ thử kết-quả, hay nói đúng hơn, hậu-quả sẽ như thế nào ! Hẳn Quý Vị không dám tưởng-tượng đến điều đó nữa ! ! Có bao giờ giao cho giáo-sư Trung-học điều-trị bệnh-nhơn không ? Cho phép luật-sư mở nhà thuốc Tây không ? Trao cho kỹ-sư quyền biện-hệ không ? Phú cho dược-sĩ đắp đường xây cầu không ? Nếu bảo là không, thì tại sao, từ ngày độc-lập đến nay, lại giao bộ Giáo-dục cho bác-sĩ, cho luật-sư.... Xin hỏi : Ngành giáo-dục, nhứt là ở cấp Trung-học, có phải là một ngành đòi hỏi sự chuyên-môn như bao nhiêu ngành khác không ? Bác-sĩ, luật-sư..., xin nói thẳng, có đủ sự hiểu biết cần-thiết, khả-năng cần-thiết, nhứt là lòng say-mê với ngành giáo-dục không ? Riêng về điểm sau cùng, chúng tôi xin nhấn mạnh : « *Lòng say-mê chức-nghiệp là yếu-tố chánh-yếu cho mọi thành-công vĩ-đại* ».

Và lại khi cho làm thuốc chết bệnh-nhơn, thì người ta thấy rõ. Còn khi ông bác-sĩ hay ông luật-sư điều-khiển bộ Giáo-Dục, phạm lỗi-làm, hại cả thế-hệ thanh-niên, thì cả mười, hai mươi năm sau, người ta mới thấy được.

Nếu Chánh-phủ chỉ giao bộ Y-Tế cho bác-sĩ, bộ Giao-Thông cho kỹ-sư, bộ Quốc-Phòng cho quân-nhân, thì xin trả bộ Giáo-Dục lại cho giáo-sư Trung-học, bằng không xin Chánh-phủ nện dẹp bỏ chức-vụ giáo-sư Trung-học ; để cho bác-sĩ và luật-sư giảng dạy ban Trung-học, coi những vị này có đảm-đương nổi không ? Đồng thời xin nhắc : *giáo-sư Trung-học cũng tốt-nghiệp Đại-học*. Xin nhấn mạnh : « Không phải giáo-sư Trung-học tranh giành ngôi vị. Phải giao bộ Giáo-Dục lại cho giáo-sư Trung-học, vì là thuộc khả-năng và thuộc thẩm-quyền của giáo-sư Trung-học. Chỉ khi nào giáo-sư Trung-học có hoàn-cảnh và điều-kiện để điều-khiển và chỉnh-đốn bộ Giáo-Dục, thì nền giáo-dục quốc-già, nhứt là nền Trung-học, mới được ổn-định và phát-triển đều đều được. Chừng đó chánh-sách giáo-dục được liên-tục, các giáo-sư Trung-học nối-tiếp nhau, sẽ tạo được một truyền-thống giáo-dục cho quốc-gia dân-tộc. Còn để cho các bác-sĩ và luật-sư chen kẽ nhau điều-khiển bộ Giáo-Dục,

thì những vị này làm cho nền quốc-gia giáo-dục càng ngày càng trở nên vá-víu. Trong bài này, vì muốn tránh sự ngộ-nhận, chúng tôi không nói đến các điều bê-bét và lỗi-làm do bác-sĩ và luật-sư, là những người ngoại cuộc đối với ngành giáo-dục, đã gây ra trong vũ-trụ giáo-dục ; chúng tôi để dành lại cho một bài khác. Chúng tôi lưu ý Chánh-phủ ngay từ bây giờ chú-trọng đào-tạo thêm chuyên-viên cho sự lãnh-đạo giáo-dục.

Chỉ có như thế, nền giáo-dục, nhứt là nền Trung-học mới mong có ngày gầy-dựng lên được.

Các hội-nghị giáo-dục gồm toàn các từng lớp người không chuyên-môn, đâu có thiện-chí đến đâu, chỉ làm tổn kém ngân-quĩ quốc-gia, không bao giờ đủ điều-kiện để giải-quyết được vấn-đề giáo-dục. Ý-kiến của các hội-nghị giáo-dục chỉ giúp ích, chớ không giải-quyết. Kinh-nghiệm của mười mấy năm qua đã chứng minh điều đó. Mỗi bộ môn phải có chuyên-viên và phải giao cho chuyên-viên. Ngành giáo-dục cũng không thoát được cái nguyên-tắc đó.

SỰ XEN CHÁNH-TRỊ VÀO HỌC-ĐƯỜNG

Ngoài cái hại không chuyên-môn, còn tai-họa xen chánh-trị vào học-đường cũng không kém phần trầm-trọng.

Làm giáo-sư, phải luôn luôn trau-đồi kiến-thức, phải đọc sách thêm mãi để theo dõi nhịp tiến-triển của môn mà mình phụ-trách giảng dạy. Ngoài ra phải tu-tĩnh không ngừng, vì dầu muốn dầu không, khi vẫn thân vào nghề giáo-sư, phải chấp-nhận điều-kiện tiên-quyết là có đạo-đức ; có như vậy, giáo-sư mới dạy-dễ học-sinh được, làm gương mẫu cho học-sinh được. Uy-tín của giáo-sư về trí-thức và đạo-đức làm căn-bản vững chắc cho giáo-dục. Do đó trong ngành giáo-dục, tiêu-chuẩn tài đức không thay thế được. Vậy mà trong mười năm nay, có một số giáo-sư chạy theo thể-lực chánh-trị này, uy-quyền nọ, không tự luyện thêm trí-thức, không gìn-giữ tâm-đức nữa. Hậu-quả là thường số giáo-sư tận tâm bị bỏ quên, chịu đủ mọi thứ thiệt-thòi, còn hạng giáo-sư dựa « thể-lực chánh-trị », thiếu tài kém đức, lại được thăng-thưởng lên như « điều-gặp gió ». Thử nghĩ nếu kéo dài tình-trạng này, thì nền giáo-dục đang xuống dốc, sẽ đi về đâu. Sự-việc thật đáng ngại.

Chúng tôi xin kể vài mẩu-chuyện « bất-thường » có tánh-cách chánh-trị đã xảy ra. Chúng tôi xin giấu tên tuổi của các đương-sự ; sau này thời-cơ thuận-tiện hơn, sẽ cho đem ra ánh-sáng những nhân-vật « độc-đáo » đó.

— Có một lần, một giáo-sư Trung-học đệ nhứt cấp, ý vào thể chánh-trị, đã dám nói với một ông tổng-giám-đốc ở Nha Trung-học, đề xếp ông này ở lại tiếp-tục chức-vụ và đề-nghị thay thế ông giám-đốc.

— Một lần khác, một ông Bộ-Trưởng Giáo-Dục cùng với một ông Đồng-lý, đều thuộc một đảng chánh-trị, lợi-dụng quyền-lực của mình, đặt quyền-lợi đảng trên quyền-lợi giáo-dục quốc-gia, ra lệnh cho một vài giáo-sư, ở mỗi tỉnh, trong số đảng-viên, bầu người làm hiệu-trưởng. Hai ông này đã lạm quyền một cách quá đáng, bỏ một lúc hai mươi mấy đảng-viên làm hiệu-trưởng trong nhiều trường-học bất-thường, do đó, kêu lên một sự chống-đối mãnh-liệt của các giáo-sư. Đáng lý ra, ông Bộ-trưởng và ông Đồng-lý ở địa-vị điều-khiển, phải ổn-định các trường, vậy mà chính hai ông ấy gieo sự bất-bình rối-rắm. Tình-trạng đó hiện còn âm-ỉ. Quý Vị thử nghĩ : Đảng-viên của họ không chiếm được một phần ngàn so với tổng-số giáo-sư ; họ lại muốn đề đầu đề cõ thiên-hạ. Họ quen rằng giáo-sư là hàng trí-thức, không dễ gì lấn hiếp được. Họ làm vậy chỉ tạo sự rối-loạn mà thôi. Hơn nữa Quý Vị thử xét : Trường Trung-học công-lập là của quốc-gia, đâu phải của đảng họ. Nếu áp-dụng nguyên-tắc bầu hiệu-trưởng thì tất cả giáo-sư toàn-trường, không giới-hạn nào hết, phải được quyền ứng-cử và bầu-cử. Đảng này, chỉ có đảng-viên của họ ứng-cử và bầu-cử mà thôi.

Tại một trường Trung-học kia, một giáo-sư đảng-viên của họ dám hăm-dọa một giáo-sư khác như sau : « Ông dám chống lại hiệu-trưởng là người của đảng chúng tôi sao ? » Họ coi như điều tưởng Chánh-phủ và đương-kim Ủy-viên Giáo-Dục phải thu dọn lại những điều bất-đôn đó, những điều đó là sự bội-tín đối với Chánh-phủ và đối với quốc-dân.

Chúng tôi trộm nghĩ rằng không ai cấm công-dân Việt-nam làm chánh-trị, nhưng có điều chớ « dĩ công vi tư », chớ có thao-túng cơ-sở quốc-gia làm cơ-sở đảng, chớ có đem chánh-trị vào học-đường, chớ có dụ-dỗ học-sinh còn trong tuổi vị-thành-niên vào đảng chánh-trị của mình. Người ta gởi con, em tới trường để được trau-dồi trí-thức và thụ lãnh giáo-dục, chớ không phải để bị lợi-dụng làm công-cụ chánh-trị. Chúng tôi báo-động về sự-kiện nguy-hại này cho công-luận toàn quốc, cảnh-giác phụ-huynh học-sinh.

Chánh-trị xen vào học-đường đã và đang làm nguy-hại các trường Trung-học nhiều quá rồi.

XÉT LẠI BIỆN-PHÁP HOÃN-DỊCH CHO CÁC GIÁO-SƯ TRUNG-HỌC

Thực ra, giáo-sư đệ nhứt cấp cũng quan-trọng như giáo-sư đệ nhị cấp về phương-diện dạy-dỗ ; tại các nước tân-tiến, người ta chú-trọng các lớp đệ Thất, đệ Lục... hơn là các lớp đệ Nhị, đệ Nhứt. Sự dạy-dỗ các em nhỏ ở đệ Thất, đệ Lục... đòi hỏi giáo-sư phải có nhiều kinh-nghiệm, nhiều nhẫn-nại. Vậy mà ra trường, dạy được vài năm, vừa quen nghề thì bị gọi động-viên nhập-ngũ. Do đó, giáo-sư đệ nhứt cấp thường là những vị mới vào nghề. Điều này làm cho nền Trung-học ở các lớp đệ Thất, đệ Lục, đệ Ngũ càng ngày càng suy kém. Khi đề-cập tới giáo-sư Trung-học đệ Nhị cấp, cũng có sự đãi-ngộ phân-biệt, làm hiệu-trưởng thì được hoãn tới hạn tuổi chót là 33 tuổi, còn tiếp-tục làm giáo-sư thì không được hưởng quyền-lợi đó. Chánh-sách hoãn-dịch này là một điều bất-công và là mầm tạo sự phân-hóa và rối-loạn trong hàng ngũ giáo-sư : Có giáo-sư thì vào đảng chánh-trị này phe phái tôn-giáo nọ đề lấy thể-đứng chánh-trị hầu được làm hiệu-trưởng, có giáo-sư khác thì chạy-chọt bằng đủ cách đề đoạt ghế hiệu-trưởng. Từ đó phát sanh các sự chống-đối, tranh-giành, lục-dục hoặc công-khai hoặc ngấm-ngấm tại hầu hết các trường. Thử hỏi làm sao có sự tiến-bộ ?

Chúng tôi tưởng chỉ có một cách là hợp-lý-hóa biện-pháp hoãn dịch cho giáo-sư Trung-học : *Dầu giáo-sư Trung-học đệ nhất cấp hay giáo-sư Trung-học đệ nhị cấp, đầu làm giáo-sư hay làm hiệu-trưởng, tất cả đều được hoãn tới hạng tuổi chót. Phải căn-cứ vào tài, đức mà chọn người làm hiệu-trưởng.*

Phải tận diệt nguyên-do tạo tệ-đoan, rối-loạn, thì mới diệt được tệ-đoan và rối-loạn.

Nếu tất cả giáo-sư và hiệu-trưởng đều được hoãn tới hạng tuổi chót, thì không còn giáo-sư nào chạy-chọt để làm hiệu-trưởng nữa và cũng không còn ham bị lôi-cuốn vào con đường chánh-trị một cách bất-đắc dĩ nữa. Tất cả giáo-sư sẽ yên-tâm và tận-tụy với thiên-chức của mình.



Giáo-dục là căn-bản của quốc-gia. Giáo-dục suy, thì quốc-gia như cây-cối bị mục tận rễ, không làm sao tránh khỏi đổ nát. Chúng tôi tưởng phải cứu-vãn ngay nền giáo-dục đang xuống dốc, trước khi quá trễ.

AN-CU

HÃNG HIỆP-HÒA

393, đại lộ Trần Hưng Đạo, Saigon

Điện-thoại : 24.447

Chuyên bán vật liệu xây cất

**Ciment — Ván ép — Giấy ép isorel — Formica —
Fibro-ciment — Dụng-cụ vệ-sinh — Gỗ xẻ.**

một trọng-hướng mâu-thuẫn

NHỮNG MỐI THAO-THỨC THỜI-ĐẠI



Lá thư Washington

● Bài của LÊ-DUY-TÂM

BÀI NÀY GỒM 10 TRANG

BỊ KIỂM DUYỆT HẾT

Xin dùng SẢN PHẨM do **VIỆT-TÂN HÓA PHẨM CÔNG-TY SẢN XUẤT**

Hiệu BẠCH-HOÀ

BỘT GIẶT (DETERGENT)

THUỐC GỘI ĐẦU

BỘT RỬA SẠCH

XÀ BÔNG "ÉPONGE" THƠM

HÀNG VẢI CÁC LOẠI ĐƯỢC BẢO ĐẢM.

KHÔNG GÀU KHÔNG NGỨA

CHÉN DĨA SẠCH BÓNG

DỤNG CỤ NHÀ BẾP NHÀ TẮM SÁNG NHƯ MỚI.

TỔNG PHÁT HÀNH SANH-XƯƠNG 98, LÊ-QUANG-LIỆM CHOLON Đ.T.: 37096

XƯƠNG: 415, LỤC-TỈNH CHOLON

cho nhu-cầu dân-tộc, thay vì phải ngửa đầu há miệng mong chờ giọt sữa cứu-trợ nhỏ vào. Năm 1968 là năm bầu-cử Tổng-Thống Mỹ, cho nên năm nay là một năm quyết-định. Con người Việt-Nam trước chiến-tranh tàn-phá làng mạc, họ sẽ hỏi những con người bên kia bờ Thái-Bình-Dương : « Các ông muốn gì ? » Xin Thượng-Đế giúp-đỡ và bảo-vệ dân-tộc chúng ta.

LÊ-DUY-TÂM

KIẾN - TRUNG

464, đường Minh-Mạng (Chợ-lớn)

CHUYÊN TIỆN

- đồ phụ-tùng Vespa, Lambretta
- đồ phụ-tùng xe hơi
- đồ phụ-tùng các loại xe gắn máy (Nhật, Pháp, Đức, Ý...)

LÀM KỸ — MAU LẼ — GIÁ PHẢI CHẴNG

VĂN-LIỆU MIỀN NAM

I) THI-VĂN CỦA PHAN THANH-GIẢN

do Nam-Cư sưu-tầm và chú thích

Đi Tân-Gia-Ba (1)

Nguyên tác

1

Gia-Ba dư thượng ốc tầng tầng,
Gia-Ba dư hạ thủy chùng chùng.
Mạc kiềm tổng lai tiêu đầu liệp (2),
Câu chân chân (3) đảo cập ba-tăng (4).

2

Châu xa, bạch mã mãn nhai cù,
Lục hộ ngân tường xứ xứ lâu.
Thanh tình diễm tử phong lưu-thậm,
Thân ủng kiềm mâu dạ xuất du.

(Lương-Khê thi-tập)

(1) Dưới triều Minh-mạng, nhà vua thường sai sứ đi các nước láng giềng như Phi-luật-Tân, Tân-gia-Ba cùng các hải cảng người Âu bên Tàu như Áo-Môn... để mua hàng hóa và vật-dụng trong triều.

(2) tức thuyền con, xa-lúp (chaloupe).

(3) chân châu là cochine (Cochinchine).

(4) ba tăng tức capitaine, thuyền trưởng.

1

Trên đảo Gia-Ba nhà tầng tầng
Dưới đảo Gia-Ba nước ngàn ngàn.
Người chà đưa lại xa-lúp nhỏ,
Nói « chân chân » đến với Ba-tăng.

2

Xe ngựa đầy đường bụi ngắt trời.
Cửa xanh tường trắng khắp nơi nơi.
Mắt' thau mũi nhọn phong lưu tuyệt.
Đêm kẹp bà dằm đi dạo chơi.

II) NAM-KỲ PHONG-TỤC NHÂN-VẬT ĐIỂN-CA

Của NGUYỄN-LIÊN-PHONG

Phản tổng-quát (tiếp theo)

Tàu ô gành bãi vô ra, Nhiều-nhương ghe cộ cũng là lăm khi.
Nghe đầu bắt đặng tức thì, Đã đôi ba chiếc trốn đi ngã nào.
Sợ oai chúng nó bôn đảo, Mấy năm nay đã ba đảo yển thanh.
Dưới sông bật đầu côn kinh, Trên bờ vui thú thích tình làm ăn.
Sum vầy các sắc nhơn dân, Sanh nhai nghề nghiệp bôn căn vững vàng.
Toàn-quyền Tổng-thống ngôi sang, Đông-dương mỗi việc ngỗng-ngang tay dùng.
Bình-thuận thành, đến Thăng-long, Nước nào bảo-hộ ngoài trong an-nhàn.
Đại Nam việc quốc vững vàng, Vua là Thành-thái hiệu Hoàng-đế nay.
Nguyễn-trào công đức nặng dày, Từ Gia-long trước những ngày trung hưng.
Cậy nhờ sáu tỉnh binh dân, Dựng nên đế-nghiệp tân cần lưu lai.
Ấy là bờ cõi phía ngoài, Còn vua Chơn-lạp rộng dài phía trong.

Trị vì bốn chục dư đòng, Rô-đom (Norodom) danh biểu chín trùng
vui chơi.

Ơn nhờ bảo-hộ nơi nơi, Nước Mên toàn cảnh thành thơi xa gần.
Tên ngoài tục gọi hoàng-lân, Giáp-thìn ngài đã giá băng mới rời.
Ông hoàng nhì nới lên ngôi, Sửa sang sắp đặt các tôi triều-đình.
Xi-xa-tha (Sisatha) ấy là danh, Noi theo qui-củ thái-bình dẫu xưa.
Nam-vàng hòa-thuận gió mưa, Dân đều vỡ bụng sớm trưa no
lòng.

Nam-kỳ thống-đốc một ông, Làm đầu sáu tỉnh thanh long trước
quyền.

Hạt nào hạt nấy đều riêng, Bên phan bên niết mỗi giếng sửa
đương.

Sĩ, công, hình, hộ, binh, thương, Nơi nơi phần trị phô-trương
phải bề.

Hội-đồng, nghị-viện chính-tề, Dân an bất-động cớ bề chiến-chinh.
Chánh chung giàu nước mạnh binh, Cõi Nam triệu chúng trị bình
âu ca.

Ngự lời cảm-khái ngâm-nga. Biết đâu nói đó lựa là thấp cao.
Nôm-na lục bát tầm phào, Cứ theo chuyện thật diễn vào nên câu.

(KỶ TỚI : Sẽ tới thị-xã Vũng-tàu)

NGUYỄN LIÊN-PHONG

III) THI-VĂN THỦ-KHOA NGHĨA

1

Quan Công cảm tác

Hạ-bì thuở nọ chẳng màng nao,
Gương rạng chi làm chước tưng thao.
Chén rượu anh em keo gắn chặt,
Tấm son tôi chúa đức chong cao.
Theo rồng dõc nhóm mây trời Hớn,
Xướng ngựa đâu tham bạc đất Tào.
Hai mối cang thường gồm đặn cả,
Ngàn năm thớm đề miệng người rao.

Thời Cuộc cảm-tác

(họa với Cử Trị và Tôn Thọ-Tường)

Anh-hùng sáu tỉnh thiếu chi đây,
Đâu đề giang-sơn đến thế này.
Ngọn lửa Tam-Tần phừng đất cháy,
Chòm mây ngũ quý lấp trời bay.
Hùm nương non rậm toan chờ thưở,
Cáo loạn vườn hoang thác có ngày.
Một gốc cảm thương dân nước lửa,
Đền Nam trụ cả dễ lung-lay !

HÃY TÌM ĐỌC

Tuần báo

TIN VĂN

NGHIÊN-CỨU — SÁNG-TÁC — PHÊ-BÌNH

Chủ-nhiệm kiêm chủ-bút : Nguyễn Ngọc Lương
với sự cộng-tác của các cây bút danh tiếng : Giản-
chi, Lữ-phương, Vũ-hạnh, Á-nam Trần Tuấn Khải,
Vi Huyền Đắc, Nguyễn văn Xuân, Biên Hồ, Tường
Linh...

ĐỨNG-ĐẮN — NHẪY-NHÀNG — HỨNG-THÚ

Nghệ-Thuật và Dân-Tộc

● Bài của HỒ-ĐẮC-THĂNG

Nghệ-thuật là một thành-phần trong nhiều thành-phần trải qua thời-gian đã đúc-kết thành một văn-hóa ở từng giai-đoạn trong lịch-sử, từng mỗi vùng trong không-gian, tùy nhu-cầu và điều-kiện sử-địa và bản-tính của mỗi dân-tộc. Và là một thành-phần quan-trọng nhất bởi vì nghệ-thuật, theo nghĩa rộng của nó, là phương-tiện cụ-thể nhờ đó mà đời sống tâm-tư thâm kín của một dân-tộc được biểu-hiện. Mà có dân-tộc nào, có sống mà không có đời sống tâm-tư ?

Giữa các văn-hóa của mỗi dân-tộc hẳn là có chỗ dị-đồng, nhưng mà là những dị-đồng về hình-thức, chứ tâm-tư say-sưa, đậm-dà, cảm-kích, chỗ bắt nguồn của nghệ-thuật là hoàn-toàn như nhau. Vấn-đề nhận-xét cho là cao hay thấp, đẹp hay không đẹp, tế-nhị diêm-lệ hay thô-sơ kỳ quái, là vấn-đề thị-trực (question d'optique) do chỗ đứng của mỗi người, nghĩa là tương-đối. Hai tác-phẩm điêu-khắc La Vénus de Milo và La Vénus des Hottentots là tử-dụ điển-hình cho điều nhận-xét trên, ta có thể lấy đó làm mẫu mực mỗi khi ta so-sánh các phương-thức nghệ-thuật mà người ta thường phân-loại là nghệ-thuật ấu-trĩ (art mineur) và nghệ-thuật trưởng-thành (art majeur) hay nghệ-thuật toàn-mỹ (art-perfection). Nghệ-thuật toàn-mỹ là gì ? Nếu không phải là một mức đến của một nghệ-thuật

nào đó, chỗ cực-điểm của sự tiến-triển của nó, dưới tầm con mắt của một dân-tộc cùng tiến-triển theo chiều riêng-biệt của họ. Có thể thôi. Đạt đến mức cực-điểm đó rồi, nhìn sang chỗ khác, thấy khác hơn mình rồi tự-phụ cho mình là trưởng-thành, bên kia là ấu-trĩ ; hoặc ngược lại vì tự-ti mà thấy mình là ấu-trĩ, bên kia là trưởng-thành. Không dè rằng hai lối nghệ-thuật của cả hai bên đều vận-dụng hết mức thân và tâm của mình để cụ-thể-hóa mối tâm-tư cũng say-sưa, cũng đậm-dà nồng-nhiệt như nhau. Tâm-tư thâm kín, dinh-dưỡng lâu đời là chỗ bắt nguồn của nghệ-thuật vậy.

Tuy nhiên, nói như trên là nói tổng-quát, chứ khi phải phân-tách tế-nhị về bên trong của nghệ-thuật, lắm khi trong mỗi giai-đoạn lịch-sử, ta phải nhìn-nhận là luôn luôn có hai phần trong một nghệ-thuật lành-mạnh, nghĩa là một nghệ-thuật nó biểu-hiện trung-thực mỗi giai-đoạn tiến-triển theo truyền-thống của nó ; phần thứ nhất dễ nhận diện hơn hết là một hình-thức của một giai-đoạn biến-chuyển nào đó, nó có vẻ như xa lạ phần nào với cái bản-lĩnh cố-hữu. Phần thứ hai là cái tinh-thần cốt-yếu, có gốc rễ bám-biu vào lòng đất mẹ từ trăm nghìn thế-hệ, nó đã cống-hiến nguồn sinh-lực tâm-tư cho bao nhiêu đời đã qua. Nó là cái thường-trục và trường-tồn của tâm-hồn một dân-tộc, cơ-hở như con sông cuộn nước vàng, nước đỏ hay nước bạc từ cổ chí kim ; bất cứ ở giai-đoạn nào trong lịch-sử, nó vẫn giữ sắc-thái cố-hữu của nó, mặc dầu thỉnh-thoảng hoặc đó đây trên mặt nước có những bọt-bèo, rong rêu, rác-rến do biến-chuyển lịch-sử hay địa-dư nhất thời thả trôi trên mặt mà thôi. Mà chỉ đến lớp mặt phù-phiếm giả-tạo này cũng còn đượm phần màu sắc của chất nước của con sông sâu, bởi vì toàn-thể vừa đáy sông, vừa ngọn sông, vừa cỏ cây hai bên vẫn còn ngấm-ngấm là môi-trường của nó.

Thế thì, khi ta muốn luận về nghệ-thuật, thiết-tưởng ta phải phân-biệt hai phần nói trên : phần phù-phiếm

nhất thời bên trên do ảnh-hưởng lịch-sử và địa-hình ngẫu-nhiên tạo nên và phần sâu rộng thâm-kín và trường-tồn bên dưới, nó mới là thực-chất của một nghệ-thuật. Hai phần này có vẻ như tương-phản nhau và là tương-phản thật. Bởi vì định-luật tương-phản là nguyên-tắc căn-bản của sự sống và diễn-biến. Vạn-vật sống là diễn-biến và sinh hóa, diễn-biến, sinh-hóa trong tương-phản và nhờ tương-phản. Nếu chỉ có thuần-túy và đồng chất đồng thể trong tất cả vạn-vật, thì vạn-vật không-biến, mà không biến là không sanh. Nhưng, để cho định-luật tương-phản được khả-năng sanh-biến, nhất thiết phải đạt mức độ quân-bình. Vậy quân-bình của hai sức tương-phản là điều-kiện sanh-biến. Quân-bình trong tương-phản, tương-phản trong quân-bình. Như định-luật tương-khắc Âm-Dương rồi ký-phân hòa-đồng mới sanh sanh hóa hóa trong Kinh Dịch ; như lý Nhân-Duyên gặp nhau sanh quả, rồi quả trở lại thành nhân, quanh quẩn trong giới hữu-tình (monde conditionné) của nhà Phật ; như pháp biện-chứng : chính-đề, phản-đề, tổng-đề của Hegel, v.v...

Trở lại hình-ảnh con sông nói trên, ta có thể hình-dung dân-tộc là nền tảng đất-dại mệnh-mông và vững-chắc, vô cùng trầm-tĩnh và yên-lặng. Đó là môi-trường, là chỗ chịu cho con sông từ từ chảy qua, mặc sức cho nó guồn cuốn phù-sa sỏi sạn cạo tự đáy sông. Trên mặt thì muôn hình vạn trạng tùy lúc, tùy nơi ; chỗ thì ào-ạc đỏ xô qua thác, tạo ra lớp bọt-bèo sôi-động lớn nhỏ, lúc thì bằng-phẳng chảy qua đồng bằng để lại phi-nhiều, phong-phú ; chỗ khác thì cong queo bỏ qua vùng cát khô-khan tro-troi. Mặc dầu nhao nhố, nhần-nhiu phù-phiếm biến-đổi từng chập bên trên, nhưng bề sâu ở dưới vẫn là con sông với cùng một thứ nước như hồi mới bắt nguồn, nhuộm màu sắc vàng, trắng, đỏ hay xanh vậy. Hình-ảnh con sông nói trên, ngẫu-nhiên lại trùng với thực-tại lịch-sử và địa-dư mà ai cũng biết. Người ta há chẳng phân loại ra những văn-hóa lớn trong lịch-sử như : văn-hóa sông

Hoàng-Hà, văn-hóa sông Indus, văn-hóa sông Hằng, văn-hóa sông Nil, văn-hóa sông Lưỡng-Hà (Mésopotamie) của hai sông Euphrate và Tigre, v.v... ? Những sông lớn trên thế-giới đã từng đóng vai-trò tay thợ bồi-dắp văn-hóa và văn-minh. Nếu nói vùng (aires) thì có vùng văn-hóa Thái-Binh-Dương, vùng Thời-phong (moussons) ở Đông-Á, vùng Địa-Trung-Hải, vùng Trung-Á, vùng hoang-nguyên Steppes, vùng Badari ở Phi-châu, vùng Bắc-Âu chẳng hạn. Nói hẹp lại thì có những vùng địa-phương nhỏ hơn nằm trong vùng lớn. Mỗi vùng, dầu nhỏ dầu lớn đều có một đặc-tính cố-hữu riêng. Nhưng kỳ trung, trong mỗi vùng, sự diễn-biến văn-hóa không ra ngoài định-luật chung nói trên : dân-tộc là nền-tảng truyền-thống trường-tồn, văn-hóa mọc trên nền-tảng ấy mà sinh-tồn và nảy-nở, sinh-tồn và nảy-nở với sinh-lực và cá-tánh truyền-thống của dân-tộc. Phần phù-phiếm bọt-bèo nhất thời trên mặt sông có thể ví như những hiện-tượng bịnh-lý ngoài da mà thôi, mà là những bịnh-lý tất-yếu.

Như vừa thấy trên, phân-loại văn-hóa và nghệ-thuật ra từng vùng, rồi trong mỗi vùng lại có những vùng địa-phương nhỏ hơn, ta đã thấy mỗi vùng dầu lớn dầu nhỏ đều có những đặc-tính riêng-biệt. Đi xa hơn và nói rộng ra, người ta lại chứng-nghiệm rằng mỗi phương, mỗi châu lại cũng có một nền văn-hóa và nghệ-thuật riêng-biệt phát-sinh, bởi những điều-kiện sử-địa, thiên-thời cố-hữu của từng phương, từng châu. Thí-dụ như đại-khái người ta đã phân-biệt văn-hóa Đông-phương và văn-hóa Tây-phương, và tất-nhiên là có nghệ-thuật Đông và Tây-phương, mỗi phương đều có một tinh-thần cố-hữu riêng chi-phối cá-biệt của mỗi phương vậy.

Xin đơn cử một tí-dụ về cái tinh-thần cố-hữu vừa nói của mỗi phương, hay mỗi châu. Cách đây hơn ba mươi năm, vào khoảng năm 1932-33, lúc ông còn ở Ecole du Louvre, trong một buổi nói chuyện tại một phòng giảng Đại-học Ba-Lê, về « nghệ-thuật điêu-khắc đối-chiếu Đông

và Tây-phương », Ông André Malraux có nói một câu rất xác-đáng mà ai đã nghe cũng còn nhớ. Ông nói : Kể chung là ở Tây-phương, riêng là ở Hy-Lạp cổ-điển, nghệ-thuật tạc-tượng cổ tiêu-biểu cái « động » bằng những thái-độ « động ». Ngược lại ở Đông-Phương nói chung và nói riêng ở Ấn-Độ, nghệ-thuật này lại cố tả cái « động » bằng những thái-độ « bất-động ». (L'art statuaire en Occident en général et dans la Grèce classique en particulier, cherche à exprimer le mouvement par le mouvement. En Orient, au contraire et en particulier dans l'Inde, dans le même art, le mouvement s'exprime par le non-mouvement). Khác biệt hẳn giữa Đông và Tây. Câu nói trên đây của Malraux, khi đề-cập đến hai vùng văn-hóa và nghệ-thuật rộng lớn Đông và Tây-phương, cho ta thấy hai văn-hóa này đã sinh sống và phát-triển theo hai chiều riêng-biệt. Đó là sự thật, và một lần nữa, sự-kiện chứng-minh rằng cả hai bên Đông và Tây-phương, trong địa-hạt văn-hóa và nghệ-thuật, cả hai đều không ra ngoài định-luật chung cho sự phát-sinh và tiến-triển của mọi văn-hóa là : Dân-tộc với cả lịch-sử và địa-dư, cha đẻ của nếp sống vật-chất và tinh-thần của nó là phần im-lìm mênh-mông, là môi-trường vững-chắc đã dinh-dưỡng nó từ vạn cổ. Dầu thế nào đi chăng nữa, những cuộc biến-thiên nhỏ nhất thường có của lịch-sử trong nhất thời vài ba thế-kỷ, cũng khó lòng biến-đổi, hà huống là tiêu-diệt cái đặc-tính của nó tiềm-tàng nằm dưới sâu lòng đất, trong truyền-thống vô-hình của dân-tộc.



Trên đây là thử nói sơ-lược và tổng-quát về vấn-đề văn-hóa, nghệ-thuật và dân-tộc. Mà văn-hóa là một thực-tại biểu-thị dưới thiên hình vạn-trạng, là những gì con người ta đề-phục-vụ đời sống xác thân và tâm-linh, làm cho đời sống ấy được yên lành, đẹp-đẽ theo sở-nguyện của mình. Bao nhiêu kiến-tạo vật-chất hữu-hình để phụng-sự

đời sống vật-chất, bao-nhiều ý-thức, quan-niệm, tín-ngưỡng, học-thuyết, nghĩ ra để phụng-sự cho tri-não và tâm-linh, đó là văn-hóa.

Vậy nghệ-thuật là một thành-phần trong vô số thành-phần của văn-hóa.

Đại-khái, nghệ-thuật thường được phân ra làm năm hình-thức : âm-nhạc, thi-thơ (kể cả ca-kịch, văn-chương), hội-họa, điêu-khắc (kể cả nghệ-thuật đắp nặn đất hầm, sành sứ và điêu-trác loại kim) và sau cùng là kiến-trúc.

Trong đoạn dưới đây xin mạn phép thử đề-cập đến hình-thức thứ nhất của nghệ-thuật là âm-nhạc, mục-đích không ngoài ý muốn đề-cùng với các bạn đọc-giả xem coi sự liên-hệ giữa nghệ-thuật, là một thành-phần của văn-hóa, và dân-tộc nó mật-thiết là dường nào.

Kể viết bài này vốn không phải là chuyên-môn về âm-nhạc, càng không phải nhạc-sĩ ; chỉ có học lóm và ưa thích nhạc mà thôi. Vậy nếu phải đề-cập đến âm-nhạc ở đây là chỉ xin dừng về mặt xã-hội học, xem âm-nhạc như một sự-kiện xã-hội, một phương-thức biểu-hiện một khía-cạnh văn-hóa, và xuyên qua đó thử ước-đoán trạng-thái tinh-thần bên trong.

Ai cũng biết, nghệ-thuật, luân-lý và tôn-giáo, cả ba đều do một nguồn duy nhất mà biểu-lộ. Đã là con người, và là con người muốn sống thì tức nhiên trong tâm-tư đã có niềm khao-khát sống an, sống đẹp, sống vĩnh-viễn. Dầu là có thái-độ lạc-quan hay bi-quan trước một sự-kiện bất-khả-nhượng-thoát là phải sống, dĩ-nhiên con người không thể không có một nhân-sinh-quan và một vũ-trụ-quan dầu là thô-sơ mộc-mạc hay cao-siêu tế-nhị, bực-lộ rõ-rệt hay thâm-kín bất-giác, thế nào cũng phải có. Chỉ đến hạng người chủ-trương hư-vô-chủ-nghĩa, cũng có một thái-độ, một quan-niệm trước hai đối-tượng kể trên là đời sống của con người và vũ-trụ bao quanh. Hơn thế, chỉ đến kẻ tuyệt-vọng không còn muốn để cho hai đối-tượng ấy dòm mình

và dành quyền-sinh để tránh, kẻ ấy cũng có rồi một thái-độ. Thái-độ hư-vô, thái-độ từ-khước cũng là thái-độ, một thể đứng tinh-thần trước vấn-đề vũ-trụ và nhân-sinh. Và cũng do hai đối-tượng đó, ngộ-nghĩnh hay cay-nghiệt, đầy khích-lệ, hứa-hẹn hay tràn-trề bi-đát khổ-đau, mà phát-sinh nghệ-thuật, luân-lý và tôn-giáo là ba phương-thức, tra-hồ như ba công-thức để giải-đáp bài toán nhân-sinh. Vì có nhân-sinh mới có tôn-giáo, luân-lý và nghệ-thuật. Thoạt kỳ thi, mầm gốc của tôn-giáo là khắc-phục hay van xin; mầm gốc của luân-lý, là ý-chí sống an, sống hòa; mầm gốc của nghệ-thuật là tiếng khóc và tiếng cười. Nghệ-thuật phát hiện, trước tôn-giáo và luân-lý, và là nghệ-thuật dưới hình-thức nào? âm thanh. Trước khi biết nói thành lời, suy-tư thành ý, con người khởi sự bằng tiếng khóc và tiếng cười. Âm-thanh đi bước đầu, trước khi loài người biết xử-dụng tay chơn và trí óc. Âm-thanh phát ra do cảm-kích, cảm-kích là khởi-thỉ tâm-tinh. Âm-thanh là hùng-biến và hoàn-toàn hơn tất cả các phương-thức khác con người xử-dụng để nói ra những gì mà chỉ đến lời cũng không diễn-tả ra được. Ngôn-ngữ lợi dụng âm-thanh làm phương-tiện phát-hiện, nhưng cũng vì ngôn-ngữ mà âm-thanh bị giới-hạn khả-năng và hiệu-lực của nó, bị bần-cùng hóa rõ-ràng. Con người cũng biết như thế nên một câu văn, một bài thi, nếu chỉ đọc ra lời thấy nó không đủ sức đem ra trọn- vẹn tứ và tinh mà người viết ra muốn nói. Người ta mới trở về cầu-viện với âm-thanh giúp-sức. Thi thơ là phải ngâm, phải hát cho đúng âm-điệu, văn-chương phải dùng đến giọng bổng, giọng trầm mà đọc, để bồi-bổ lại phần nào cái hiệu-năng của âm-thanh thuần-túy, «nguyên-chất» mà ngôn-ngữ làm tài-khôn đã đánh mất. Ở cổ Hy-Lạp người ta «hát thi» (chanter la poésie); ở Đông-phương bên ta, người ta ngâm thi, vịnh phú; đọc văn xuôi hay văn thi ngày nay ở Tây-phương người ta lẳng ngâm (déclamer). Nhưng chỉ vá-viu, tạm bợ, đỡ vớt vạt thôi, chớ làm sao bằng để cho âm-thanh thuần-túy với nghìn nghìn vạn vạn điệu giọng tùy-nghi thốt ra trọn- vẹn

và hoàn-toàn bao nhiêu tinh bao nhiêu tứ đang chan-chứa tràn-trề trong lòng người. Thế là mượn nhạc thay vào, nhạc là âm-thanh và đó là lý-do tất-yếu của sự phát-sinh, ra nhạc. Nhạc là ngôn-ngữ hùng-biến nhất cho thính-quan, cũng như điệu-bộ (gestes) là ngôn-ngữ hùng-biến nhất cho thị-quan. Charlie Chaplin là một trong những người thấu hiểu cái màu-nhiệm đó và đã đem ra làm một lối khai-thác nghệ-thuật đến cực-điểm.

Bởi vậy cho nên không phải vô-lý hay ngẫu-nhiên mà âm-nhạc được sắp vào hàng đầu trong các hình-thức nghệ-thuật. Và bước đầu của âm-nhạc đi vào đời sống con người ngay lúc biết biến giọng ra lời, biết kết-đoàn sống chung thành xã-hội là đi vào ngã cửa tôn-giáo, và tôn-giáo tức là luân-lý.

Nói đến đây tôi sức nhớ một câu chuyện xưa, xin kể lại cũng ăn với đề này.

Vào hai mùa hạ và thu năm 1937, có cuộc đấu-xảo vĩ-đại tại Ba-lê gọi là Đấu-xảo Quốc-tế Nghệ-thuật, và Kỹ-thuật (Exposition internationale des Arts et Techniques) trong sáu tháng. Có duyên may tôi được mượn làm người giải-thích và đứng bán trong một gian hàng trình-bày đồ-cổ và nghệ-phẩm hiện kim của Á-Đông. Làm mỗi ngày từ một giờ trưa đến một giờ khuya. Cũng vui và vừa tiếp-tục học-hành được, lại vừa có chút tiền túi ăn cơm cũng đỡ khổ, nhất là vừa được sờ mó cái mình thích, được có dịp nói chuyện về Đông-phương cho người Tây-phương. Một hôm vào buổi tối, có một cụ già trạc độ sáu mươi, nhân lúc vắng khách bước vào gian hàng tôi mà trước đó tôi để ý thấy cụ rình mò chờ đợi từ nãy giờ. Dáng-điệu người đạo-mạo, tao-nhã, tôi đoán chừng là một vị giáo-su hoặc ít ra cũng là một nhân-vật am-hiểu sành-sỏi về nghệ-thuật, nhân lúc nhàn rỗi muốn đến hàn-huyên này nọ chơi cho vui. Sau những câu khách sáo xã-giao hai bên trao đổi, cụ gọi chuyện xa gần về nghệ-thuật để đi đến câu hỏi «gắt mấu» là cụ nhờ tôi giải-thích giùm cho cụ hiểu: tại sao

trong lịch-sử các môn nghệ-thuật ở Á-Đông như thi thơ, hội-họa, điêu-khắc, kiến-trúc đều được phát-triển vô-cùng phong-phú và vĩ-đại, cơ sao chỉ có môn âm-nhạc tiến-triển rất chậm-chạp, nếu không nói là đứng chững một chỗ cho đến thời cận-đại gần đây nhân có cuộc gặp-gỡ Đông-Tây? Câu hỏi ác thật! Mạo muội và miễn-cưỡng tôi xin đáp bằng cách vặn ngược câu hỏi và đặt một nhận-xét. Hỏi rằng: « âm-nhạc, cụ muốn nói đây, là âm-nhạc nào? Nếu là âm-nhạc cổ-diễn uy-nghi là khác, nếu là dân-ca mà bên chúng tôi cũng là âm-nhạc là khác ». Nhận-xét rằng: « nếu nói đến hiện-trạng của âm-nhạc cổ-diễn của chúng tôi thì chắc cụ cũng đồng-ý rằng âm-nhạc bên Tây-phương từ thế-kỷ 15 trở về trước cũng cùng ở trong tình-trạng na-ná như hiện-trạng âm-nhạc cổ-diễn chúng tôi ngày nay (1937) ».

Phải đợi đến thế-kỷ 16 mới thấy khai mào một kỷ-nguyên mới cho âm-nhạc Tây-phương. Trong xe chở phạm-vật hồi-môn của hoàng-hậu Marie de Medicis về nhà bên chồng là vua Henri thứ IV là những món quà nghệ-thuật nhân-cách-hóa bằng những tay nghệ-sĩ trừ-danh của nghệ-thuật Phục-Hung Ý-Đại-Lợi đã bắt đầu từ thế-kỷ trước. Nào là họa-sĩ, thi-hào, kiến-trúc, điêu-khắc-gia. Lại có cả một gánh hát với đoàn kịch-sĩ, nhạc-sĩ trừ-danh từ thành Florence bà đem sang. Có lẽ đây là lần đầu tiên một không-khí âm-nhạc mới-mẻ, một âm-nhạc đã thoát-ly vòng cương-tỏa của thời Trung-cổ thối vào. Marie de Medicis mang về cho nghệ-thuật Pháp những gì mà trước kia vua François đệ-nhất chưa lấy được. Rồi từ đó còn phải đợi đến gần cuối thế-kỷ 17, mới có được một Luli mở màn cho âm-nhạc Pháp bước qua con đường hứa-hẹn được phong-phú-hóa về sau. Rồi phải đợi hơn thế-kỷ nữa âm-nhạc Pháp nói riêng, âm-nhạc Âu-châu nói chung, mới được giải-phóng, song song với những cuộc giải-phóng xã-hội, chánh-trị, văn-chương, nghệ-thuật toàn diện đến ngày nay. Âm-nhạc được tiến-triển theo gần cùng một chiều với các môn nghệ-thuật khác dưới những hình-thức: cổ-diễn

thuần-túy, lãng-mạn, tượng-trung, tả-thực. Không biết đây rồi có siêu-tả-thực cho âm-nhạc không? Picasso âm-nhạc chưa có (1937) mà vạn-nhất ngày nó ra đời không biết nó sẽ nói gì «ghê-tởm» lắm, bởi vì âm-thanh có nhiều phương-tiện biểu-hiện hơn cả văn-chương và hội-họa. Dầu sao, chúng tôi thấy như cụ rằng âm-nhạc cổ-diễn của Âu-châu kể cả những phái lãng-mạn thanh-nhã tuyệt-luân và tế-nhị bên Đức-quốc, và ngay ở Pháp vào thế-kỷ 19 là mức đến tuyệt-đỉnh của nghệ-thuật. Trên đây là thử trình-bày đà diễn-biến của âm-nhạc « chánh-thức », là điệu âm-nhạc uy-nghi hệ-vệ như một bà chúa xinh đẹp trang-nghiêm mà gốc-gác tôn-tộc là ở chốn bình-dân. Thật vậy, trong khi âm-nhạc chánh-thức còn bị kềm hãm trong cương-lãnh nhỏ hẹp của tôn-giáo và triều-đình thì nền dân-ca vô-cùng phong-phú, tuyệt-đối tự-do tung-cánh bay khắp ruộng đồng, non núi, rừng biển, bằng cách ngâm-thơ mộc-mạc, nói ra bao nỗi tâm-tư thầm kín của con người. Hồi Trung-cổ, những điệu kịch tôn-giáo như Les Mystères, Les Miracles; những điệu ca điệu hát của đoàn nghệ-sĩ lưu-động đây đó trình-diễn trong những lâu đài hàng vương-bá, mà sử gọi là Les Troubadours ở miền Nam và Les Trouvères ở miền Bắc nước Pháp; bên Đức cũng có hạng người hát rong như thế ấy hồi thuở ấy. Những hình-thức âm-nhạc và ca-kịch này là gì nếu không phải là một hình-thức dân-ca đã bắt đầu phục-vụ cho tôn-giáo và triều-đại? trước khi dân-ca trở thành một kho tàng vô-tận, một nguồn sinh-lực vô-cùng phong-phú cung-cấp cho âm-nhạc một sức sống mạnh-mẽ về sau không bao giờ cạn. Những kiệt-tác của Wagner là từ trong tinh-thần của bao truyện thần-thoại truyền kỳ đầy về « phong thần » đã được dân-gian hát lên từ thuở xa-xôi xưa kia trong vùng La Vieille Germainie âm-u thần-bi.

Tôi xin lỗi cụ, vì đã dài-dòng đem chuyện nhạc của Tây-phương bên cụ ra mà nói. Và nói để để giải-đáp câu cụ hỏi. Thật vậy, nếu luận về nhạc Âu và Á, ta không nên

quên vấn-đề thời-gian tính. Tình-trạng âm-nhạc của Đông-phương chúng tôi ở đầu thế-kỷ 20 này là tình-trạng của âm-nhạc Tây-phương trước thế-kỷ 16 như đã dẫn trên. Đã biết rằng âm-nhạc đã đi vào đời sống loài người bằng con đường tôn-giáo, thì ở Đông-phương chúng tôi sự-kiện ấy càng rõ-rệt hơn đâu hết. Mà tôn-giáo và luân-lý là như bóng với hình, và phụ theo đó là uy-quyền của chế-độ thượng-quyền, chế-độ quân-chủ. Âm-nhạc bên chúng tôi được sớm kể vào công-cụ phục-vụ tôn-giáo, luân-lý, mà triều-đình quyền-quí là nơi bảo-thủ khắt-khe. Chánh-trị, xã-hội, kinh-tế, tôn-giáo, luân-lý không biến-đổi hay chưa biến-đổi thì âm-nhạc cũng không, hay chưa biến-đổi. Bởi vì âm-nhạc dính liền với tôn-giáo, với luân-lý, nó phải có tính-chất thiêng-liêng như tôn-giáo. Hình không biến, bóng làm sao biến được? Âm-nhạc «chánh-thức», ca-kịch chánh-thức cũng đều là thuộc nghi-lễ của triều-đình, là nghi-thức của tôn-giáo. Tình-trạng âm-nhạc bên chúng tôi là như vậy. Phải chờ đến thế-kỷ 19 và đầu 20, âm-nhạc Đông-phương chúng tôi mới bắt đầu bước vào giai-đoạn mà Tây-phương đã đi vào hồi thế-kỷ 15, 16. Nhưng, khốn thay! Bên Tây-phương có phong-trào Phục-hưng chăm-ngồi cho một sự thay-đổi sâu rộng cho mọi hình-thức văn-hóa và nghệ-thuật. Trước sự thay-đổi hăng-say đó mà lực-lượng lãnh-đạo là nhà vua và quý-tộc, phái tôn-giáo phải nhường bộ. Nói đúng ra thì phong-trào Phục-hưng ở Âu-châu đã bắt nguồn tại gốc là Hy-lạp do học-thuyết Platon đề-xướng bằng cách đưa ra một nhân-sinh và vũ-trụ quan mới. Platon nói: « cho đặng xứng-dáng hưởng những cái xinh đẹp vui tươi với Thượng-đế trên trời, con người cần phải tập-sự hưởng những gì đẹp-đẽ vui tươi ngay bây giờ ở trần-thế ». Đó là trái bom đầu tiên làm sụp đổ cả thành-trị kiên-cố của phái tôn-giáo Ki-tô gọi là phái Kinh-Viện (les scholastiques) đã độc-tôn lãnh-đạo tư-tưởng chánh-thức Tây-Âu trọn thời-kỳ Trung-cổ. Phái này chủ-trương rằng: « cho đặng xứng-dáng hưởng phước đời đời trên trời bên cạnh Thượng-Đế, con người ngay ở trần thế này bây

giờ phải nhận chịu sống đời xấu-xi, bần-tiện và khổ đau ». Đành rằng quan-niệm của Platon đã có trước từ lâu ở Hy-Lạp. Nhưng sau khi đế-quốc La-mã miền Đông bị tan-rã do sự lấn áp của đế-quốc Ottoman, nhất là sau khi kinh-đô Constantinople bị chiếm (1453) cả một cuộc di-cư rần-rộ kéo sang thành La-mã là kinh-đô đế-quốc miền Tây. Trong đám người di-cư này có cả những thi-nhân, văn-sĩ, triết-gia, nghệ-sĩ Hy-lạp đã thấm nhuần học-thuyết Platon. Kinh-đô La-mã trở thành môi-trường cho sự truyền-bá và phát-huy nền tư-tưởng mới. Phong-trào Phục-Hưng bắt mầm từ đó, ban đầu ở Ý (thế-kỷ 15) rồi thế-kỷ sau xâm-nhập Pháp-quốc dần dần lan-trần khắp Tây-Âu. Nghệ-thuật văn-hóa đã cuộn theo chiều mới kéo luôn âm-nhạc theo là lẽ dĩ-nhiên. Như đã nói hồi nãy, bên Đông-phương chúng tôi không có một phong-trào Phục-Hưng như vậy, mặc dầu gần đây vào giữa thế-kỷ 19, Đông-phương chúng tôi cũng có hứng chịu một luồng tư-tưởng mới, nhưng mà là một thứ tư-tưởng xa-lạ hoàn-toàn từ bên kia vòm trời Âu-Tây truyền sang. Xa lạ từ trong căn-bản phương-thức đến hình-thức biểu-hiện, đến đối Đông vẫn Đông, Tây vẫn Tây, không gây được một sự phối-hợp nào, khả dĩ hứa-hẹn những kết-quả đẹp, hướng-hồ là hướng-dẫn văn-hóa và nghệ-thuật Đông-phương đi vào một con đường mới và lành-mạnh. Hoặc giả có được kết-quả nào, toàn là những quái thai, lai căn, không hàm-súc được sinh-lực của văn-hóa Tây-phương, mà đã đánh mất cái sức sống của Đông-phương. Mà chính cái sự đánh mất này là điều mà đế-quốc Tây-phương muốn vậy. Muốn mà được không? Được trong giới nhỏ hẹp mỏng-mạnh của hạng người nông-cạn chạy theo cái bóng hào-nhoáng mà bỏ rơi cái thực im-lim, nó vẫn tiềm-tàng mạnh-mẽ trong đại đa-số quần-chúng dân-gian. Ở Nhật-bổn, phong-trào duy-tân được thành-tựu vào giữa thế-kỷ 19 là nhờ nước Nhật đi vào đường canh-tân mà còn giữ trọn chủ-quyền. Cho nên mặc dầu canh-tân mà Nhật vẫn còn Nhật. Còn lại phần đông các nước Á-châu đã mất chủ-quyền trong sự

gặp-gỡ bắt buộc giữa Đông và Tây, cho nên đã đau lòng chứng-kiến sự thờ-thần bỏ rơi cái gì cố-hữu của Đông-phương. Cũng may là thiệt-hại chỉ một phần nhỏ ở bên ngoài mà thôi.

Vì các lý-do lịch-sử kể trên mà nghệ-thuật nói chung và âm-nhạc nói riêng, đã đứng chững, không tiến-triển được. Mà đến khi nó gặp dịp biến-đổi trong cuộc gặp-gỡ Đông-Tây, vì những lý-do khác mà nó biến theo chiều đòi-truy chớ không được nảy-nở sum-sê như bên Tây-phương do phong-trào Phục-Hưng mang đến cho một sinh-lực mới cùng đồng một thể-chất với nghệ-thuật, âm-nhạc nói chung là cùng một phương-thức tư-tưởng với bản xứ. Hiện nay, thưa cụ, âm-nhạc Nhật-bổn, Trung-hoa và vài xứ bên Đông-phương chúng tôi đang phát-triển lành-mạnh lắm vì ở các nơi này nghệ-thuật và âm-nhạc đã nút giọt sữa mẹ mà dinh-dưỡng, tôi muốn nói nó tìm sức sống trong nguồn suối vô-tận là dân-ca cố-hữu của họ. Riêng ở xứ tôi, thiết-tưởng nghệ-thuật, âm-nhạc còn đang tìm con đường sống lại, chắc-chắn sẽ tìm ra. Mà tìm ra không ngoài kho tàng vĩ-đại của dân-ca, là tinh-hoa của dân-tộc, nó cứ mạnh-mẽ và thâm-trầm đường nó tự-do nó đi, trong lúc trải qua bao thế-kỷ âm-nhạc chánh-thức bị gò bó kềm-hãm trong khung-khổ bất-di bất-dịch của tôn-giáo và triều-đình. Nguồn sống trường-cửu của văn-hóa và nghệ-thuật là ở trong dân-tộc, âm-nhạc phải là tiếng nói của tâm-hồn, của truyền-thống tâm-tư của dân-tộc. Âm-nhạc bên Đông-phương chúng tôi sau này có được lành-mạnh, tốt tươi, phong-phú hay truy-lạc và tiêu-ma luôn, là do nắm giữ được cái gốc đó hay bỏ mất nó vì vô-tình, vô-tâm hay cố-ý có lý-do. Sự thật này có giá-trị cho cả âm-nhạc bên Tây-phương của cụ lẫn bên Đông-phương chúng tôi. Sau cùng, thưa cụ, vấn-đề cụ đã đặt ra trong một cuộc gặp-gỡ đột-ngột « giữa đường » như thế này, đành là rất lý-thú, nhưng cụ lại gặp phải người giải-đáp là tay « mơ » làm sao cụ thỏa-mãn được. Tôi rất tiếc, chớ chi cụ gặp được những

nhà cao-kiến bên nước nhà tôi, chắc-chắn cụ sẽ được vui » (về sau tôi càng tiếc hơn nữa vì vào năm ấy anh bạn Trần-văn-Khê là tay chuyên-môn về vấn-đề chưa đến Ba-Lê, còn anh bạn Nguyễn-v-Huyện, một tay chuyên-môn khác rất sành về dân-ca Việt-Nam chính là đề-tài luận-án tiến-sĩ văn-chương của anh, thì đã về nước rồi, chớ chi có được hai anh này hoặc những hàng học-giả uyên-thâm ở xứ nhà, thì câu chuyện sẽ được trăm phần lý-thú hơn, có dịp cho người ngoài biết xứ mình. Cho hay đi xứ người có lắm trách-nhiệm !).

Hơn suốt tiếng đồng-hồ, câu chuyện kéo dài. Đêm ấy, trời mưa lác-đác bên ngoài, nhờ vậy mà thưa khách. Đầu đuôi chỉ có một bà còn trẻ đến hỏi pho-tượng múa thần Çiva mà gian-hàng tôi có chiếc bằng đồng đen, một mô-phỏng của pho-tượng chánh gốc ở viện bảo-tàng Bénarès, Ấn-Độ, và hai anh sinh-viên mà tôi đoán là người Đức đến hỏi một bức thêu Tứ-Linh.

Mười hai giờ rưỡi khuya. Chuông reo báo hiệu đóng cửa. Cụ già cùng tôi ra về. Đọc đường tôi xin cụ vui lòng giải-thích sơ-lược một vấn-đề cũng về âm-nhạc, nó đã làm tôi thắc-mắc từ lâu : có sao hầu hết các dân-tộc lớn ở Âu-châu như Đức, Pháp, Áo, Ba-Lan, Ý, Nga đều có sanh trở ra được những nhà viết nhạc tuyệt-luận sáng-tác ra những nhạc-khúc thiên-thu bất-hủ, có sao chỉ có dân-tộc Anh-cát-lợi lại tuyệt-vô không có một tay nhạc cừ nào cả trong lịch-sử, mặc dầu ở các địa-hạt nghệ-thuật khác như thi-thơ, hội-họa, kiến-trúc nước Anh đã từng vượt trội lên những hàng đầu ? Do khí-hậu ư ? do điều-kiện lịch-sử ư ? hay do truyền-thống của dân Anglo-saxon ? Cụ tỏ vẻ suy-nghĩ và cụ xin khất lại để dịp sau sẽ trở lại cùng tôi bàn về chuyện ấy chơi.

Qua cầu Iéna, đến chụn tháp Eiffel cụ và tôi chia tay. Trên đường về, tôi đi bộ dọc theo bờ sông Seine, tôi đi thơ-thần, lòng quặn nhớ nhà vì câu chuyện hồi nãy trong

gian hàng đã gọi lên bao nhiêu ý, bao nhiêu tình về mảnh đất xa-xôi phía bên kia trái đất !

Như mọi bữa, trong khu đấu-xảo, từ chiều đến khuya đều có chơi nhạc, một thứ nhạc êm dịu phảng-phất như mùi hoa, bay ra từ những chiếc máy phóng-thanh chôn ngầm dưới đất trong vô số bồn hoa, hoặc giấu kín trên tàng cây rậm. Đêm nay, vào giờ này, bản nhạc chót lại cho « Le poète et le paysan » của Subé nó nhẹ-nhàng thanh-tao làm sao ! Nó làm tôi liên-tưởng, không biết trong cái xã-hội « vật-lộn » ngày nay mà bao nhiêu cái giả-tạo, khô-khan và bạo-tàn đã xâm-chiếm lòng người, còn có được mấy nhà văn, nhà thi, nhà nhạc ưa thích gần-gũi chuyện trò, đàm-đạo như bạn tri-kỷ tri-âm với bác dân quê ở nơi đồng-bãi, để thắm-thía cái thanh-cao trong tình ý ngây-thơ mộc-mạc, cái đẹp của mộc-mạc ngây-thơ trong tình ý thanh-cao, được hay những nỗi-niềm khát-vọng của đời bên, thối nổi được lên cái đốm lửa hồng của tình thương. như đã được tả trong bản nhạc này, để rồi đồng hòa đồng hợp diu tay nhau bước lên chỗ đẹp-đẽ thanh-cao thật sự? Thiên-chức của nghệ-thuật !

(Kỳ sau : Âm-nhạc và dân-tộc)

HỒ ĐẮC-THĂNG

XIN LƯU Ý : Ông Hồ Đắc-Thăng bổ-túc cho bài « Tết Nguyên-Đán có phải là Xuân-nhật không ? » đăng trong Đồng-Nai Văn-Tập, quyển 9, trang 104, như dưới đây :

« Tết Nguyên-Đán Đinh-Mùi năm nay : 1-1 (mồng một tháng Giêng Đinh-Mùi) mà ngày Lập Xuân là 25 tháng Chạp (12) năm Bính-Ngọ trước. Mới xem qua, ngỡ là ngày Tết Đinh-Mùi đến sau ngày Lập Xuân. Thật sự không phải vậy, bởi vì năm Bính-Ngọ là năm nhuận có đến 13 tháng thay vì 12. Như vậy năm Bính-Ngọ 13 tháng, tức có một tháng chót, đã leo qua Đinh-Mùi rồi và nếu không kể Bính-Ngọ là nhuận và chỉ kể 12 tháng (theo luân lưu vận-chuyển đại đê của thời-tiết) thì tháng chạp của Bính-Ngọ thật sự là tháng Giêng của Đinh-Mùi vậy. Thế thì Tết Nguyên-Đán Đinh-Mùi, đúng lý phải ở vào ngày mồng một tháng chạp Bính-Ngọ và ngày Lập Xuân là 25 tháng chạp cũng Bính-Ngọ. Như vậy Tết Đinh-Mùi của ta năm nay, ta phải « ăn » hôm mồng một tháng chạp, 25 ngày trước ngày Lập Xuân, y như đại ý bài đã viết ».

DỊCH SÁCH

ỨC-TRAI THI-TẬP

(Thơ chữ Hán của Nguyễn-Trãi — 88 bài)

(Tiếp theo)

● Bản-dịch của AN CU

BÀI THỨ SÁU :

浴	翠	山		
海	口	有	仙	山
年	前	屢	往	還
蓮	花	浮	水	上
仙	境	墜	人	間
塔	影	簪	青	玉
波	光	鏡	翠	鬟
有	懷	張	少	保
碑	刻	蘇	花	斑

PHIÊN ÂM :

Dục Thúy Sơn

Hải khẩu hữu tiên sơn,
Niên tiền lữ vãng hoàn.
Liên hoa phù thủy thượng,
Tiên cảnh trụ nhân gian.
Tháp ảnh trâm thanh ngọc,
Ba quang kính thúy hoàn.
Hữu hoài Trương thiếu-bảo,
Bi khắc tiền hoa ban.

CHÚ THÍCH :

Núi Dục Thúy : thường gọi là chùa Non Nước, ở tỉnh Ninh-bình.

Lũ (屭) : thường, nhiều lần.

Phù (浮) : nổi trên mặt nước.

Trụy (墜) : rơi xuống, rớt xuống. Trụy với phù đối nhau.

Trâm (簪) : cắm, cài. Trâm bút là cắm viết. Trâm hoa là cài cái bông.

Hoàn (鬟) : mái tóc. Bộ tóc.

Thúy (翠) : màu xanh biếc. Thơ của Lưu Trường Khanh có câu : « Quách ngoại viễn sơn thúy » nghĩa là ngoài thành, hòn núi xa có màu xanh biếc rất đẹp.

Ban (班) : loang-lổ lốm-đốm.

Trương thiếu-bảo : tức Trương Hán Siêu dưới đời nhà Trần làm quan đến chức thiếu-bảo.

DỊCH NGHĨA :

Núi Dục Thúy

Cửa biển có núi tiên,

Năm trước thường tới lui.

Bông sen nổi trên mặt nước,

Cảnh tiên giáng dưới trần-gian.

Bóng tháp như viên ngọc xanh cài trên núi,

Ánh sáng của làn sóng chiếu lấp-lánh như mái tóc
xanh biếc.

Lòng nhớ quan thiếu-bảo họ Trương,

Bìa khắc nở loang-lổ rêu hoa tươi.

TỪ ĐĨA « MÓ RẠN »

qua đĩa « nằm ịch ngáy o... o... »

● Bài của VƯƠNG-HỒNG-SÈN

Trong ĐÔNG-NAI Văn-Tập kỳ rồi (số 9), chúng ta đã làm quen với một đĩa cổ đời Tây-Son, vẽ tích :

« Mỏ rạn luận chơi thời-sự,
Ngả lưà mùng thuở thái-bình ».

Đĩa này tôi đã cắt nghĩa rồi : nó là cổ-vật di-tích một năm đi sứ sang Tàu thuộc vào đời Tây-Son, và ký hiệu « TRẦN-NGOẠN ».

Chúng ta hãy khoan vội khoe đã « biết rồi » về thú chơi đồ cổ. Nhưng sau khi đọc bài « Mỏ rạn », chúng ta có thể nói « đã biết chút ít », một chút ít thôi, về loại đĩa cổ « Trần-ngoạn » này. Nhưng đại-phàm không biết thì thôi, chớ hề biết rồi thì nguy to : một là ghiền, là mê (khi ấy sẽ đến gõ cửa nhà họ Vương, xin nhập diện !); hai là vô-tình hoặc chán-chê (khi ấy xin hãy xếp sách chớ đọc tôi nhiều !).

Biết chấp-chủm thì ham lắm. Nếu tôi tuyên-bố thú phong-lưu chơi cổ-ngoạn còn hơn bằng mười thú chơi sách, các bạn cũng tin bằng lời. Mà quả thật : cuốn sách mỗi lần in thì có cả năm ba ngàn quyển, dầu trở nên khan hiếm, cũng chưa bì được đồ sứ, đồ sành cổ, làm bằng tay, mỗi lần chế-tạo đến số năm ba trăm là cùng, nhưng sao sao cũng ít hơn sách in rập, xuất-bản số muôn số ức. Lại nữa coi vậy mà sách dễ dành rất dễ, không như đồ gốm, vừa

giòn vừa hay bẻ, nhổng-nheo còn hơn các cô tiều-thơ dài-các, « chưa phải hàng trăm-anh mà kênh-kiệu không thua ».

Nay chúng ta đã quen quen với đĩa « *Mó rạn* », tôi xin giới-thiệu một đĩa cổ khác, y một nước men và cũng cùng ký một hiệu : « *TRẦN-NGOẠN* ».

Cái đĩa này trẹt-lét, kinh-tâm đo đúng 175 lý Tây ; trên đĩa vẽ hai cội tùng cằn-cỗi, nhánh-xu oằn-cúi xuống đất, danh-từ chuyên-môn gọi là vẽ điệu « *chiếu-thủy* ». Dưới cội-tùng có đặt hai bó củi xóc dựng đứng (theo ý tôi đó là ngụ ý sự cứng-cỏi bất-khuất bất-phục tùng) và kể bên bó củi có một người nằm trên mặt đất, chun tréo chữ « *Ngũ* » (1) dưới chun người nằm có con lạch nhỏ lại có con cầu con bắc ngang, dưới cầu và trọn chiếc đĩa không vẽ chi khác nữa, ngụ ý trời nước bao la (thu thủy cộng trường thiên nhứt sắc!). Câu thơ nguệch-ngoạc rất khó đọc (viết nơi đoạn sau), phiên âm ra quốc-ngữ và giữ đúng y như đã viết bằng chữ nôm trên đĩa, đọc là :

thuần	chả	o	vắt
	khác	o	chun
	đường	gãm	nằm
	ngo	xem	xêch
	thói		ngáy

sắp lại ngay hàng, là :

Vắt chun nằm ếch (xêch) ngáy o... o...

Gãm xem chẳng khác Đường Ngụ thói thuần.

Tiếc vì không có thể trình-bày cái đĩa bằng ảnh chụp ra đây, vì tốn kém, thêm nữa cái đĩa quá cũ kỹ, nét vẽ lu mờ, dấu có chụp cũng chưa chắc ăn ảnh, còn khi in lên giấy lại cũng không có bảo-đảm rõ-rệt chút nào, cho nên tôi tạm tả hình dạng thảo-lão như trên.

(1) Điệu nằm tréo chun chữ « *Ngũ* » là lối đặc-biệt của người Á-Đông để tránh hai lối nằm *hờ-hang* tối-kỵ thuở xưa là : đối với đàn ông thì nằm ngửa, chun bét ra, gọi : *chàng hăng chề hê* ; đối với đàn bà, danh-từ càng xấu-xí hơn nữa : nằm *chề-hê*, cũng gọi là nằm *chành-bành*, nằm ngời *chề-ê*... Hai cách này, cho là tục-tiêu, hờ-hênh, dĩ thỏa, hờ-hang, vô ý ; người có ăn học chẳng bao giờ phạm đến.

Nay bắt qua lược-dẫn dọn đường để tìm hiểu gốc-tích và diễn-tích của chiếc đĩa.

Trong tập « *Thi-văn Việt-Nam* », bản *Sông Nhi* (Hà-Nội) in năm 1951 của nhị vị giáo-sư Hoàng-xuân-Hãn và Nghiêm-Toản, có chép sự tích Ông Hoàng-sĩ-Khải. Cuốn thi-văn này nay không thấy bày bán và đã trở nên một sưu-tập-phẩm hiếm có của nhà chơi sách cầu-kỳ. Hoàng-quân nay ở tận bên Paris mài-miệt nghiên-cứu vui say với sự tra-tầm và lánh xa chánh-trị ; Nghiêm-quân vẫn dạy Đại-học Sài-gòn với bộ dạ-phục lễ-mạo và cây quạt giấy không bao giờ rời tay ; nay tôi xin nhị vị cho phép tôi trích-lục ra đây đoạn sách nói về Hoàng-sĩ-Khải, sự-tích và văn-thơ, để có dịp dựng chứng và trình-bày đầy-đủ cái đĩa « *Nằm ếch...* ».

Tiếp theo đây là mấy trương sách trích-lục :

HOÀNG-SĨ-KHẢI

« *Hoàng-sĩ-Khải, người làng Lai-xá, huyện Lang-tài, thuộc tỉnh Bắc-Ninh ngày nay. Đậu Tiến-sĩ khoa Giáp-Thìn 1544, niên-hiệu Quang-hòa thứ 4, đời Mạc-Hiến-Tông (Phúc-Hải). Ông làm quan triều Mạc, được cử đi sứ nước Minh. Trở về được trọng dụng. Thăng chức đến Hộ-bộ thượng-thư, kiêm chức Quốc-tử giám tế-tửu, tước Vĩnh-Kiều-bá. Năm 1582, ông còn tại-chức. Sau xin cáo-hưu. Được thăng chức Vĩnh-kiều-hầu.*

« *Không biết rõ ông sinh và mất năm nào. Nhưng ta cũng đoán được rằng ông sinh vào khoảng 1510-1520 và mất cuối thế-kỷ 16 hoặc đầu thế-kỷ 17. Ông về tri-sĩ trong khoảng năm 1585-1592.*

« *Ông có tiếng hay chữ, và nhất là hay nôm. Sách Đăng-khoa-lục còn cho ta biết tên một vài bài nôm của ông được truyền tụng : Sứ trình, Tứ-thời-khúc, Tiểu-độc-lạc-phú.*

Lê-Quý-Đôn và Phan-Huy-Chú còn chép trong mục Thư-tịch-chi tên hai tập còn lại đời cuối Lê, đầu Nguyễn,

là Sứ Bắc Quốc-ngữ thi-tập và Sứ-Trình-Khúc. Nhưng nay chưa tìm thấy hai tập ấy. Trái lại, tập Từ-thời-khúc nay còn thấy. Tuy không còn bản nôm cũ lắm và những bản nôm tôi được khảo không toàn bích, nhưng so-sánh kỹ, tôi có thể tái-lập áng-văn này một cách khá hoàn-bì.

Khúc này có lẽ viết vào đầu năm Canh-Tý 1600 (Nếu Sĩ-Khải còn sống vào năm ấy), sau khi Trịnh-Tùng được phong-tước vương, và khi quyền vua Lê, chúa Trịnh đã chắc-chắn ở cõi Bắc. Đó là một thiên-chúc-tụng của một cựu-thần triều Mạc, được triều mới tha-thứ và trọng-đãi; nhưng mà cũng là một áng-văn của một nho thần hay chữ và lão-luyện, khôn-khéo. Phần chính là dẫn những tích cũ để chỉ rõ đặc-tính bốn mùa và mười hai tháng. Xảo-ý là kết-luận bằng ý này: hết mùa đông buồn-bã thì trở lại mùa xuân xinh tươi, muôn vật trở lại được đầm-ấm. Cuối cùng thì tán rằng Vua chúa ban lệnh hợp và ghn như bốn mùa, và chúc Vua chúa được phúc, thịnh, thọ và đời đời nối dõi.

Các bản nôm còn chép chú-thích rất kỹ. Đó là do Chúa Trịnh-Tộ đã sai triều-quan biên vào khoảng 1657—1682.

Từ thời khúc-vịnh (đó là tên nay thấy chép) gồm có 340 vế, theo thể thất-lục-bát. Sau đây trích một vài đoạn, theo sự tham-khảo hai bản nôm (B và D) và hai bản phiên-âm (A và C). Phần thích giải phần lớn theo ý của chú thích đời Trịnh-Tộ (Tr. 138—139).

1.— Tháng giêng (không chép ra đây)

2.— Hết xuân sang hè

So tứ thời đầu bằng Xuân sốt (1) 105

Khi trời hòa (2), vật tốt người thanh (3)

Trường-an (4) phong-cảnh (5) hữu tinh (6)

Có đường giống (7) ngựa, có thành xem hoa.

Một khắc là nghìn vàng khôn chuộc (8)

Hèn chi mà (a) cầm đuốc chơi đêm (9) 110

Tiểu xuân, có phú chác hiềm (10)

Trượng-phu (11) lòng sắt dễ mềm vậy vậy ! (12)

Cớ (b) chi mày, hỡi con, đỗ-vũ ? (13)

Quyển Xuân về lại rủ Hè sang !

Hây hây (14) mơ-mệt hải-đường, (15) 115.

Xanh phò mãn liễu, lục-trương (16) tán hòe (17)

Bến Thủy-đình (18) cầm ve (19) mới gảy,

Rạch (20) Kim-hỏi (21) đã nảy tiền sen (22)

Kìa ai leo-lẻo (23) lòng thiên, (24)

Bụi trần rửa sạch, non tiên (25) sớm vào. 120

Gió hiu hiu (c) (26), gỏi cao (27) song bắc (28)

Tả mối sàu (29) chẳng mắc (30) chút lo.

Tréo chân, nằm ịch (31), ngáy pho (d) (32)

Gẫm hay (e) (33) chẳng khác người vua Hi, Hoàng (34).

a) Theo A. D. : thuở thờ-lơ

b) Theo A. C. D. : việc

c) Theo A. C. D. : hây hây

d) Theo A. D. : vắt chân, nằm kệch, ngáy khô.

e) Theo A. C. D. : nhìn xem

CHÚ THÍCH.— (1) sốt, tiếng trợ từ, đặt ở đằng sau câu nói, tỏ ý không có gì hết cả.

(2) Hòa : êm ái.

(3) Thanh : lịch-sự, nhã-nhặn; trái với thô-tục. Hai câu 105—106 = ý nói mùa xuân đẹp nhất trong 4 mùa. Thi-lâm có câu : « muôn cảnh làm người ưa thì chỉ có rượu. Bốn mùa cảnh đẹp không mùa nào bằng mùa xuân ».

(4) Trường-an : tên kinh-đô nhà Tiền-Hán, dựng đời Huệ-đế, nay ở phía Tây-Bắc huyện Trường-an, tỉnh Thiểm-Tây. Đời sau người ta gọi kinh-đô nhà vua là Trường-an.

(5) Phong-cảnh : cảnh-tượng tự-nhiên và đẹp bày ra ở trước mắt.

(6) Hữu-tinh : ưa nhìn, quyến-dũ được người tới thăm.

(7) Giông : đi bằng ngựa. Hai câu : « Gió xuân thổi, ngựa đặc-ý bước mau. Trong một ngày mà xem hết hoa ở Trường-an. »

(8) *Khôn chuộc* : khó lòng đem tiền lấy lại vật đã cầm, bán. Đây ý nói không lấy vàng mà mua, hay đánh đổi được. Ý nói qui lắm, hiếm lắm.

(9) *Cầm đuốc chơi đêm* : thơ Tô Đông-Pha có câu : « Đêm xuân một khắc nghìn vàng. Hoa có mùi thơm, nguyệt sáng choang ». Lý-thái-Bạch : trong bài tựa thơ vịnh bữa yến ban đêm ở vườn đào, mạn, có câu : « Bóng sáng như kẻ qua ngang vòng trời đất, vạn-vật là kẻ qua đường xưa nay. Người xưa cầm đuốc đi chơi đêm là phải lắm. »

(10) *Chác hiềm* : mua lấy, cầu lấy ý bất-mãn, bất-bình, ý không bằng lòng. *Thanh-Liên toàn tập* : trong bài phú tiếu xuân có câu : « Tiếu xuân gần hết. Mỗi lúc nghĩ tới thì lấy làm giận không ít ».

(11) *Trượng-phu* : người đàn ông giỏi-giang hào-khết.

(12) *Váy vạy* : tiếng trợ-ngữ đặt sau câu có ý hỏi để tỏ ra là quyết-chắc.

(13) *Đỗ-Vũ* : cũng gọi đỗ-quyên : con cuốc. *Cách-vật-luận* có chép : « Vua Vọng-đế nhà Thục chết, hồn thác làm chim đỗ-quyên. Cũng có tên là đỗ-vũ hay tử-quy. (Vua Thục thấy một người trôi theo giòng nước tới. Vua hỏi thì nói tên là Biệt-Linh. Vua dùng y làm tướng. Sau vua thấy mình đức kém Biệt-Linh, nên nhường ngôi cho y mà đi lang-thang đến chết). Đến khoảng tháng 3, tháng 4 thì kêu, tiếng kêu thảm-thiết ». Theo *Từ-nguyên* thì đời chiến-quốc, vua Thục Đỗ-Vũ xưng đế, hiệu là Vọng-đế ; khi ấy có thủy-tai ; Thục tướng tên gọi Khai-Minh cứu được nạn lụt, để bèn nhường ngôi, lên ẩn ở Tây-son, sau chết, hồn hóa chim Đỗ-Vũ (*Thành-Đô-Ký*).

(14) *Hây hây* : trở sắc hơi đỏ, tươi.

(15) *Hải đường* : một thứ cây to, lá hình trứng dài, mùa xuân nở hoa, hoa đỏ không có hương. *Thiên-trung-ký* chép : « Vua Đường Minh-Hoàng lên đỉnh Trầm-hương thăm Dương-qui-Phi. Phi ngủ chưa dậy. Vua nói : Hải-đường ngủ chưa đủ chăng ? »

(16) *Trương* : dương ra, mở rộng ra.

(17) *Tán-hòe* : cành lá hòe xum-xuê trông như hình cái tán. Câu 116 đặt lối tiêu-đối ; phó đối với trương. *Thi-học đại-thành* có những câu : « mướt mướt hoa vàng (hòe) rậm, êm êm trướng biếc (liêu) trương » và « Hải-đường hoa ngủ dưới trăng, cảnh dương liêu bóng lưng-chùng khói pha ».

(18) *Thủy-đình* : lầu dựng trên mặt nước.

(19) *Cầm ve* : tiếng ve sầu nghe như tiếng đàn. *Thi-học đại-thành Thơ* về Thủy-đình có câu : « Ve ngâm cây gió nghe càng kíp, én xốt bèo ao bóng thấp tra. »

(20) *Rạch* : ngòi nước lớn.

(22) *Nảy tiền sen* : *Tán-kỳ loại* chép rằng : « đầu mùa hè, khí thanh hòa, mưa sạch trời. Sen non mới nảy trên nước như đồng tiền con ». « Rải trên mặt khe, lá sen liền nhau như đồng tiền xanh ». *Cổ văn ký* : « Tiền sen bóng mới đầy ao ».

(23) *Leo-lẻo* : trong suốt.

(24) *Lòng thiền* : chữ thiền là tiếng nhà Phật, dịch theo âm chữ *dyana*, nghĩa là yên lặng và nghĩ-ngợi. Lòng thiền là lòng người tin theo đạo Phật.

(25) *Non Tiên* : đối câu với hai chữ bụi trần. 119-120 *Thiên-trung-ký* chép : « Ngày mồng 8 tháng 4 là tiết tắm Phật. Phật-sinh từ nách mẹ mà ra. Liền tới núi Tuyết-Son (Himalaya) học đạo, không trở về ; vì đó mà thành Phật.

(26) *Hiu-hiu* : nói gió thổi nhẹ.

(27) *Gối cao* : gối đầu nằm ở nơi cao.

(28) *Song Bắc* : cửa sổ hướng bắc.

(29) *Tả mối sâu* : tả là nước đổ xuống chạy đi. Đây ý nói bỏ hết mối buồn.

(30) *Mắc* : vương phải.

(31) *Tréo chân năm ếch* : vấp chân nọ lên chân kia năm ếch, có vẻ buông-tuông tự-nhiên, không cần gin-giữ.

(32) *Pho* : tiếng do sự thở phát ra to và đều trong khi ngủ say.

(33) *Gã hay* : nghĩ-ngợi kỹ-càng, mới biết mới rõ.

(34) *Hi, Hoàng* : *Hi* là *Phục-Hi*, tên ông vua nước Tàu đời Thượng-cổ, dạy dân đánh cá, nuôi súc, vạch ra bát-quái và sáng-lập ra văn-khế. *Hoàng* là *Hoàng-Đế*, tên một ông vua thánh đời thượng-cổ nước Tàu, bày ra nghề thuốc trước tiên. Sử Tàu gọi bà vua *Phục-Hi*, *Thần-Nông*, *Hoàng-Đế* là Tam-hoàng và coi thời-đại ba vua ấy là hoàng-kim thời-đại thiên-hạ cực thái-bình, nhân-dân cực sung-sướng. Bốn câu 121-124 : *Thiên-trung-ký* chép rằng : « Ông Đào-Tiền (người đời Tấn) thường nói : mùa hè nhân-hạ, năm chỗ cao, dưới cửa sổ hướng Bắc. Mỗi lúc gió thổi tới, tự coi mình như ở đời vua *Phục-Hi* ».

ĐẠI-Ý : I.— So bốn mùa, không mùa nào bằng mùa xuân ; phong-cảnh kinh-đô thực hữu-tình ; một khắc xuân đáng giá nghìn vàng ; không trách người xưa tiếc xuân, đốt đuốc chơi đêm và làm bài phú tiếc giân xuân đi ; gan dạ như bạc trượng-phu cũng phải mềm lòng vì thấy xuân qua mà bồi-hồi cảm-động.

II.— Chim đỗ-vũ quuyến Xuân về và rủ Hè tới ; hoa hải-đường tươi đỏ, liễu phơ màu, hờn dương-tán ; lá sen xanh nẩy trên rạch nước, tiếng ve kêu vang-dội ở bến Thủy-dình.

III.— Mùa hè nhắc ta nhớ truyện Thích-già đi học đạo lên núi Tuyết-Sơn và hứng-thú nằm ở song Bắc hóng gió mát thổi hiu-hiu như Đào-Tiền, tưởng chừng ta đang sống trong thời-đại hoàng-kim của hai vua *Phục-Hi*, *Hoàng-Đế*.

(Từ hết Xuân sang Hè — Trích y nguyên-văn những trương 146-147-148 trong tập Thi-văn Việt-Nam của Hoàng-xuân-Hãn và Nghiêm-Toản, bản Sông-Nhị — Hà-Nội 1951).

Sở-dĩ tôi chép đây-dủ dài dòng bài về Hoàng-sĩ-Khải và bài Tứ-thời khúc-vịnh thuộc khoảng « Hết xuân sang hè ».

không phải để kéo dài câu chuyện, nhưng kỳ-trung tôi giữ nguyên-tắc phàm trích dẫn sách báo, thì phải sao y nguyên-văn không được cắt đoạn, không được thâu gọn, cốt ý để cho người khác cao minh hơn giúp mình coi theo đó mà soi sáng vấn-đề. Có khi mình mãi đam-mê trong đề-tài, quá ưa-thích, nên mù quáng thì người ngoại cuộc sáng-suốt hơn sẽ chỉ bảo sửa sai giùm.

☛ *Nay bắt qua luận về cái đĩa cổ tôi đã mua được và câu thi nôm thật sự vẽ trên đĩa.*

Ngày 21 tháng 4 dl. 1965 (20 tháng ba năm Ất-Ty); tôi có dịp ra Huế và mon men lại nhà trước kia tôi mua được vài món cổ-ngoạn có giá-trị. Tôi gặp một đĩa lạ : Giá 3.000 bạc không bớt một xu ! Tôi cần rằng mua chớ kỳ được, đem về nhà ề-ạch tra-cứu trong *Đại-Nam Quốc-Âm Tự-Vị* của ông *Huỳnh-Tĩnh-Cử* thì câu thi nôm trên đĩa, chép ra đây, phải đọc như vậy : (giữ y cách viết và trình-bày trên đĩa)

Thuần	chả	ô	vát
	khác	ô	chân
	Đường	gắm	nằm
	Ngô	xem	xía
	thói		ngáy

Thôi ! dich-thị là vậy rồi ! Tôi đoán không sai mà ! Đây là một bằng chứng cụ-thể, một tài-liệu xác-thực để chứng-minh rằng : một khi chữ nôm được người ngoại-quốc sao chép lại, — (đây là chính tay nghệ-sĩ Trung-hoa, thợ vẽ trên đồ sứ), — thì không làm sao giữ giống y nguyên-văn nôm-tự được. Ở đây, tôi vốn đốt chữ, không đủ tài viết và cắt nghĩa rõ ràng đúng điệu, — lại nữa nhà báo ĐÔNG-NAI cũng không sẵn nôm-tự để in ra đây những chữ cần-thiết chúng ta muốn thấy mặt và muốn đếm nét chơi cho biết... Giản-dị hơn hết là hãy miễn cho tôi ghi bằng nôm-tự và cho phép tôi viết theo lối quốc-ngữ. Tỷ-du :

Như « *vắt chun* », họa-sĩ chép là vật-chân, nhưng vẫn đọc *vắt* và như « *nằm ếch* », chớ chi viết « *xêch hay xích* » thì cũng còn miên chế được, đàng này viết « *nằm xia* » (như vậy mới thấy khi ta có chữ quốc-ngữ như ngày nay, quả là ta hưởng một gia-tài độc nhất vô nhị, vừa dễ học, vừa ít rắc-rối như nôm-tự ngày xưa). Nhưng ta cũng chẳng nên khó tánh lắm, và đối với cái đĩa cổ này, khi họa-sĩ Tàu sao chép nôm-tự được như vậy, cũng đã là cao-tài, là khá lắm rồi đấy ! Có thể nói khi chế-tạo đĩa-sứ, một lễ vị sứ-thần Việt trong khi đặt hàng gấp rút, trông viết cho mau rồi nên đã lao-thảo lằng-nhặng nên chữ viết vôi-vàng khó đọc, một lễ khác vì sĩ-diện hay vì duyên-cớ nào khác, họa-sĩ Tàu cũng không chịu khó hỏi đi hỏi lại nên nguệch-ngoaç miễn cho có chữ, rồi viết sai nguyên-văn và đây là vi vô-tình hơn là cố ý.

Sở dĩ lúc ấy tôi cần rặng đếm đủ ba ghim (ba nghìn bạc) để đổi lấy cái đĩa cổ quái này, nay găm lại, theo tôi, vẫn không mất và tôi không tiếc số bạc kia chút nào. Tôi không do-dự vì do-dự, người bán bắt mạch được sẽ bán giá còn cao hơn nữa, hoặc sẽ làm eo không bán cho tôi lại còn khổ tâm biết mấy. Xét ra và cũng nói tỷ-dụ mà nghe, nếu tôi xuất tiền sắm kim-cương hay xe ô-tô quý giá, thì dẫu tôi sắm vật quý đến bậc nào cũng có người có của quý tốt hơn tôi, xoàn lớn chột hơn, xe đẹp và chạy mau hơn, nhưng đối với sưu-tập phẩm và cổ-ngoạç lạ mắt thì tôi dám chắc trên cõi Việt này, hai cái đĩa « *mỏ rạn* » và « *nằm ếch* » đây, ngoài nhà họ Vương, chưa chắc đâu đã có !! Lại nữa ăn trầu găm mà nghe, đã có người chịu tốn bạc triệu, tiền xin viện-trợ, tiền phụ-ấm nội ngoại hay tiền bèn vạ dài-thọ, đều là lòn cúi mới đi du-học nước ngoài được mà chưa chắc gì qua tận Paris, Londres, Bruxelles, hay Washington (viện bảo-tàng Smithsonian) v.v... mà thấu thập được những tài-liệu độc nhất kiểu « *rạn* » và « *ếch* » này ! Nay tôi vẫn nằm nhà không nói ra khỏi xứ, mà lại may-mắn chỉ tốn không bao nhiêu mà bắt được nhiều tài-liệu và sưu-tập-phẩm qui-hóa đến bậc này (theo tôi nghĩ) thì quả

là tam sanh hữu-hạnh và quả có tiền-kiếp hiển-nhiên. Kể ra tôi đọc sử cũng khá nhiều và tôi có ý-tưởng quê mùa là đi học sử Việt nơi nước ngoài không khác chúng ta đi tìm phương-pháp mới lạ để tìm hiểu lịch-sử của riêng ta và bèn về nước phải chịu khó dung-hòa và moi-móc các sử-liệu còn chôn giấu tàng-trữ nơi xóm hóc làng quê chớ ta không nên ỷ thị theo tài-liệu ngoại-bang mà phê-bình vôi-vàng sử-liệu nước ta như nhiều người đã làm.

Nước ta còn nhiều di-vật sót lại, bộ chén trà Trịnh-phủ, tô đời Tây-son, tô chữ « Nhứt » Nguyễn-triều, nhứt là ngoài Huế còn rất nhiều cổ-vật thuộc lịch-sử cận-dại nước ta, nếu ta không sớm thấu-thập lên, e các vật ấy sẽ lụn-vong sang nước ngoài chừng ấy chúng ta tiếc hối không kịp.

a) Một điều an-ủi nhất và làm cho tôi vui mừng nhất là cái đĩa « *nằm ếch* » này vốn đồng ký một hiệu « *Trần-Ngoạç* », và vẫn đồng một nước men, một da rạn, một điệu vẽ, y hệt như đĩa « *Mỏ-rạn* » tôi đã mua rồi và cũng cùng một thời-dại như nhau. Điều này, tôi nói rõ lại, và nhấn mạnh hai món cổ-vật này vẫn đồng thời, đồng hiệu, đồng chế-tạo bởi một lò sứ và có lẽ do tay một họa-sĩ tài-ba Trung-quốc sống dưới đời 2 vua anh-hùng : vua Kiền-Long (1736-1796) bên Trung-quốc và vua Quang-Trung (1786-1792) bên Việt-Nam ta.

b) Sự hăng-say trong cơn vui mừng bắt gặp của quý lại cho phép tôi quả-quyết thêm rằng hai đĩa có lẽ chế-tạo đúng vào năm đức Quang-Trung sai Phạm-công-Trị trả làm quốc-vương Việt-Nam cùng các ông Ngô-văn-Sở, Đặng-văn-Chân, Phan-Huy-Ích, Võ-Huy-Tấn cùng sang Yên-Kinh châu vua Kiền-Long (Việt-Nam sử-lược Trần-Trọng-Kim, bản Tân-Việt 1949, trang 376).

c) Khẩu-khi và giọng văn đúng là giọng văn nôm triều-dại Tây-Son buổi cực-thịnh, hơi vẫn biết đâu chừng lại không phải của nhà tu-tiên La-Son phu-tử, hoặc của một

vi sứ-thần trong phái-bộ họ-giá Phạm-công-Trị, trong số, văn-chương lưu-loát nhưt là Phan-Huy-Ích? Dấu sao vì nhớ thuộc lòng, nhớ sao lạc-thảo lại vậy trong khi cao-hứng tốt độ tại lò sứ «Trần-Ngoan» và cũng không cần câu-nệ gò bó trong văn cũ, nên câu thi Hoàng-sĩ-Khải trước tác năm xưa đã sai lệch đi đôi chút. Nhảm vô hại.

d) Tôi không nói đĩa này có từ đời Hoàng-sĩ-Khải đi sứ sang triều Đại-Minh bên Trung-Quốc, vì năm ông Hoàng-sĩ-Khải đi sứ ấy thuộc khoảng giữa năm ông thi đỗ tiến-sĩ khoa Giáp-Thìn (1544) và năm ông về trí-sĩ (lối 1585-1592). Vào những năm ấy, nhà Đại-Minh chưa chế-tạo được men mịn-màng như đĩa «mó rạn» và đĩa «nằm ếch» này. Lại nữa cổ-vật Đại-Minh và Mạc-thi, không dễ gì ngày nay còn thấy trên đất Việt.

e) Có ý xem lại đĩa của hai bộ chén trà «rạn» «ếch» đặc-biệt Việt-Nam và vẽ chữ toàn «nôm» như vậy, tuy chế-tạo vào năm đi sứ, nhưng vẫn không ký niên-hiệu năm ấy (tỷ như bộ chén trà Giáp-Tý niên-chế 1804, bộ Đinh-Tý niên-chế (1857) sau này), vì xét ra đời Tây-Son chưa có ý nghĩ ghi dấu năm đi sứ cấp-tốc kỳ này, và hai bộ chén ký hiệu nhà làm đồ sứ «Trần-Ngoan» đã là một tài-liệu quý-hóa cho nhà sưu-tập lắm rồi, vì từ đây ta có thể nói cổ-vật ký «Trần-Ngoan» tương-đương là đồng thời các vua chúa: Kiên-Long, Thanh-Vương Trịnh-Sâm, Quang-Trung, v.v...



Bài viết đến đây cũng khá dài. Tôi xin các bạn hãy đọc qua các bài khác để đỡ không-khí. Bài vở tôi viết, toàn nói chuyện đĩa mẻ sứ, và tô bề nứt đường không nên đọc nhiều, e xốn mắt hoặc đứt tay mà chớ! Muốn vọc vạch nghề khảo-cổ, buổi đầu thiết-tưởng không nên ngốn nuốt hoặc chạy mau. Ngốn thì mắc nghẹn, chạy mau thì vấp té, bỏ cuộc. Những gì tôi soạn, khi muốn đọc, cần nghiêm-ngâm suy-tư. Không như bài-toán Đại-học, nhưng khi hiểu thấu, thì khoái trá không kém.

Không phải nói để «*Khoai và mình củ*», nhưng sấm được hai đĩa này, tuy xếp túi thật, nhưng trông còn sường hơn người khác tốn nhiều tiền hơn, hoặc để chui vào hộp đem xem diễn nhảy-nhót khoe đôi ếch, hoặc sấm máy ảnh cao giá để chụp phim con heo.

Một mặt khác của thú chơi cổ-ngoan là nhơn tìm hiểu lai-lịch hai đĩa cổ này, chúng ta đã có dịp nghiên-cứu và đọc lại những đoạn văn nôm và cổ-văn mà không vì hai đĩa không tài nào đọc suốt; thêm hiểu được mở đặt-sử hiểm lạ đời Tây-Son không cũng đủ thú.

Một kỳ nữa tôi sẽ nói về hai món cổ-vật khác cũng ký hiệu «Trần-Ngoan».

Viết tại Đát-cổ-trai Mái-tây
Vân-Đường-Phủ, số 5 đường Nguyễn-thiện-Thuật
Gia-Định, ngày 10, XII-1966.
VUONG-HÔNG-SÈN

CÁC BẠN SINH-VIÊN HÃY TÌM MUA TẠI:

Việt-Nam ĐẠI-HỌC TÙNG-THƠ

— Gần đây hoạt-động rất mạnh, in ra mấy chục quyển sách mới dịch về Toán Điện, Quang-học, Vật-lý-học của Ricoux, Dévoré, Arnoult và Delaval.

— Địa chỉ: Ô. PHẠM LONG-ĐIỀN
51/7, đường Nguyễn Trãi (CHOLON)

Cuồng-đàm

BỌN XÔI-THỊT

● của NHỊ CUỒNG

Đáng lẽ diên này viết « đảng xôi thịt », nhưng nếu viết « đảng » thì làm vinh cho hạng xôi-thịt quá, vì chữ « đảng » dùng cho nhóm người thường là chí-sĩ (như Việt-nam Quốc-Dân-đảng thời Nguyễn Thái-Học cùng các đồng-chí, thực-sự sống và chết cho chánh-nghĩa quốc-gia), mà bọn xôi-thịt là thứ chỉ biết ham ăn, cái gì cũng ăn, ăn xạt-xây, ăn hàm-bà-làn, không xứng-đáng với chữ « đảng ».

Chữ bọn cũng còn là thanh, phải đề chữ « quân » mới đúng danh-từ, vì chữ « quân » dùng cho quân côn-đồ, quân trộm cướp. Hạng xôi-thịt ăn ráo của dân không khác nào quân côn-đồ giết của hại người.

Dân Việt-nam ngày nay tàn mạt cũng vì bọn xôi-thịt.

Xôi-thịt là gì ? Tại sao có quân xôi-thịt ?

Mua năm lít nếp về vút sạch để vô xửng, đun nước thành xôi, rồi sang ra mâm vun lên cho tròn mặt, kêu là mâm xôi. Có thể bỏ lá cẩm làm xôi lá cẩm màu tím, có thể trộn đậu xanh gọi là xôi đậu, cũng có thể thêm nước dừa cho béo, hay là bỏ lá dứa cho xanh.

Diên này không dám nói thêm, sợ quân xôi-thịt bắt hơi thì chết cha đám dân nghèo.

Còn thịt là thịt heo, không phải thịt bò. Và thịt heo đây là nguyên con heo, quay vàng tươi tươm mỡ (nói cho quân xôi-thịt nghe chảy nước miếng chơi).

Tại sao kêu quân xôi-thịt ? Đờn thực-dân, làng có ban hội-tề và trong ban có thứ hương-chủ, hương-sư, hương-trưởng, hương-chánh, hương-giáo là chánh quân xôi-thịt. Mỗi năm hễ đến kỳ cúng thần dân đem cúng xôi-thịt thì bọn này nhào vô chia, ngoài ra quanh năm suốt tháng không làm công-việc chi cả.

Nhà thơ Học Lạc thường ngâm :

« Vành mâm xôi đề thẳng Lạc,
Nghĩ mình ti-tiện không đái-các.
Văn-chương chẳng phải bọn mèo quào,
Danh-phận không ra cái cóc rác.
Bởi thế bơ-thờ thẹn núi sông,
Đám đầu vúc-vắc ngạo cô bác.
Việc này dầu có thấu lòng chẳng ?
Trong có ông thần ngoài cặp hạc. »

Học Lạc chửi quân xôi-thịt là thứ ti-tiện, thứ dốt đặc mà cái gì cũng muốn ở trên đầu người ta.

Đáng lẽ thứ đồ xưa đó ngày một ít mới phải, trái lại càng buổi càng nhiều. Đây rồi chúng nó sẽ « chen vô » giành ghế nghị-sĩ trong lưỡng viện Quốc-Hội tương-lai để theo thuyết : Vì xôi-thịt, lo xôi-thịt.

Hoan-hô ! Vạn-tuế ! Rán lên các bờ, rồi hễ dân nó nghèo, hết xôi hết thịt, thì nó trám ph.... ngứa vô, chừng đó : bụng làm dạ chịu, chớ có than-van.

NHỊ CUỒNG

Xin nồng-nhiệt giới-thiệu cùng độc-giả :

TỜ ĐUỐC TỪ-BI hiện phát-hành đến 20.000 (hai chục ngàn) số mỗi tháng và đang tăng lên hơn. Ra cả ngoại quốc.

TAO-ĐÀN

Lòng trong lòng khói lửa

Đến nghĩa trang T.T.H.

của TRẦN VĂN LINH

Hơn một lần, tôi đến tận nghĩa trang
Đề nhìn xác, và chôn người thân thích,
Đề viếng mộ, vào những chiều cô-tịch.
Tôi đã quen cảnh tượng dãy nhà quàn
Mái u buồn hoen rỉ với thời-gian.
Tôi quen cả những nẻo đường đất đỏ,
Chia rừng bia thành những khu vườn nhỏ,
Đất cỗi cằn, không ngọn cỏ cành hoa
Phải làm gì để tưởng nhớ người qua ?

Trồng bên mộ hàng hàng cây liễu rũ.
Đứng canh họ trong muôn ngàn giấc ngủ,
Liều thay người cúi mặt dưới đau thương,
Khi chiều về mộ địa nặng hơi sương.
Trồng cho họ những rặng cây khuyển điệp
Lá nghiêng ngả gợi mối sầu vạn kiếp,
Tàn thon cao như ngọn nến giữa trời,
Đưa niềm thương lên tận chốn chơi-vơi !
Trồng cho họ rừng thùy dương xơ-xác,
Cây hiện thân cho nỗi buồn man-mác.
Khi gió về cây trời nhạc vi-vu,
Ru hồn ai trong giấc mộng nghìn thu,
Vạ gieo rắc một nỗi niềm ân-hận,
Vào lòng người say sưa trong cuộc sống !

Đắp cho họ những con đường bằng phẳng,
Lề cỏ tươi, mặt lót toàn sạn trắng,
Thay con đường đầy đất đỏ đơn côi
Gót người qua tung bao lớp bụi đời.
Vì khi còn trên quê-hương ngang dọc,
Họ trải qua quá nhiều đường gai góc !
Xin trồng bên ngôi mộ cánh hoa thơm
Vì suốt đời tay họ chẳng rời gươm,
Nên nào biết thú xem hoa vọng nguyệt
Họ sẽ thưởng những cành hoa thương tiếc !
Thay cho họ nhà quàn tôn rỉ ố,
Bằng một căn, tường vôi trên ngói đỏ.
Vì nơi này họ vĩnh-biệt cõi trần
Giữa núi buồn biển khổ của người thân.
Dù lòng đất họ không cần an-ủi
Nhưng e-ngại người thân yêu buồn tủi,
Khi nhớ lời tổ-quốc hứa tri ân....

TRẦN VĂN LINH



LOẠN QUÊ-HƯƠNG

của SĨ-CHÍ

Sinh trong thời loạn,
Trưởng thành trong khói lửa điêu-linh
Ngót hai mươi năm,
Đất nước chẳng thanh-bình,
Dòng sông Bến-hải chia tình Bắc Nam.

Hỡi ai ngược dòng sông Nhị,
Ai xuôi bến nước Cửu-long-giang,
Nghe chẳng hồn nước thở-than,
Đôi bờ ngăn cách ngàn trùng nhớ thương.
Ngoài kia mạch sầu lắng nước hồ Gươm.
Ở đây bình địa còn tươm máu đào.
Dòng-bào tim óc cắt ra,
Quê-hương giảm sút, cửa nhà phá hoang.

Nhớ chẳng ai xóm làng miền Bắc,
 Lũy tre xanh đây-đặc ;
 Nhớ chẳng ai ruộng lúa trời Nam,
 Giọng hò tiếng hát ngân vang ;
 Miền Trung trắng nước mơ-màng,
 Bao la đồi núi, thênh-thang tình người.
 Mà giờ đây,
 Bật hẳn tiếng cười,
 Máu lệ thấm tràn lên khóe mắt,
 Xót quê-hương buốt giá tâm-hồn.
 Những đêm đạn nổ,
 Những ngày bom rơi.
 Biết bao bà mẹ,
 Tóc bạc phơ phơ, đôi mắt đã mờ,
 Ruột gan thắt-thèo đợi chờ tin con.
 Biết bao người vợ,
 Xa chồng hơn mười năm quốc biển,
 Mơ bóng chàng chinh-chiến nẻo xa.
 Biết bao người miền Nam,
 Trên đường ra xứ Bắc,
 Xa lác, xa lơ,
 Tháng đợi năm chờ,
 Mong ngày độc-lập nổi bờ chia-ly.
 Biết bao người miền Bắc ra đi,
 Xuôi tàu về bến miền Nam,
 Trắng đêm thức giấc mơ-màng,
 Vọng về quê cũ muôn vắn nhớ-nhung.

Bốn phương khói lửa mịt-mùng,
 Thương cho xương máu người cùng nước non.

SĨ-CHÍ
 (1962)

Trách-nhiệm và thái-độ của người cầm bút

★ Bài của VIỆT-THƯỜNG ★

Trong bài « « NHÀ VĂN VÀ NHÀ TRÍ-THỨC » của ông NGUYỄN TRỌNG VĂN (đăng ở Bách Khoa số 239, ngày 15-12-66), có những nhận xét rất đáng cho mọi người ngẫm nghĩ.

Theo ông thì « Nhà văn làm văn, nhà trí-thức dùng văn », một bên là chú tâm viết *như thế nào*, một bên chủ yếu là *viết cái gì*. Tuy chất liệu chung là ngôn từ, song mỗi bên sử-dụng ngôn từ theo một chủ-đích khác nhau: trí-thức dùng văn-chương để biện minh, để tố cáo hay tỏ bày một thái-độ. Với nhà văn, văn-chương là mục-đích, với nhà trí-thức, văn-chương chỉ là phương-tiện. Trí-thức không bán từ-tưởng như nhà văn, ông lên tiếng một cách khẩn thiết, kịp thời (tuy đôi khi đề-nghị hay ý-kiến của ông không được xã-hội chấp-nhận) trong mọi hoàn-cảnh và không chậm trễ.

Tuy nhiên, vẫn theo lời ông, sự khác biệt của đôi bên về mục-đích và phương-thức viết cũng như chân đứng của họ trong xã-hội thật ra không mấy rõ ràng: *khi viết một cuốn truyện, ông là nhà văn, khi lên tiếng về những cực hình ở Algérie, ông là nhà trí-thức (E. Morin)*.

Lại vẫn theo ông: nhà văn Việt-nam không thể như nhà văn, trí-thức Âu, Mỹ được, trước những vấn-đề nóng bỏng của quần-chúng, sinh-viên, sự im-lặng của họ là một

sự *lẩn tránh*, bởi lẽ quần-chúng còn biết trông cậy vào ai thay thế họ để dùng chữ, đề lý luận, đề ăn nói nữa ?

Như thế, mặc nhiên ông đã có ý « *buộc* » họ trở thành nhà tri-thức rồi !



Đây không phải là lần đầu có người bàn đến « nhà văn và nhà tri-thức » song đây là lần đầu có người bàn đến, hay nói rõ, đặt vấn-đề một cách tuy không khách quan (!) song rất đúng lúc, ít nhất là trong tình-trạng xã-hội Việt-nam ta hiện nay.

Một số người cho là ông rất đúng trong khi một số nhà văn (!) lại bảo ông khắc-nghiệt, suy-luận một chiều v.v....

Theo những người này thì tác-giả « NHÀ VĂN VÀ NHÀ TRI-THỨC » kết tội oan các nhà văn... như họ. Hãy chỉ-trích tri-thức, giáo-sư đại-học, còn họ thì không. *NHÀ VĂN, theo họ, vốn Tự Do*. Họ chẳng từng sử-dụng ngòi bút như một « Thượng Đế con con » đó hay sao ? Họ nắm quyền sinh sát trong tay khác chi một Hoàng-đế thời phong kiến ? Các nhân-vật do họ phóng bút, khai sinh ra, mặc tình họ bắt thế nào thì hay thế, nào ai dám chống-đối chi đâu ? Bất chia-ly, cho sum-hạp, được sung-sướng, tự-do, bị tội-tù, cực-khổ, tinh-tinh tàn-ác hay mầu-mực, lương-thiện hay gian-manh, khôn-ngoan hay ngu-độn, ích-kỷ hay vị tha thấy đều được tất ! *Đến như có ai dám táo gan dám phê-bình họ, mà không chịu khen họ là họ đã nổi giận lên rồi*, huống chi ông lại tỏ ý muốn họ đặt vấn-đề viết cho ai, viết cái gì cùng là tiến đến thái-độ nhà tri-thức !

Như thế thì cực-nhoc chết ! họ đâu kham nổi ?

Bắt họ thăm dò, tra hỏi, tìm kiếm phục-vụ là một điều phi-lý mà có thái-độ như nhà tri-thức lại còn phi-lý hơn, dù trong thời-đại nào, hoàn-cảnh nào cũng vậy.

Song một điều khá quan-trọng mà rất giản-dị, rõ-ràng là : dù là NHÀ VĂN họ vẫn là một con người và trước hết là một CÔNG DÂN trong xã-hội. Sống trong xã-hội, họ tôn-trọng luật-pháp, ước-lệ, trật-tự trong xã-hội và dù muốn dù không họ *vẫn phải góp phần xây-dựng xã-hội đó, đóng góp cùng xã-hội một chút gì của họ, không thể viện cớ gì từ chối được* (bằng cớ là không một nhà văn nào trốn lính mà khỏi bị vào tù, hoặc không cần bọc thẻ tùy thân trong túi và không trình nhà chức-trách khi cần đến).

Vậy phủ nhận bài báo kia, họ chỉ làm cái việc của *một người nguy hiểm, sử-dụng ngòi bút để chạy tội, hoặc để lừa những kẻ dễ-dãi, kèm suy-luận mà thôi*. Và xét trên bình-diện đó thì nhà văn, dù sinh-nhai chuyên-nghiệp bằng ngòi bút hoặc viết văn chỉ là một nghề phụ đi nữa, họ *đều phải thận-trọng và có trách-nhiệm với xã-hội ngang nhau*. Họ không thể viện cớ rằng « vì cần sống » hay vì « nhu cầu độc giả » (thật ra vì lòng tham của nhà xuất bản hay chủ báo đúng hơn) mà gieo vào đầu óc độc-giả những tư-tưởng phòng-đăng, vô-trách-nhiệm, hoặc trắng-trợn ca-tụng cái xấu, sự hư cùng khêu gợi bản-năng, dục-vọng thấp hèn của con người. Vì hơn ai hết, họ phải biết rằng *ảnh-hưởng tai-hại đến bực nào, nhất là với những độc-giả thuộc thành phần thanh thiếu niên chưa đủ tự-chủ và khôn-ngoan để xét đoán*.

Và khi cần lên tiếng nói của lương-tri, nhà văn phải làm ngay không do-dự, vì sử-dụng được ngòi bút, sáng-tác được tác-phẩm để cống-hiến cho độc-giả thưởng-thức, nhà văn mặc nhiên nhận rằng : mình đủ sức mà thay mặt quần chúng nói lên cảm nghĩ kịp thời không khác chi nhà tri-thức. Có như thế họ mới xứng-đáng cùng Sứ-Mệnh cao cả của NGƯỜI CẦM BÚT vậy.

Chúng tôi muốn nhấn mạnh đến TRÁCH-NHIỆM CỦA NHÀ VĂN ĐỐI VỚI XÃ-HỘI cùng ẢNH-HƯỞNG CỦA TÁC-PHẨM MÌNH TRONG XÃ-HỘI.

Một vi du không xa lắm : trước đề-nghị tập-trung giải mãi-dâm và thành-lập Khu Giải-Tri của một nữ luật-sư, người ta có thể đếm trên đầu ngón những người lên tiếng, trong số đó đặc biệt có một người chỉ giải-thích suông hai chữ Giải-Tri, giải-thích rất dài giông, đầy-đủ, rõ-ràng mà tuyệt nhiên không hề có ý kiến mình về đề-nghị kia. Có người cho đó là một hình-thức phản-đối ngầm của nhà trí-thức (!) hoặc vì lẽ quá thân nhau nên không nỡ nặng lời.

Chúng tôi không đồng ý, cho dù là bạn thân, cho dù là thân nhân mình đi nữa mà sai lầm mình cũng phải vì công tâm mà phản-đối như thường. Sự e dè nề-nang ở đây chứng tỏ một thái-độ nước đôi, rất kiêng kỵ của con người cầm bút....

Đôi khi nhà trí-thức hay nhà văn — từ đây chúng tôi xin được gọi chung hai hạng trên là « những người cầm bút » vì trong thực-tế cương vị họ không mấy rõ-ràng — trở thành nhà Phê-Bình, ngòi bút lại càng tăng thêm trách-nhiệm và cần hơn bao giờ hết một sự can-đảm, công-bình không chút thiên lệch vì thành-kiến hay thiên-vị.

Ta không dễ quên cách đây vài năm, số người cầm bút đã bươi móc đời tư của họ Ngô không chỉ một hai tuần mà cả tháng kia tháng nọ không ngừng, không nghỉ trên mặt báo. Than ôi ! Chính những người đó, trên cơ-quan ngôn-luận đó, họ đã ca-tụng nhà Ngô không tiếc lời, đăng những bài tán-tụng không phải do « thượng lệnh » buộc đăng ! Và họ còn tự xưng mình là trí-thức !

Người cầm bút phải hiểu rằng mạt sát một người đã chết, một giòng họ đã tàn-tạ, lưu-vong, cái đó thật quá dễ-dàng ! Thế mà một người như ông Phan Du lại cũng phạm vào điều lầm lỗi đó khi ông chê trách Vua Tự Đức một cách hết sức khắt khe ! (1) Làm sao ông có thể phê phán như thế được ? Ông đứng trên cương-vị một người công-chức năm 1966 để phê-bình một Vị Đế Vương thế-kỷ trước. hay

(1) Phan Du « Tiếng nói của Khiêm Lăng » Bách Khoa 236 ngày 15-10-66.

một văn-sĩ của nước V.N. cộng-hòa trải mấy triều cách-mạng xuống lên mà hài tội một thi-sĩ sống cách đây ngót trăm năm ? Nếu người cầm bút cần thận-trọng khi sáng-tác thì *khi phê-bình, sự thận-trọng lại cần hơn*. Bởi lấy mắt người nay mà xét chuyện ngày xưa là một điều không ai dám quả quyết rằng mình đủ điều-kiện để mà nói đúng.

Hướng chi ông Phan Du vốn chứng kiến quá nhiều man trá thời nay làm sao không thiên-lệch khi cho rằng nhà Vua tàn-ác và giả-dối ? Tại làm sao một cây bút có nhiều uy-tín như ông lại có thể không thấy sự sai-lầm, cách biệt từ chữ đến nghĩa của mấy tiếng Giải-tri, Dưỡng Quân trong sự thật mấy tiếng đó chỉ dùng để chỉ một nơi có tính cách Mua Dâm ? sao ông không lên tiếng giùm cho ? Hay bởi ở xa Sài Gòn nên ông có nhiều thì giờ nhàn dật không biết làm chi hơn là « soi gương kim cổ » bằng cách lời bừa một *ông Vua đáng thương* của Triều Nguyễn đã *mục xương trong lòng đất* ra bắt chịu những giận hờn, trách móc đùng ra nên trút vào kẻ sống, vào những kẻ có đủ phương thế để trả lời ông ?



Trở lại chuyện Trách-nhiệm người cầm bút, nếu chúng ta không làm thì gần đây nhiều người và nhiều hội đoàn có trách-nhiệm về giáo-dục (ngay cả nhà văn) đều lên tiếng về sự bừa bãi, phóng túng quá mức của một số nhà văn. Người ta kêu rằng chính những sách tác-phẩm này đầu độc quần chúng nhất là tác hại tinh-thần trẻ thơ không ít.

Dĩ nhiên, không phải các tác-giả kia không biết điều đó song kiêu-ngạo là bản-tính con người, nhất là những nhà văn (những « ông trời trên giấy » chắc sự kiêu ngạo càng nhiều hơn người thường) đang con phật ý khó lòng mà bình tâm xét lại và biết phục-thiện cùng là thay đổi quan-niệm sáng-tác trong một sớm, một chiều.

Nhà văn thời nay vẫn còn thích ở địa-vị khả kính của kẻ sĩ thời xưa mà không chịu hành-động như kẻ sĩ, đó mới là điều ngày-thơ đáng trách.

Xét cho cùng thì lỗi cũng không phải ở họ... hoàn toàn. Xã-hội ta trong chế-độ phong-kiến ngày xưa và nô-lệ vừa qua vô tình đã dung-dưỡng lòng kiêu ngạo đó. Tại làm sao mà đọc và viết chỉ là quyền của một thiểu số được ưu đãi trong xã-hội? Sao văn-chương lại là đất cấm đối với hạng bình-dân, lẽ thứ? Văn-chương thời đó đâu có rao bán như bây giờ? mà sao những Chí-sĩ mang chung họ Phan như Đình Phùng, Văn Trì, Châu Trinh lại vừa làm thơ vừa làm chiến-sĩ? Tại sao Nguyễn đình Chiểu đã mù mà còn khẩu khí thế kia? Ai ngang tàng và nhân hậu hơn Cao bá Quát! Tâm sự ai thấm nhục điều-đứng hơn Cao Bá Nha? Cho đến như Tôn thọ Trường mà cũng dùng thi-văn để biện minh cho thái-độ mình. Làm sao người ta không có chút cảm-tình cùng Tôn cho được? Và ai là người không xúc-động khi đọc bức thư tạ từ lời dụ hàng hết sức cảm-khái của Phan đình Phùng gửi cho Hoàng cao Khải?

Thừa hưởng di-sản quý-báu đó của tiên-nhân, người cầm bút có quyền kiêu-hãnh chớ! Chỉ tiếc là họ chỉ thừa-hưởng mà không vun-quén tô-bồi. Một số khá đông người cầm bút ngày nay cầu an, hèn nhát (đôi khi còn phản-bội quyền-lợi tổ-quốc nữa là khác) thì làm sao mà đòi được mền trọng, tin yêu?

Dù sao, muốn lấy lại lòng tin của đồng-bào, quần-chúng vẫn không phải là chuyện khó-khăn chi: cần dù thời-gian để xóa mờ những kỷ-niệm không đẹp vừa qua, của những người cầm bút trước nay song cần nhất là thái-độ họ phải rõ-ràng, dứt-khoát, minh-bạch.

Riêng về phương-diện sáng-tác, nhà văn không nên coi thường cái mà người ta gọi là « trách-nhiệm trước cuộc đời ».

Không phải là cứ khư khư sáng-tác theo ý riêng mình hay chiều theo thị-hiểu thấp hèn của một số người nào đó, cũng không phải mượn những từ ngữ bí hiểm, tối tăm, lập dị để ra vẻ « tri-thức, cao siêu », lại càng không nên có một giọng rời-rạc, chán-chường, vô trách-nhiệm hay xây-dựng những nhân-vật bất-mãn, nổi loạn vô duyên-cớ, khủng-hoảng nội-tâm một cách xa rời thực-tế để lèo những kẻ « bình thường » và những tâm-hồn non dại.

Hòa mình trong cuộc sống, cùng sự tiến tới, vươn lên, đau cái đau của dân-tộc, khổ cái khổ của giống nòi, được trui rèn trong thử thách, quang vinh cũng như trong kiêu hùng, bất khuất, dùng chất-liệu ngôn từ, nhà văn diễn đạt tư-tưởng mình, rung cảm chân-thành chớ không hời-hợt giả-tạo, nhờ sự nhận-xét tinh-tường và giác-quan bén nhạy sẽ cống-hiến cho đời những văn-nghệ phẩm thiết-thực rất gần-gũi với mọi người mà không kém phần nghệ-thuật.

Luôn luôn nhà văn dùng ngòi bút như một viên gạch để xây-dựng tòa nhà Văn-Hóa, như một thanh gươm để bảo vệ Tổ-quốc và Tự-Do. Nhà văn y như mọi công dân khác trong xã-hội có bổn-phận **GÓP PHẦN XÂY-DỰNG CHO XÃ-HỘI NGÀY MỘT TƯƠI ĐẸP, CHO DÂN-TỘC NGÀY MỘT PHÚ-CƯỜNG**, để xứng đáng với **SỨ MỆNH CAO CẢ CỦA NGƯỜI CẦM BÚT**.

Trong chiều-hướng và ý-thức đó, nhà văn bắt tất phải ca-ngợi những danh-nhân, văn-sĩ có tiếng của Tàu, Tây, trong lịch-sử kiêu-dũng của dân-tộc ta há thiếu những thi-nhân, danh-sĩ, những nhân-tài lỗi-lạc hay sao?

Thoạt nghe qua, có người hẳn không đồng-ý vì cho rằng thời này bốn bề là nhà, văn-chương vốn không biên-giới v.v.... Dĩ nhiên là thế, song trước khi tìm đến cái hay cái đẹp của người, sao không tìm biết, giới-thiệu cái hay cái đẹp của ta? Cũng như *trẻ học trường Tây biết rằng rãnh rãnh bánh mì nướng xong phải dùng bàn chải, chải sạch bụi*,

tro trước khi ăn nhưng không hề biết rằng hạt gạo do đâu mà có, như vậy há không là một điều kỳ quặc hay sao ?

Những người cầm bút làm sao mà thế-hệ đến, thanh-niên ta không quen được và còn biết hãnh-diện về một Quang-Trung, Lê-Lợi, một Triệu nữ, Trưng nương, một Nguyễn đình Chiểu, một Phan đình Phùng và nhiều người đáng nhớ nữa, đó không phải một điều nên làm còn mà là bổn-phận của người cầm bút.

VIỆT-THƯỜNG

ĐÍNH CHÁNH :

Bài « Con Dê » trong Đồng-Nai Văn-Tập quyển 9 :

Trương 130, hàng 5, « gợn có » xin sửa lại « gợn vạ có » ; hàng 9, « mỗi một đàn » xin sửa lại « mỗi một đàn ».

Trương 132, hàng 7, « gọi là dương tửu » xin sửa lại « gọi dương tửu » ; hàng 18, « đề lòng » xin sửa lại « đề hồng » ; hàng 27, « nhân » xin sửa lại « nhân ».

Trương 133, hàng 1, « vô sĩ » xin sửa lại « vô ví ».

Trương 134, hàng 9, « Lý Tăng » xin sửa lại « Lý Lăng ».

NHỮNG MỐI THAO-THỨC THỜI-ĐẠI

Việc giảng dạy sinh-ngữ ở Việt-Nam

● Bài của HUỖNH-PHÚ-HIỆP

Khi xét đến việc giảng dạy sinh-ngữ ở xứ ta, chúng ta phải công-nhận rằng đó là một việc thất-bại. Sở dĩ nói được như vậy vì các lý-do sau đây : ở các xứ tân-tiến, ngay cả các xứ chậm tiến, với thời-gian là 4 năm và 4 giờ mỗi tuần lễ (tức là bằng thời-gian học trung-học đệ I cấp của ta), nhiều xứ đã thu lượm được kết-quả trong việc giảng dạy sinh-ngữ là con em của họ đọc được sách báo, nói và viết được những vấn-đề thông thường, trong khi con em chúng ta mặc dù học đến 7 năm, hết học trung-học đệ nhị cấp, với bổ đồng 5 giờ mỗi tuần lễ mà vẫn không nói, không viết được gì. Sự thất-bại trong việc giảng dạy của chúng ta quá rõ-ràng. Hậu-quả của nó rất to lớn và đặt cho chúng ta nhiều vấn-đề nan-giải khác, như vấn-đề dạy-dỗ ở đại-học hay vấn-đề du-học chẳng hạn. Sinh-viên Việt-Nam, khi đậu xong bằng Tú-Tài Toàn phần, muốn đi du học, phải mất nhiều thì giờ để học thêm sinh-ngữ và trải qua một kỳ sát-hạch trở lại, nhưng một số đông đến xứ người vẫn theo đuổi sự học không nổi. Đó là nói về sinh-ngữ Anh và Pháp, 2 sinh-ngữ chính mà chúng ta đã dạy trong tất cả các trường trung-học Việt-Nam. Còn các sinh-ngữ

khác như Đức, Ý, Nhật, Trung-hoa... thì chưa có trường trung-học nào của chúng ta giảng dạy và mỗi năm số học bổng của các quốc-gia này cấp cho chúng ta lên đến hàng trăm để giúp-đỡ cho chúng ta tiến-bộ mà chúng ta không sử-dụng được. Trở về nền Đại-học nước nhà, vì quá kém sinh-ngữ, sinh-viên của chúng ta ngoài việc học ban ngày ở các trường, buổi tối còn phải đóng tiền học thêm Anh-văn, Pháp-văn ở các lớp tư-gia mà một số đông vẫn còn không theo học nổi ở nhà trường. Vì học không nổi nên họ đành kiếm một cours ronéo rất vắn-tắt và sơ-lược, viết bằng ngoại-ngữ hay dịch ra tiếng Việt, học thuộc lòng và làm phần căn-bản để đi thi như ở bậc Trung-học. Sự tìm tòi, nghiên-cứu, tham-khảo sách vở (sách Đại-học bằng Việt-ngữ hầu như chưa có gì cả), suy-nghĩ, phát-biểu ý-kiến riêng biệt, sự cộng-tác với giáo-sư đã mất hẳn. Tinh-thần Đại-học không còn nữa. *Đại-học là học đại*, nhiều người biết chuyện đã nói đùa như vậy. Rồi vấn-đề giáo-sư ngoại-quốc dạy ở Đại-học Việt-Nam, vấn-đề chuyên-ngữ ở Đại-học, chúng ta giải-quyết không xong hay chỉ giải-quyết một cách tạm-bợ.

Nguyên-nhân của mọi sự khó-khăn vừa kể đều do sự thất-bại trong việc giảng dạy sinh-ngữ ở bậc trung-học mà ra. Khi đã biết như vậy chúng ta phải cải-tổ việc giảng dạy của chúng ta lại như thế nào? Mồ xẻ ra từng chi-tiết, chúng ta đã thất-bại ở những chỗ nào và chúng ta phải làm gì?

Một thực trạng : Muốn tìm nguyên-nhân của sự thất-bại, trước hết chúng ta thử quan-sát xem hằng ngày, ở các trường trung-học công cũng như tư, các giáo-sư sinh-ngữ của chúng ta đã dạy con em như thế nào. Sau đây là một giờ sinh-ngữ điển hình hằng ngày bất cứ lúc nào và ở trường nào cũng có, ở mọi cấp lớp trung-học :

a) 15 hay 20 phút đầu : *bài kiểm-soát* : giáo-sư gọi học-sinh (lối 5 hay 6 trò) lên bảng để trả bài ! Trả một vài câu hay một vài chữ, hỏi nghĩa một số chữ ra nghĩa tiếng Việt

hay ngược lại, trả lời một vài câu hay viết thử một vài chữ lên bảng rồi về chỗ. Nếu là bài tập đọc (lecture) thì đọc một vài câu rồi sự việc cũng diễn ra tương-tự. Nếu là bài văn-phạm, thường là bằng tiếng Việt (vì học-sinh không nói tiếng ngoại-quốc được và cả giáo-sư cũng không biết làm sao để nói cho học-sinh hiểu, hay nếu nói, chỉ để mất nhiều thì giờ thêm mà chẳng ích lợi gì) rồi cho 1, 2 thí-dụ, làm 1, 2 câu có qui-tắc văn-phạm ấy.

b) 30 hay 40 phút sau : *bài dạy* (leçon du jour) : giáo-sư và học-sinh cùng mở sách hay tập ra. Giáo-sư đọc hay viết trên bảng, giảng nghĩa bằng Việt-ngữ ; học-sinh đọc hay chép lại. Thỉnh-thoảng có một vài câu hỏi của thầy xen vào với một vài câu trả lời của học-trò, thường là câu văn-phạm (nhấn mạnh hay ghi chép các câu văn-phạm ấy), vì trong hầu hết các giờ dạy thường có sự lẫn-lộn sai-lầm và tai-hại giữa văn-phạm với đủ mọi thứ bài khác, như tập đọc, ngữ-vựng, chính-tả hay giảng-văn. Một số lớn trường-hợp học-sinh không có sách nên phải chép.

Nhận xét. — Nhìn vào cách giảng dạy trên người ta thấy nó rất phản sư-phạm và phản tiến-bộ vì rằng đó là phương-pháp giảng dạy cũ-kỹ của mấy mươi năm về trước, vừa lỗi-thời, chậm-chạp, vừa làm hư-hại và cản-trở sự tiến-bộ của học-sinh. Các nước tân-tiến ngày nay đã bỏ hẳn phương-pháp đó, và sau nhiều năm nghiên-cứu, đã giảng dạy sinh-ngữ với các phương-pháp hoàn-toàn mới lạ và rất hiệu-quả.

a) Phần kiểm bài : thực ra đây không phải là kiểm bài mà là trả bài. Học thuộc xong rồi trả lại cho ông thầy, trả hẳn để rồi không còn dùng tới nữa. Học-sinh bị mệt trí nhớ, trả bài một cách thụ-động, không thay đổi được các câu đóng cứng trong các khung của ông thầy hay sách định sẵn, không biến chế được câu nói cho thích-hợp với hoàn-cảnh và sự vật, một lần rồi hết, không còn nghe hay dùng đến nữa. Chỉ có vài học-sinh bị trả bài, các học-sinh khác ngồi chơi, khỏe ru vì đã có các trò khác làm vật hy-sinh

thế cho mình. Phát-biểu bằng sinh-ngữ là một việc gì đáng ghê sợ, cần phải tránh né đối với học-trò.

b) bài dạy : mở sách ra, trang... (hay mở tập ra chép). Trong hơn nửa giờ đồng hồ, người ta làm một việc trái với tự-nhiên, phần lại khoa-học. Học sinh-ngữ cũng như trẻ con lên ba, lên bốn tuổi học nói. Phải tuân tự theo 5 giai-đoạn tự-nhiên như sau : thấy, nghe nói, nói theo, đọc và viết. Người ta không làm như vậy. Người ta mở đầu bằng giai-đoạn thứ tư hay thứ năm (đọc hay viết); tệ hơn nữa là giảng nghĩa bằng tiếng Việt, hay dịch, một phương-pháp hết sức tai-hại mà khoa dạy sinh-ngữ đã tuyệt-đối cấm, nhưt là ở các lớp mới bắt đầu học (đệ thất hay đệ tam sinh ngữ 2). Tai-hại ở chỗ là giữa 2 câu, câu tiếng ngoại-quốc và câu tiếng Việt, dĩ nhiên câu tiếng Việt sẽ dễ nghe, dễ nói, dễ hiểu hơn đối với học-sinh. Vậy thì chúng đại gì mà rần nghe, tìm hiểu và nói bằng ngoại-ngữ cho rắc-rối, khó-khăn vì đã biết rằng rồi trước sau gì thầy mình cũng dịch tiếng Việt cho mình ? Thành ra suốt trong thời-gian học-hỏi chúng chỉ chờ đón, chú ý và dùng câu tiếng Việt. Như vậy làm sao chúng nghe, nói đúng, có dịp dùng tới dùng lui câu sinh-ngữ, lập đi lập lại để nhớ dai, nói đúng và viết đúng được ? Đến lúc phải nói hay viết, vì quen với câu Việt, chúng cũng bắt đầu suy-nghĩ, bằng tiếng Việt, rồi tìm cách dịch ra câu ngoại ngữ một cách lâu-lắc, gượng gạo, lòng dòng, sai-lệch hình-thức của câu ngoại-ngữ.

Có nhiều giáo-sư đã bảo quả quyết : không thể nào không dịch hay dùng tiếng Việt mà học-sinh có thể hiểu được. Hơn nữa dùng tiếng Việt để nói thẳng ra cho dễ hiểu sẽ đỡ mất thì giờ, thay vì nói bằng tiếng ngoại-quốc sẽ dòng-do lâu-lắc. Nhưng thử hỏi người Anh, người Pháp dạy tiếng nước họ cho chúng ta, họ có biết tiếng Việt bao giờ để giải-nghĩa cho ta ? Thế mà họ dạy chúng ta mau chóng, kết-quả hơn chúng ta nhiều. Một thí-dụ thấy trước mắt : con cái chúng ta mới lên 5 lên 7 tuổi, vào học trường

mẫu giáo ngoại-quốc ở tại xứ ta, do toàn các thầy ngoại-quốc dạy, thế mà chỉ trong vài ba năm chúng nói tiếng ngoại-quốc tự nhiên rành mạch hơn học-sinh đệ tam, đệ nhị của chúng ta nhiều. Xem thế việc dùng ngoại ngữ để dạy chưa chắc đã mất thì giờ, đối với các giáo-sư đã có kinh-nghiệm ; vả lại nếu có mất đôi chút thì giờ đi nữa thì sự mất thời giờ đó sẽ hữu-ích vô cùng. Còn áp dụng được hay không là một vấn-đề kinh-nghiệm, khả-năng và chuyên-nghiệp đối với ông thầy.

Ngoài phương-pháp dạy-dỗ ra, còn các phương-tiện. Trong các giờ dạy hằng ngày vừa nói, thầy và trò không có một phương-tiện gì cả. Sách học, hình-ảnh, phim, đồ vật mang vào lớp, đĩa hát, máy móc, phòng thí nghiệm... nhất thiết cái gì cũng không. Ông thầy không có các thứ ấy trước mặt để chỉ cho học-sinh thấy, nói cho học-sinh nghe, không biết diễn-tả bằng cử-chỉ và điệu-bộ cho thích-hợp, không kinh-nghiệm, không sử-dụng được dễ-dàng ngôn-ngữ mà mình dạy, gặp phải một câu mình nói ra mà học-sinh không hiểu, không biết xoay trở bằng cách nào khác cho mau-lẹ, gọn-gàng, phong-phú và rành-mạch ý mình muốn diễn-tả để cho học-sinh hiểu được (bằng lời lẽ khác hay cử-chỉ, điệu-bộ) thì làm thế nào không dùng cách dịch ? Chúng ta thường có vắn-vơ trong trí một quan-niệm sai lầm : dạy khoa-học nhân-văn không cần-thiết phải có dụng-cụ ! Nhưng không có dụng-cụ, bài dạy bị mất một phần lớn hứng-thú và đối với sinh-ngữ, theo phương-pháp mới, không có dụng-cụ, không thể dạy-dỗ gì được.

Để tóm-tắt phần nhận-xét này chúng tôi xin đơn cử một kinh-nghiệm bản thân : lúc đầu trong mấy năm đi dạy sinh-ngữ, chúng tôi cũng quả-quyết rằng không có cách dạy nào màu-nhiệm hơn là cách dịch. Nhưng lần hồi, xem sách báo, tài-liệu ngoại-quốc, thấy đâu đâu cũng cấm dịch (nhưt là năm đầu tiên, điều mà chúng ta thường nghĩ trái lại), nên đã bắt chước phương-pháp của họ, và sau một

thời-gian thi-nghiệm đã nhận ra là không có phương-pháp nào mẫu-nhiệm hơn là phương-pháp không dịch và không dùng tiếng mẹ đẻ. Suốt trong 50 phút của giờ dạy, từ đầu năm đến cuối năm, chúng tôi không dùng một tiếng Việt nào. Kết-quả là lớp học linh-động hơn, học-sinh thích-thú hơn, học đến đâu hiểu và nói được đến đấy, một cách tự-nhiên, ít mệt-nhoc và dễ nhớ hơn nhiều. Dĩ-nhiên là phần soạn một bài dạy của ông thầy rất nhiều công-phu : phải mua sắm tìm kiếm hình-ảnh và dụng-cụ, phải suy-nghĩ từng câu từng chữ để lựa lời nói, tìm phương-cách, điều bộ đề diễn-tả cho được. Và một đồng-nghiệp đã nói đùa : công-phu ấy mỗi giờ dạy phải lãnh 300\$ thay vì 100\$ thì mới xứng. Dĩ-nhiên là không có gì đúng hơn. Các giáo-sư ngoại-quốc đã lãnh như thế.

Phương-cách phải sửa đổi. — Khi đã biết qua tình-trạng giảng dạy của chúng ta như trên, chúng ta cũng đã biết được đâu là các việc cần phải làm để sửa đổi lề lối giảng dạy sinh-ngữ ở bậc trung-học của chúng ta lại để có được kết-quả như ở các nước ngoài. Trong các việc ấy có hai việc quan-trọng hơn hết cần phải thực-hiện cho được : đó là vấn-đề cán-bộ hay giáo-sư có khả-năng và vấn-đề phương-tiện dạy-dỗ. Chúng ta sẽ lần lượt đề-cập đến hai vấn-đề này cùng với vài vấn-đề khác.

A) *Vấn-đề đào-tạo giáo-sư.* — Như ta đã thấy việc thất-bại quan-trọng bậc nhứt trong vấn-đề dạy sinh-ngữ là giáo-sư của chúng ta thiếu khả-năng về văn-hóa, về chuyên-môn (được đào-tạo) và về kinh-nghiệm. Hơn phân nửa giáo-sư của chúng ta thiếu điều-kiện về văn-bằng. Số còn lại, nếu có văn-bằng, vẫn không được đào-tạo về phương-cách dạy-dỗ hay nếu được đào-tạo, sự đào-tạo ấy vẫn còn nhiều thiếu-sót. Về kinh-nghiệm, hơn 70% giáo-sư chưa dạy sinh-ngữ được tới hơn 5 năm. Vì thế nên việc cấp bách phải nghĩ tới là đào-tạo giáo-sư, không phải đào-tạo sơ-sài mà thật-sự và đứng-đắn (chúng tôi sẽ có dịp trình-bày vấn-đề đào-tạo giáo-sư sinh-ngữ ở các nước ngoài trong

một bài riêng biệt). Mục-dích phải đạt được là tạo cho mỗi giáo-sư sinh-ngữ các điều-kiện sau đây :

1) phải nói, viết, sử-dụng ngôn-ngữ mình dạy một cách lưu-loát, có trình-độ ngôn-ngữ, văn-minh, văn-hóa vững-chắc. Không có trình-độ ngôn-ngữ, như đã thấy, lời nói của giáo-sư sẽ nghèo-nàn, khi nói điều gì mà học-sinh không hiểu, sẽ bị lúng túng, không biết xoay trở câu nói bằng những hình-thức khác, gọn-gàng, lanh-lẹ, dễ hiểu và phong-phú hơn, rốt cuộc đành dùng tiếng Việt. Phải biết văn-hóa và văn-minh của xứ mà mình dạy tiếng nói phải dạy những điều mình thấy, nghe và biết thật. Như vậy giáo-sư mới tin chắc, mới nói được nhiều và mạnh miệng để nói những điều mình dạy. Muốn được vậy, giáo-sư sinh-ngữ phải có một thời-gian tối-thiểu sống ở ngay xứ ấy. Chính vì lý-do cần-thiết này mà nhiều xứ đã lập ra chương trình trao đổi giáo-sư sinh-ngữ với nhau. Giáo-sư của chúng ta, lối 90% đã thiếu điều-kiện này, nhưng hằng ngày họ phải dạy phong-tục tập-quần, cách ăn, cách mặc, lối sống và làm việc, lễ-lộc, phong-cảnh, thời-tiết xuân, hạ, thu, đông ở bên Anh, bên Mỹ, bên Pháp, những điều mà chính họ cũng chưa biết bao giờ, thử hỏi họ làm sao nói nhiều, nói mạnh, nói ở ngoài mấy câu trong sách cho được ? Như vậy vấn-đề giáo-sư sinh-ngữ tu nghiệp ở ngoại quốc trở nên hết sức quan-trọng. Phải có trình-độ văn-hóa khá cao và điều-kiện văn-bằng. Ở xứ người, muốn hành nghề giáo-sư, ngoài phần được đào-tạo chuyên-môn về sư-phạm ra còn phải tối-thiểu là tốt-nghiệp Đại-học, từ cử-nhân sắp lên. Ở nước ta số giáo-sư có trình-độ văn-hóa này không đến 30%. Có người bảo văn-bằng chưa chắc đã đánh giá được văn-hóa con người. Đúng vậy. Nhưng không văn-bằng thì làm sao đánh giá được, nếu những người không văn-bằng không chứng-minh được trình-độ của mình bằng những công-cuộc khảo-cứu, diễn-thuyết hay sách vở của mình đã viết và đã được dư-luận công-nhận là có giá-trị ? Ở nước người, khi người ta sử-dụng

người, người ta tìm người có thực tài và có khả-năng mà không nói tới văn-bằng không phải người ta không cần văn-bằng mà vì văn-bằng là điều-kiện dĩ nhiên rồi, không cần phải nhắc tới nữa. Trở lại nghề dạy học, người đi dạy không phải là người chỉ biết có một thứ, một môn mà là người, ngoài môn sở-trường của mình ra còn phải biết mỗi thứ một ít, như là những người dạy khoa-học nhân-văn. Mỗi giáo-sư văn-chương và sinh-ngữ, trong phạm-vi chuyên-môn của mình, luôn luôn gặp và phải giảng dạy một chút về lịch-sử, địa-lý hay khoa-học. Sự hiểu-biết tổng-quát này chỉ có nhà trường và văn-bằng là có thể cho họ có được. Tóm lại đã là giáo-sư là phải có sức hiểu biết cao rộng. Phải biết 10 mới được phép dạy lại có 2, 3, chứ không phải dạy lại đến 8 hay 9. Vì rằng đi dạy học không phải là nói lại, lặp lại với học-sinh những điều mình vừa học hỏi trong sách mà là suy nghĩ về những điều mình dạy.

2) phải có kinh-nghiệm nghề-nghiệp. — Có khả-năng văn-hóa, có ngôn-ngữ lưu-loát, có sống ở ngoại-quốc vẫn chưa đủ; giáo-sư sinh-ngữ còn phải có kinh-nghiệm. Dạy học không phải là phát-biểu ý-kiến hay diễn thuyết, mà còn phải làm cho người khác hiểu biết và không chán (trong nhiều tháng và nhiều năm như vậy, như là các người học hỏi lại là trẻ nhỏ). Muốn làm được việc ấy có kết-quả tức nhiên phải biết làm, tức là có kinh-nghiệm. Kinh-nghiệm về phương-pháp tổng-quát cũng như kinh-nghiệm về những việc nhỏ nhỏ của mỗi lời nói, mỗi cử-chỉ, mỗi động-tác và điệu-bộ, biết lựa chọn mỗi đồ vật, mỗi tranh ảnh thích-hợp với ý-tư diễn-tả, với hoàn-cảnh, với trình-độ học-trò đang ngồi trước mặt. Kinh-nghiệm này nếu quý giá cho giáo-sư của nhiều môn thì lại càng quý giá hơn nữa cho giáo-sư sinh-ngữ vì giữa học-sinh và giáo-sư (giáo-sư đúng theo phương-pháp sinh-ngữ, không sử-dụng tiếng mẹ đẻ) có một trở-ngại ngăn-cách, khó hiểu cho học-sinh về ngôn-ngữ. Giáo-sư phải nhiều kinh-nghiệm lắm mới làm học-sinh hiểu được điều mình muốn nói. Kinh-nghiệm tìm

ở đâu được? Dĩ nhiên là ở trường đào-tạo và ở số năm hành nghề.

3) phải được đào-tạo về chuyên-môn. Ở xứ người, không ai làm được nghề gì mà không được đào-tạo ở một trường chuyên-môn, huống hồ là nghề giáo-sư, một nghề nằm trong tay tất cả mọi ngành, tất cả tương-lai và sự hay dở của đất nước. Nói đến đây, chúng tôi sức nhớ lại chế-độ tư-nhân dạy giờ ở xứ ta (đã chiếm đến 50% số giáo-chức). Nó là một trò hề đáng tức cười và đáng đau lòng. Nó đã nói lên rằng dạy học không phải là một nghề hay là nghề của những người không có nghề gì hết. Trong nhiều năm đã qua và sẽ còn nữa, con em của chúng ta là đồ vật để cho các tay ngang mới vào nghề thí-nghiệm và tập-dượt, mà không có một mảy may bảo-đảm nào ở họ sẽ tiếp-tục nghề dạy học. Trở lại vấn-đề đào-tạo, số giáo-sư tốt-nghiệp sư-phạm của chúng ta chẳng đủ vào đâu, so với nhu-cầu. Ở các tư-thục, số người này hầu như không có. Chúng tôi thiết nghĩ chánh-phủ nên tăng số trường sư-phạm, số sinh-viên dự tuyển lên, hoặc phổ-biến rộng-rãi chương-trình sư-phạm và mở các kỳ thi sư-phạm nhiều hơn để lần lần đi đến chấm dứt nạn giáo-sư « bất-đắc-dĩ », ở trường công cũng như tư. Ngoài trường sư-phạm ra, còn các khóa tu-nghiệp mà cho đến bây giờ số khóa và số người được tham-dự chẳng thấm vào đâu, mặc dù đó chỉ là những khóa ngắn hạn, chỉ có 1 tuần lễ hay 10 ngày. Trở-ngại của các khóa tu-nghiệp là giáo-sư không có thì giờ vì phải dạy-đỡ suốt năm và các tháng hè thì phải gác và chấm thi không nghỉ tay. Muốn tạm giải-quyết, chúng tôi đề-nghị với Bộ Giáo-Dục nên nghĩ đến việc tu-nghiệp tại chỗ, tại nhà trường. Muốn vậy, ở cấp trung-ương, ở cấp Bộ, các giáo-sư thực-sự có kinh-nghiệm và giỏi (chớ không phải những tay quen lờn) sẽ viết tài-liệu từng bài dạy, từng phương-pháp, từng vấn-đề sư-phạm chi-tiết để gửi đến trường. Các giáo-sư sinh-ngữ ở tại trường sẽ hội-hợp để học hỏi tài-liệu, nghiên-cứu và thi-hành. Cũng có người dạy, người

ngồi xem để nhận-xét, rút ưu, khuyết-điểm như các khóa tu-nghiệp. Dĩ-nhiên ở mỗi trường cũng phải có một vài giáo-sư sinh-ngữ nòng-cốt, có kinh-nghiệm để giúp-đỡ các đồng-nghiệp mới vào nghề. Thiết nghĩ phương-cách này sẽ không mất thì giờ cho giáo-sư và làm mất giờ cho học-sinh (trong trường-hợp khóa tu-nghiệp tổ-chức giữa niên-học), sẽ gây sự tìm tòi nghề-nghiệp rộng-rãi và hứng thú trong giáo-chức và tiết-kiệm được ngân quỹ của Bộ Giáo-Dục cũng như giúp ích luôn cho giáo-sư tư-thực.

Khi bàn về vấn-đề đào-tạo giáo-sư và kinh-nghiệm dạy sinh-ngữ này, chúng tôi sức nghĩ đến 2 ý-kiến bấy lâu nay thường được nhắc đến và được một số không ít người đồng ý. Đó là việc bắt đầu dạy sinh-ngữ ở bậc tiểu-học và giao phó môn Pháp-văn cho các giáo-viên ngày xưa (dạy Tiểu-học dưới trào Pháp-thuộc) phụ-trách. Chúng tôi hoàn-toàn không đồng ý 2 việc này. Lý-do, như đã trình bày ở phần đầu bài này, thứ nhất là việc thất-bại của chúng ta không phải vì chúng ta thiếu thời-gian đến phải nói rộng ra thêm (mà trái lại), thứ hai là khả-năng văn-hóa ngôn-ngữ, sự đào-tạo, sự tu-nghiệp ở ngoại-quốc cũng như các phương-pháp tân-tiến để dạy sinh-ngữ (hoàn-toàn khác biệt với lối dạy của chương-trình Pháp ngày xưa) đòi hỏi ở một giáo-sư sinh-ngữ, các vị này cũng không làm gì để khỏi thất-bại và có kết-quả hơn được. Bằng cứ là từ bấy lâu nay, trong các trường Trung-học của chúng ta, ai đã dạy Pháp-văn, nếu không phải là các giáo-viên ngày xưa hay các người đã theo học chương-trình Pháp từ tiểu-học? Lại cũng vấn-đề người và kinh-nghiệm này mà chúng tôi nhận tiện đây phải bàn sơ qua thêm một sự-kiện: đó là việc các trường tư-thực, các lớp luyện sinh-ngữ của tư-nhân mấy lúc gần đây đã thường quảng-cáo là họ có giáo-sư ngoại-quốc đảm-trách. Thật ra chưa chắc khi có giáo-sư ngoại-quốc đảm-trách là có kết-quả. Nếu các giáo-sư ngoại-quốc đó dù có văn-bằng cao đi nữa, nếu không được huấn-luyện về phương-cách dạy-đỗ, không có

kinh-nghiệm cũng chẳng ích-lợi gì. Ai đã học Anh-văn với người Mỹ không phải là giáo-sư, chắc cũng đã có kinh-nghiệm về việc thất-bại.

Tóm lại, vấn-đề đào-tạo giáo-sư đúng mức, ở phương-diện văn-hóa, chuyên-môn, có khả-năng, có kinh-nghiệm thật-sự để dạy sinh-ngữ là vấn-đề quan-trọng bức nhứt cần phải làm. Bấy lâu nay trình-độ học-sinh của chúng ta kém-cỏi, tỷ lệ học-sinh trúng tuyển các kỳ thi quá ít, cán-bộ mọi ngành của chúng ta không đủ khả-năng để làm việc tất cả các sự việc ấy đều do nền giáo-dục của ta kém hiệu-quả và nguyên-nhân chính là do chúng ta thiếu những vị thầy ưu tú mà ra. Để kết luận, chúng ta nên nhớ điều này: *Khi thầy giỏi, học trò sẽ khá; khi thầy khá, học trò sẽ tầm thường; khi thầy tầm-thường học trò sẽ dở.*

B) *Vấn-đề dụng-cụ giáo-khoa.*— Muốn cho mỗi bài dạy được cụ-thể, phong-phú, gây hấp-dẫn với học-sinh cần phải có dụng-cụ. Nếu lời dặn này cần-thiết cho tất cả các môn-học thì lại còn cần-thiết hơn nữa đối với môn sinh-ngữ áp dụng theo phương-pháp tân-tiến. Nhưng tiếc thay việc giáo-dục ở các trường trung-học của chúng ta ngày nay dường như không còn chú-trọng đến lời dặn này nữa. Lớp học nào; giờ dạy nào cũng rất buồn-tẻ, nghèo-nàn và khô-khan. Thầy cùng trò chỉ dùng vồn-vẹn có cái miệng và trí tưởng-tượng. Nhưng đối với môn sinh-ngữ, trí tưởng-tượng chẳng giúp ích được gì, vì không thể tưởng-tượng để hiểu nghĩa các chữ được. Cần phải có đồ vật và hình-ảnh, cần phải có phương-tiện. Các phương-tiện đó là những thứ nào? Chúng ta lần lượt sẽ xét qua từng thứ một.

1) *Sách sinh-ngữ.*— Vì thiếu giáo-sư sinh-ngữ có thực tài, có kinh-nghiệm, được huấn-luyện theo phương-pháp mới nên chúng ta không có người viết sách dùng được cho học-sinh. Sách giáo-khoa sinh-ngữ bày bán đầy đường nhưng không quyển nào dùng được và có giá-trị. Ngay cả sách Pháp-văn, hơn 100 năm dùng tiếng « mẫu-quốc Lang-sa » và sau 20 năm độc-lập, chúng ta cũng chưa có 1 quyển

Pháp-văn nào làm sách căn-bản cho ngay cả lớp đệ Thất do tự người Việt chúng ta viết ! Tình-trạng thật là mĩa-mai chua-chát. Hiện-tại chúng ta chỉ có biện-pháp duy-nhất là dùng sách ngoại-quốc vì sách ngoại-quốc viết đúng theo phương-pháp sư-phạm, không sai-trật, hình-ảnh đời-dào, ấn-loát đẹp. Tuy nhiên trở-ngại gặp phải là sách ngoại-quốc là số lượng quá ít không đủ cung-cấp cho học-sinh, nhưt là học-sinh ở ngoài Đô-thành, không hợp với túi tiền của con em nhà nghèo và việc nhập cảng làm mất nhiều ngoại-tệ của quốc-gia. Rồi còn một trở-ngại nữa mà chính do chúng ta đã gây ra : các sách Anh-văn và Pháp-văn căn bản có giá-trị quốc-tế, được công-nhận giá-trị mà hiện-nay chúng ta dùng trong các trường trung-học là các quyển English For To Day, Let's Learn English, Cours de Langue et Civilisation Françaises và Le Français Élémentaire. Khổ thay các sách ấy bị người mình lợi-dụng vì óc thương-mại. Người ta đã đem in lại, dịch ra Việt-ngữ tất cả, sửa hết các bài tập đến đổi các giáo-sư không còn gì để bắt học-sinh suy-nghĩ và tự làm bài. Học sinh cứ tự-do đi chơi, đợi đến giờ học rồi lật bài dịch hay bài sửa ra, đọc sơ qua hay chép lại để đem nộp cho thầy ! Các sách quý ấy, ở Việt-Nam này, chẳng còn gì là quý nữa.

Đề giải-quyết vấn-đề sách, chúng tôi tạm đề-nghị với bộ Giáo-Dục các điều như sau : thứ nhưt, cần dành quyền kiểm-duyet sách giáo-khoa để tránh nạn ấn-loát bừa-bãi có hại cho các phương-pháp sư-phạm và giáo-dục. Thứ hai : điều-đinh với các cơ-quan viện-trợ văn-hóa giáo-dục của các nước bạn hay tác-giả của các sách vừa kể để họ tìm cách giúp cho chúng ta có một số lượng sách đời-dào đủ cung-cấp cho học-sinh các tỉnh và ở miền quê. Hoặc Bộ điều-đinh với tác-giả để in tại trong nước các sách ấy. Với tài-chánh rộng-rãi của Bộ và với sự trông nom của các giáo-sư kinh-nghiệm, việc ấn-loát sẽ hoàn hảo hơn. Thứ ba : lập chương-trình viết sách ngoại-ngữ và mời các giáo-sư giỏi để giúp-đỡ, hợp-tác hay ra giải-thưởng để tuyển

chọn sách. Việc này cần được công-bổ rộng-rãi và trước một thời-gian khá lâu để tránh nạn phe đảng đã cung ứng sách thiếu giá-trị cho Bộ. Về điểm giá-trị của sách này, chúng tôi xin lưu ý là các bộ sách căn-bản vỡ lòng vừa kể đều do các giáo-sư thực-sĩ đại-học đã có nhiều năm kinh-nghiệm soạn ra cả.

2) *Hình-ảnh và dụng-cụ.*— Hình-ảnh và dụng-cụ bắt buộc phải có đầy đủ đời-dào và bắt buộc phải mang vào lớp để trình bày. Cứ xem quyển Instructions Pédagogiques pour l'Emploi du Français Élémentaire, trong ấy cứ mỗi bài học ở quyển Le Français Élémentaire đều có một bài chỉ-dẫn phương-pháp dạy với dụng-cụ kèm theo thì đủ rõ tầm quan-trọng của cách dạy và dụng-cụ, sự cần-thiết của nó đến bậc nào. Về hình-ảnh thì phải có loại cỡ lớn để treo trường (tableau muraux) để cho cả lớp thấy. Dụng-cụ và hình-ảnh đều do các nhà sản-xuất đặc-biệt cung-cấp. Ngoài ra giáo-sư còn phải mang vào lớp các thứ vật-dụng hằng ngày có thể mang được như 1 bánh xà-phòng, kềm, kéo, muối, đường, hoa quả v.v... Tiếc thay ở xứ ta không có những nhà sản-xuất dụng-cụ giáo-khoa đặc-biệt như vậy.

Đề giải-quyết, chúng tôi mong Bộ Giáo-Dục chú-trọng đến việc này. Công việc cũng không phải khó-khăn lắm. Bằng cứ là chúng ta đã in được vài loại hình-ảnh cho môn Vạn-Vật và Địa-lý và sản-xuất được các đồ vật tại trong xứ còn tinh-vi hơn nhiều. Các tư-nhân sở dĩ chưa lưu tâm đến việc sản-xuất dụng-cụ giáo-khoa là vì thị-trường của chúng ta quá nhỏ, chỉ có các giáo-sư là có thể cần dùng, số bán không đem lại đủ vốn nên không nghĩ đến. Riêng phần giáo-sư, nếu chúng ta muốn sự dạy-đỗ của chúng ta có hiệu-quả, nếu chúng ta yêu nghề và muốn con em chúng ta giỏi, việc tự tìm dụng-cụ dạy-đỗ tạm-thời cũng không phải là khó lắm. Chúng tôi đã tạm-thời giải-quyết như sau : về tranh ảnh, chúng tôi đã mua các tạp chí cũ ngoại-quốc như Sciences et Vie, Paris Match, Jour de France hay bất cứ loại lịch, sách báo quảng-cáo nào in bằng khổ lớn giấy

tốt, có màu (các hình quảng-cáo thường in rất đẹp. Chúng tôi cắt các hình ấy, gom góp lại theo từng chủ điểm như nhà cửa, quần áo, thức ăn, đồ dùng, xe cộ, đường phố v.v...) để chỉ cho học-sinh xem và trình bày bài dạy. Chúng tôi đã mang vào lớp các thứ dụng-cụ nào có thể mang được như dạy về sạch-sẽ thì mang 1 cục xà-bông, 1 bàn chải, 1 khăn lau mặt, 1 kem Perlon... Một số lớn dụng-cụ khác có thể tìm được ở các hiệu buôn đồ chơi trẻ con bằng cao-su hay nhựa. Chỉ cần tốn một vài trăm đồng là chúng tôi đã có đủ dụng-cụ và hình-ảnh để dạy cho chương-trình của một năm học. Một vài hình-ảnh khác (một số rất ít) không tìm được, chúng tôi tự vẽ sơ lên bảng hay nhờ học-sinh vẽ sẵn trên giấy. Như vậy chúng tôi đã không phải dùng một tiếng Việt nào trong giờ dạy sinh-ngữ trong hai năm liền ở lớp đệ Thất và đệ Lục, hai năm mà người ta cần chú-trọng về nói (expression orale) hơn là viết (có nên dạy viết, expression écrite, hay không ở lớp vỡ lòng về sinh-ngữ là một vấn-đề được bàn-cãi khá lý-thú giữa những nhà chuyên-môn).

3) *Máy móc.*— Theo đúng phương-pháp thì mỗi trường cần có một phòng thính-thị sinh-ngữ trong ấy sẽ được trang-bị nhiều máy móc khá tối-tàn và tinh-vi và các giáo-sư sinh-ngữ cũng cần phải được huấn-luyện một thời-gian mới sử-dụng được. Ở xứ ta, việc này chắc còn phải chờ đợi một thời-gian khá lâu mới thực-hiện nổi. Tuy nhiên có vài thứ máy thông-dụng mà chúng ta có thể có và mỗi trường trung-học cần nên có. Đó là máy hát với đĩa sinh-ngữ, máy ghi âm hay máy chụp bóng (các giáo-sư cũng cần biết sơ qua cách sử-dụng đúng phương-pháp giảng dạy). Việc cung-cấp đĩa sinh-ngữ là một vấn-đề cần nghĩ tới vì hiện-tại đĩa ngoại-quốc về Anh và Pháp-văn rất hiếm trên thị-trường. Chúng ta (Sở Học Liệu của Bộ Giáo-Dục) nên nghĩ đến việc sản-xuất ngay trong nước vì không lý gì chúng ta sản-xuất được đĩa ca vọng-cổ, âm-nhạc cải-cách chất đầy ở các hiệu buôn với giá 200\$

một cái trong khi phải chờ đợi hàng năm để mua được một đĩa sinh-ngữ giá 2.000\$ cho con em chúng ta học. Chương-trình trao đổi bande magnétique và phim mà nhiều xứ đã thực-hiện với nhau cũng không phải là vấn-đề khó-khăn lắm.

C) *Sĩ số mỗi lớp học.*— Theo nguyên-tắc sư-phạm, mỗi lớp học thường chỉ chứa lối 35 học-sinh. Riêng lớp sinh-ngữ chỉ có lối 25 trò. Nhưng thực-tế tại các lớp trung-học Việt-Nam sĩ số mỗi lớp, theo sự ấn-định của Bộ Giáo-Dục là 55 có khi hơn nữa. Ở các trường tư là 80 nhưng đôi khi người ta dám chứa đến 100 học-trò. Trong tình-trạng như vậy làm thế nào để mỗi học-sinh có thể được hỏi bài, sửa bài một lần cho mỗi bài học sinh-ngữ? Trong hiện-trạng, mỗi bài dạy, giáo-sư chỉ hỏi hay sửa cho được chừng 10 đến 20 học-sinh, con số 2/3 còn lại không được thầy đá động gì đến. Cũng vì số học-trò quá đông ở mỗi lớp, giáo-sư sửa bài không nổi, nên cũng không siêng cho bài cho học-trò làm. Nhưng học sinh-ngữ mà không được dịp nói, không được sửa thì chẳng có kết-quả gì. Để giải-quyết, chúng tôi thấy chúng ta đang ở trên con đường bế-tắc. Hoặc là ta phải chia mỗi lớp ra làm đôi, hoặc là chúng ta phải tăng gấp hai số giáo-sư và xây thêm một số lớp học bằng ấy, một việc mà tình-trạng chiến-tranh hiện-tại không cho chúng ta làm được gì hết.

D) *Vấn-đề phân-phối giáo-sư tại các trường.*— Hiện nay, tại các trường trung-học, chúng ta đều để các giáo-sư có kinh-nghiệm, dạy được nhiều năm và có văn-bằng dạy ở các lớp lớn, lớp đi thi. Các lớp nhỏ và vỡ lòng thì giao cho các giáo-sư thiếu điều-kiện và mới vào nghề. Ý-nghĩ và cách phân-phối này rất tai hại riêng cho môn sinh-ngữ và lý-do chính cũng vì thiếu thầy, nhứt là thầy có điều-kiện và kinh-nghiệm. Chúng ta chỉ chú-trọng đến lớp đi thi hay văn-bằng mà quên nghĩ đến thực học và dạy-dỗ. Lớp sinh-ngữ vỡ lòng là lớp rất khó dạy (vì không phải dạy theo phương-pháp dùng tiếng Việt để dạy tiếng ngoại-quốc).

Nếu không giao phó cho các giáo-sư giỏi, khi học-sinh đã bị dẫn dắt bằng thói quen xấu, bị phá hư, như phần trên đã trình bày, thì về sau không còn sửa chữa được.

E) *Sự chán-nản của giáo-sư.*— Đây là một thực-trạng chung của các giáo-sư chứ không riêng gì giáo-sư sinh-ngữ. Nếu ông thầy ngày xưa chiếm được một trong ba ngôi cao cả nhất trong xã-hội Việt-Nam (Quần, Sư, Phụ) thì ngày nay địa-vị đó không còn nữa. Ông thầy bị xem như bất cứ một hạng người nào khác trong xã-hội : được mướn làm một việc nào đó với một số tiền trả công, chỉ có thể thôi, chẳng ân chẳng nghĩa gì. Nếu có thể bắt chẹt được những người tay yếu chân mềm ấy, những người chỉ biết sống bằng sức-mạnh của trí-óc và tinh-thần, người ta cũng chẳng ngần-ngại. Cảnh giáo-sư bị bắt diễn hành qua khán-đài để cho Quan khách xem (mà các quan khách ấy thường lại có trình-độ văn-hóa kém hơn giáo-sư) và tệ hơn nữa là cảnh phụ-huynh phê-bình xấu về giáo-chức trước mặt con em của mình là những việc xảy ra hằng ngày. Những hành-động vô-ý-thức ấy chẳng khác nào nói với con em chúng ta là thầy của chúng chẳng ra gì và không nhất thiết phải xem lời nói của họ là quý-báu. Sự phá-giá địa-vị giáo-chức đã đưa đến hậu-quả là có những cảnh học-trò ném phấn, giấy hay vỏ chuối lên đầu giáo-sư lúc giáo-sư quay lại bảng để viết, cảnh học-sinh hăm-dọa hay hành-hung giáo-sư, giám-khảo, cảnh mất trật-tự hàng ngày ở trường học, cảnh học-trò đánh thầy ở trước cổng trường. Thêm vào đó tiền thù lao trả cho giáo-chức không tương-xứng với việc làm và trình-độ văn-hóa, sự vô-thưởng vô-phạt, sự quen-lớn phe-cánh ở trong nghề, sự ám-ảnh phải bỏ nghề đi thì hành quân-dịch nay mai, tất cả những điều đó đã làm cho giáo-sư thật-sự chán-nản, và hành nghề một cách miễn-cưỡng để đợi một cơ hội tốt hơn là có thể bỏ nó mà đi. Việc soạn bài cẩn-thận, tỉ-mỉ từng chi-tiết, việc tìm kiếm dụng-cụ và hình-ảnh giáo-khoa, việc cố-gắng để học hỏi chuyên-môn và tiến-bộ nghề-nghiệp, dạy hay hay dở,

có kết-quả hay không, những điều mà chẳng ai còn biết tới nữa, tất cả những việc đó đã trở thành trò đùa, mất công vô-ích, chẳng lợi-lộc gì cho giáo-chức. Hậu-quả dĩ-nhiên là con em phải chịu thiệt-thòi và việc giáo-dục phải bị sút kém.

Tóm lại, việc giảng dạy sinh-ngữ ở xứ ta đã thất-bại cũng như sự thất-bại của nền giáo-dục của chúng ta nói chung. Nguyên-nhân ở đâu, chúng ta đã rõ : chúng ta chưa đặt đúng mức tầm quan-trọng của giáo-dục trong sự sống còn của đất nước. Những việc mà chúng ta phải làm cho giáo-dục còn rất nhiều. Nếu trường ốc và số học-sinh có tăng thì số giáo-chức của chúng ta còn quá thiếu và hầu như không được đào-tạo gì cả. Sách vở, dụng-cụ giáo-khoa thiếu đủ mọi bề. Trình-độ học-sinh, cái thực-học của chúng đã kém hẳn. Bây giờ đã đến lúc mà chúng ta phải bắt tay vào việc một cách hăng-hái và đứng-đắn. Chúng ta không thể đổ lỗi cho chiến-tranh và chờ nó chấm dứt vì đổ lỗi như vậy chẳng khác nào tìm một duyên cớ để không làm gì cả, trong khi có cách để làm được rất nhiều công việc. Chúng ta phải thương con em của chúng ta, nếu không thì không còn ai thương chúng nữa. Nhưng thương chúng tức là lo cho chúng có đầy đủ phương-tiện học-hành và giao-phó tương-lai của chúng vào tay những ông thầy có đầy đủ khả-năng, đạo-đức và được trọng-vọng. Như vậy chúng ta mới không làm uổng công xương máu của bao nhiêu người đã hy-sinh trong 20 năm nay để giành lại chủ-quyền cho đất nước.

HUỲNH-PHÚ-HIỆP



BÀI HỌC LỊCH-SỬ

Bài của NGUYỄN-THANH-LIÊM

Lúc còn ngồi ở ghế nhà trường, trong lớp học, không gì thích-thú bằng được nghe, theo-dõi và hình-dung những sự việc thuộc về dĩ-vãng, cái đã xảy ra, đã trôi đi, những quá-khứ xa-xôi nhưng sống-động qua lời nói, cử-chỉ của ông, thầy. Nhưng cũng không gì đáng ngại hơn lúc bị ông thầy hỏi lại những gì đã học. Đáng sợ và đáng ghét nhất là khi phải vào vấn-đáp, bị các vị giám-khảo, khảo mình về cái dĩ-vãng xa-xăm mà mình chỉ biết rất ít, lại biết một cách gián-tiếp. Tất cả cuốn phim của quá-khứ con người tuy có đôi phần tươi sáng, hấp-dẫn, nhưng sao mênh-mông phức-tạp, sao lu-mờ tăm-tối ngập-tràn !

Lấy xong những cấp-bằng, rời khỏi ghế nhà trường, bài học lịch-sử còn lại với mình một số câu chuyện tiểu-thuyết, vài ý-niệm đạo-đức có thí-dụ, ít nhiều bài học đại khôn ở đời mà mình chẳng mấy tha-thiết lắm.

Bây giờ, không còn dịp đề học-hành như xưa. Sau nhiều năm vật-lộn va-chạm với đời đề mưu-sinh, chứng-kiến bao nhiêu thay-đổi, bao nhiêu biến-cổ, bài học lịch-sử mới có cơ hội chiếm dần bề sâu của tâm-hồn. Bây giờ lại bị bắt buộc phải hướng về lịch-sử không phải vì mệnh bằng, vì ông thầy nữa, mà vì những âu lo, thắc-mắc trong thân-phận con người giữa cuộc đời. Bây giờ bài học lịch-sử không còn là một mớ kiến-thức của ông thầy trao lại, mà là chính kết-quả của tự mình tìm tòi

tra hỏi. Đã không còn bị bắt buộc phải học theo đúng chương-trình đề trả nợ sách đèn, mình có tất cả tự-do và tùy-hứng trong sự tìm hiểu và giải-thích lịch-sử. Trong hoàn-cảnh đó bài học lịch-sử đem lại nhiều lợi-thú đặc-biệt. Nói là lợi-thú vì thật ra mình không làm công-việc của một sử-gia với tất cả phương-pháp khoa-học, mà chỉ thưởng-thức với tinh-thần tài-tử (amateur) tùy hứng, không hệ-thống, không phương-pháp, cũng chẳng hề đi đến một cái nhìn khách-quan và toàn-diện. Do đó, lịch-sử có ít nhiều đặc-tính của thi-ca, tiểu-thuyết ; nó hiện lên như một tác-phẩm nghệ-thuật với sức dẫn khởi mạnh-mẽ và những nét đẹp gây nhiều xúc-động cho những ai muốn tìm đến nó trong tâm-hồn tài-tử và tùy-hứng như mình. Và cũng do đó mà loạt bài học lịch-sử viết ra đây chẳng bao giờ có thể làm vừa lòng những nhà xã-hội, kinh-tế-học. Nó chỉ có thể đem đến một vài thích-thú cho phần đông độc-giả có ít nhiều tài-tử tính như kẻ viết.



Những thích-thú đó hiện đến với ta ngay khi ta bắt đầu nghĩ về những đặc-tính của sự-kiện lịch-sử.

Trước hết, đó là những sự-kiện thuộc về dĩ-vãng, những sự-kiện đã xảy ra có một lần rồi thôi, trong một quá-khứ xa hay gần, đề bị cuốn trôi theo thời-gian, theo dòng đời luôn luôn biến-đổi. Những sự-kiện đó không còn nữa và vì thế chúng ta không thể chứng-kiến, quan-sát trực-tiếp được. Nó chỉ cho phép ta biết đến nó một cách gián-tiếp qua những dấu vết, những di-tích mà thôi. Với đặc-tính này, lịch-sử gọi ở lòng ta nhiều mối cảm-hoài ; chúng ta phải quay về dĩ-vãng, tưởng-tượng ít nhiều, đề luyện-tiểu những gì đã qua, thiết-tha với những gì không còn nữa.

Sự-kiện lịch-sử lại là sự-kiện đặc-thù, có tính-cách duy nhất, chỉ xảy ra có một lần. Mỗi trận giặc, mỗi cuộc cách-mạng, mỗi biến-cổ, có những nét độc-đáo của nó. Nói như Marc Bloch thì « lịch-sử, cốt yếu là một khoa-học về sự biến-đổi. Nó biết và dạy rằng chẳng bao giờ hai biến-cổ xảy ra giống hệt như nhau bởi vì không bao giờ chúng xảy ra trong cùng hoàn-cảnh ».

Trong lịch-sử chống xâm-lãng của Việt-Nam, không có hai Quang-Trung. Mặc dầu khi tổng-quát-hóa người ta có thể dẫn-chứng nhiều công cuộc như vậy, nhưng điều đáng nói là mỗi công cuộc có một vị anh-hùng riêng, có những nét độc-đáo của nó. Mỗi sự-kiện có vị-trí nhất-định trong thời-gian và không-gian, cần phải được định chỗ rõ-rệt ở đâu, vào lúc nào. Tính-cách đặc-biệt này nói lên tất cả cái đau-đớn trong thân-phận Người, sự lệ-thuộc một cách phi-lý và vô-nghĩa vào khoảng thời-gian mà người ta thường xem như « những kẻ bạo-ngược nhất đối với chúng ta », thời-gian trôi theo một chiều khiến chúng ta « chẳng bao giờ được tắm 2 lần trên cùng một dòng sông » (Héraclote: « on ne se baigne jamais deux fois dans le même fleuve »). Bởi thế không thể không « yêu mến những gì ta không còn nhìn thấy được một lần thứ hai nữa » (« Aimez ce que jamais on ne verra deux fois »). Sự-kiện lịch-sử, đó là lần đầu tiên mà cũng là lần cuối cùng, nói theo kiểu lãng-mạn bình-dân. Nó là đứa con duy-nhất, vừa là đầu lòng, vừa là con út, đề phải được thương yêu chiều-chuộng.

Nhưng không phải vì những lý-do trên đây mà con người bất-lực trước lịch-sử. Hãy thay-đổi lịch-sử nếu bạn muốn; có điều đáng buồn là chỉ thay-đổi được trong tưởng-tượng mà thôi. Tại sao lại nói đến thay-đổi trong tưởng-tượng? Vì sự-kiện lịch-sử có tính-cách ngẫu-nhiên hơn là tất-định. Người ta có thể tưởng-tượng, nghĩ ra bao nhiêu cái « có thể » xảy ra khác hơn cái đã xảy ra rồi, và với sự tưởng-tượng đó lịch-sử sẽ có nhiều thay đổi.

Chiều ngày 7 tháng 10 năm 1492, sau 65 ngày lênh-đênh trên đại-dương, Christophe Colomb quyết-định đổi hướng: thay vì đi thẳng về phía Tây. Ông ra lệnh cho thuyền quay về Tây-nam, phía có những đàn chim bay đến. Bốn ngày sau « tân thế-giới » được khám-phá. « Tân thế-giới » đó là các xứ Nam-Mỹ mà người Y-pha-Nho bấy lâu làm chủ-nhân Ông. Nếu không có sự chuyển hướng đó thì Tân-thế-giới sẽ là Bắc Mỹ-châu và rất có thể « Hiệp-chúng quốc » ngày nay có số phận khác hẳn.

Napoléon, hồi còn là Trung-Ủy Bonaparte, đã có lần gây-gỗ với một Trung-Ủy bạn và sắp sửa thanh-toán nhau, mà phần thắng chắc-chắn về Ông Trung-Ủy kia. Nhờ sự can-thiệp may-mắn của các sĩ-quan lúc đó mà Bonaparte khỏi chết. Nếu không Bonaparte đã không còn mà trong lịch-sử nước Pháp cũng sẽ chẳng có ngày 18 Brumaire, trận Austerlitz, trận Waterloo...

Điều ấy có nghĩa là những sự-kiện lịch-sử không bắt buộc phải thiết-yếu xảy ra như thế, mà nếu nó đã xảy ra ắt có những bất-ngờ nào đưa đến. Đây là trận Moskowa của Napoléon với phần thắng cầm chắc trong tay. Chiến-thắng, Napoléon sẽ chiếm được Moscou, sẽ tiêu-diệt phần lớn quân Nga, và sớm kết thúc cuộc chiến với nhiều ưu-thế. Vậy mà Napoléon đã bỏ trôi đi bao nhiêu cơ-hội trong một ngày, ông đã tỏ ra kém sáng-suốt, do-dự, không quyết-định, lý-do chỉ vì bị cảm từ chiều hôm trước. Một cơn đau bất-thình-linh, nào ai đoán trước được đâu! Cũng như ai biết trước được sẽ có một đám mưa trái thường cứu sống Tư-mã Ý khiến Khổng-Minh đã phải than « mưu sự tại nhân, thành sự tại thiên ». Câu nói bất-hủ đó chính là nhận-xét đặc-biệt của tác-giả Tam-quốc-chí về tính-cách ngẫu-nhiên của sự-kiện lịch-sử vậy. Thậm-chí có người đã bảo: « Những cuộc xáo-trộn to-tát ở trên đời thường chỉ xảy ra vì những nguyên-nhân rất nhỏ ». Lịch-sử hầu như đã xem thường mọi hệ-thống duy-lý, không cần biết đến những nguyên-lý nhân-quả hay tất-định, đề chỉ tùy thuộc vào bao nhiêu cái bất-ngờ, ngẫu-nhiên khiến tất cả đều trở nên có thể.

Tuy nhiên không phải vì thế mà ta có thể phủ-nhận hoàn toàn những cái bất-biến làm nền-tảng cho sự diễn-tiến của lịch-sử. Đành rằng những tính-cách đặc-thù, độc-đáo của mỗi sự-kiện không cho phép chúng ta đi đến những công-thức, những phương-trình; nhưng chúng ta cũng cần phân-biệt trong lịch-sử hai loại động-lực. Một loại có tính-cách ngẫu-nhiên làm nên tính-cách đặc-thù, độc-đáo của sự-kiện lịch-sử như cơn bệnh bất-ngờ của một vị nguyên-thủ hay tướng-lãnh, cái chết bất-thình-linh của một nhân-vật quan-trọng, cũng như một trận gió, một đám mưa, sự sơ ý của một anh binh nhì, sự lầm lẫn của một người

thơ-ký... Một loại động-lực khác có tính-cách vững-vàng, bất-biến khiến nhiều người nghĩ đến những định-luật của lịch-sử. Thật sự đó là những động-lực tâm-lý, xã-hội, vật-lý và có thể sinh-vật nữa, đã làm nền-tảng của lịch-sử. Bởi vì dù nói làm sao đi nữa người ta cũng phải thấy rằng lịch-sử không thể có được nếu không có tâm-lý, xã-hội, không có sinh-vật, không có thể-giới vật-chất. Một định-luật như : « sau một giai-đoạn hỗn-loạn, tiếp đến một giai-đoạn độc-tài để phục-hồi uy-quyền quốc-gia » là một định-luật xã-hội hơn là lịch-sử nhưng nó mật-thiết liên-quan đến lịch-sử, giữ vai-trò then chốt trong lịch-sử nữa. Vị-trí địa-dư của một nước, tâm-lý của dân-tộc, tình-trạng xã-hội, yếu-tố sản-xuất... đó chính là những động-lực thúc-đẩy sự diển-tiến và quyết-định hướng đi của lịch-sử. Do đó : ta thấy không phải là vô-lý khi các sử-gia chủ-trương « không phải chỉ những gì xảy đến cho các nhân-vật quan-trọng mới có tính-cách lịch-sử » mà phải chú-trọng đến đại đa-số quần-chúng với tất cả mọi phương-diện sinh-hoạt chung của họ. Nói cách khác hơn, lịch-sử không phải chỉ là việc làm của đôi ba người đứng đầu một nước, mà là hoạt-động của cả xã-hội, quốc-gia... (lẽ dĩ-nhiên là trong quá-khứ).

Lịch-sử của công cuộc Nam Bắc phân-tranh chẳng hạn không phải chỉ bắt nguồn từ sự xích-mịch giữa Nguyễn-Hoàng và Trịnh-Kiểm, khiến họ Nguyễn phải nghe theo lời cố-vấn của Trịnh-Trình để thực-hiện cảnh « Hoành-sơn nhất đại vạn đại chung-thân », mà còn bao nhiêu động-lực xã-hội, chính-trị, kinh-tế, địa-lý... thúc đẩy. Đành rằng sự đố-kỵ giữa con và rề Nguyễn-Kim có thể được xem như là một khởi điềm, nhưng khởi điềm đó không đủ quyết-định sự chia đôi đất nước cùng những cuộc xung-đột kéo dài cả hai thế-kỷ.

Cũng vậy, lịch-sử của miền Nam, không phải chỉ là những sự việc đã xảy ra đối với các ông hoàng bà chúa thuở xưa mà là tất cả những cuộc đời hoạt-động âm-thầm của bao nhiêu người mà cái chết không để lại một tên tuổi nào trong sách vở. Việc vua Trần gả bán công-chúa Huyền-Trần để đổi lấy hai châu Ô, Ri, sự chinh-phục Chiêm-Thành của nhà Lê ; sự-kiện

Nguyễn-Hoàng vào Thuận-Hóa ; việc Tây-sơn đánh đuổi quân Xiêm, việc Nguyễn-Ánh thống-nhất đất nước... tất cả những sự-kiện xem ra quan-trọng đó tuy được ghi chép hằn-hoi nhưng không thật là những động-lực nòng-cốt làm nên lịch-sử miền Nam, mà chính những động-lực tâm-lý, xã-hội, kinh-tế, địa-lý... chi-phối đời sống đại đa-số dân-chúng mới là cội-rễ. Nếu người ta có thể xem lịch-sử như một con người sống mãi và tiến-bộ mãi, thì người ta cũng nên xem những sự-kiện lịch-sử được ghi chép kia chỉ như phần sáng-sủa của ý-thức còn sự sinh-hoạt của cả dân-tộc phải là phần sâu-xa của vô-thức quyết-định phần lớn đời sống con người.

Xem thế ta thấy không thể loại hẳn tính-cách thiết-yếu và tất-định trong lịch-sử dù trên kia ta đã công-nhận có vai trò của ngẫu-nhiên, bất-ngờ. Đã hẳn rằng đó là một mâu-thuần nhưng sự mâu-thuần này sẽ được giải-quyết khi ta bàn về sự giải-thích và ý-nghĩa của lịch-sử. Hai vấn-đề quan-trọng này sẽ được đề-cập đến trong các kỳ tới, bây giờ xin dừng lại ở đây. Và để tạm kết bài này ta hãy trở lại những lợi-thú tìm thấy ở đặc-tính của sự-kiện lịch-sử đã nói ở phần trước.

Ta có thể tóm tắt :

Bởi thuộc về dĩ-vãng, có tính-cách duy-nhất, đặc-thù xảy ra do ít nhiều ngẫu-nhiên, nên lịch-sử đem đến cho ta bao nhiêu bộ mặt bất ngờ thích-thú. Nhưng dòng lịch-sử còn phải tựa trên nhiều động-lực gần như bất-biến để có một hướng đi, đó là cái tất-định, thiết-yếu, giúp chúng ta rất nhiều trong những cái nhìn dự-đoán vậy.

(còn tiếp)

NGUYỄN-THANH-LIÊM

NHÓM ĐỒNG-NAI VĂN-TẬP

— lãnh in sách và tác-phẩm
— việc làm kỹ-lưỡng.

CHIỀU SANG SÔNG

(một kỷ-niệm trên bờ Đông-nai)

của trần văn linh

một chiều xưa, khi mặt trời sắp lặn,
vài tia vàng lửng-thững trên đời xa,
trống tan trường dứt nhịp, học-trò ra,
tôi về bến đón thuyền sang sông vắng.
sắp đến bến, bỗng dư âm vắng-vắng,
giọng thân-yêu lạnh-lạnh dưới chiều mờ,
tiếng gõ thuyền hòa nhịp với Dường-thơ,
bờ sông xanh tạo trời thơ huyền-ảo:
khi ngời-ca cảnh thanh sơn bất lão,
khi lo-âu cho quá ngắn kiếp người,
tuổi qua mau như mây trắng trên trời.....



tràng giang lặn, gió chiều như ngừng lại,
khói hoàng-hôn bao phủ giòng tê-tái,
chùa đời xa chuông cất giọng ngân vang,
gợi u-buồn phù-thê của nhân-gian.....
tôi dừng bước sợ dẫm tan giòng ngọc,
sợ trời thơ vỡ đi trong phút chốc.
dứt bài thơ, cha ngảnh lại chờ trông:
« con đã về, mau xuống bến sang sông,
xuống mau con, kẻo sóng gợn tràng giang,

chim về chiều đều bay vút mây ngàn,
mẹ con đợi sẽ mỗi-mòn đôi mắt,
sẽ lo-âu khi nắng vàng sắp tắt,
khi màn đêm rơi phủ nước trăm giòng. »
thuyền mở dây như dứt sợi tơ lòng
và tách bến thuyền từ từ rẽ nước
kéo theo sau hai sóng dài lướt-thướt.
ngồi mũi thuyền lòng tràn ngập thương-yêu.
ngắm quê-hương lặng-lẽ với trời chiều
bên hữu ngạn là rừng già vô-tận,
tường cây cao bóng âm-u sâu-thẳm,
tay người vừa khai-phá dọc ven sông,
rừng bước lui nhưng chiến-đấu không ngừng,
đây ác-cảm với cánh đồng bé nhỏ,
căm-hờn ấy còn nghe qua lời gió.....
bên tả ngạn tay người đã chiến thắng
đất thuần rồi, bao lớp người trầm lặng,
đem mồ-hôi xương-máu chống thiên-nhiên,
biên rừng sâu thành đồng lúa dịu hiền.....



đồng yên-lặng về suy-tư dưới gió,
khói lam chiều cũng gợi niềm tưởng nhớ
đấng tiền nhân khai-phá đất-đai này
mà hồn thiêng còn phảng-phất đâu đây.....



nhìn lại cha đang chèo thuyền chống trá
giòng nước bạc trôi mau về biển cả,
tóc bạc phơ rung động dưới chiều mờ,
hình ảnh này là cả một bài thơ,
thơ chiến-đấu của đoàn người đi trước
trải gian lao để đưa qua bến nước
đoàn người sau về với một ngày mai,
đường đầy hoa, thay những nẻo chông gai.

trần văn linh

RAU VỚI CHỮ

của kiên-giang hà huy-hà

đưa con tới cổng trường làng
mẹ nhìn thấy nắng trên đường trở hoa
nhà xa đi học cũng xa
con vào trường học, mẹ ra trường đời.
mẹ ra chợ bán rau tươi
vào trường, con học những lời nên khôn
nghe chuông trường giục hoàng-hôn
mẹ chờ trước cổng rước con về nhà.



nhà xa nên chợ cũng xa
đường chiều, nắng vẫn trở hoa, gấm hồng.



con ngồi chung với rau đồng
gánh rau gánh cả nợ chồng nợ con
đồng khô bông trở cỏ non
nghe rau với chữ kết hôn âm thầm.

(trong tập « quê-hương thơ-ấu » sắp phát-hành)

3-11-1966
kiên-giang hà huy-hà



SÔNG THỰC-TẾ

của Chánh-trí MAI THỌ-TRUYỀN

Đời này là đời khoa-học và cạnh-tranh sanh-tồn, cho nên nói gì cũng phải có bằng-chứng xác-đáng, làm gì cũng phải có óc thực-tế, không thể như các nhà tôn-giáo lấy lý-thuyết mà luận, lấy cái lợi xa-vời mà dụ. Đó là đại-ý dư-luận thời nay, đầu Đông đầu Tây cũng đồng một điệu.

Xét ra, óc thực-tế không phải không có chỗ đứng. Người tôn-giáo há không ăn, không uống, không mặc, không ở sao? Nếu còn bốn nhu-cầu khẩn-thiết ấy thì không thực-tế không được.

Các tôn-giáo khác, đối với vấn-đề sanh sống, chủ-trương như thế nào, chuyện ấy không dám bàn. Đây xin nói riêng về đạo Phật.

Đức Thích-Ca từng nói: « Không phải vì nhu-cầu của xác thịt mà con người trở nên bất tịnh. Nguyên-nhân của bất tịnh là rượu say, là ý ác, là giả-dối điều-ngoại, là ham muốn, là kiêu mạn, là những tư-tưởng quàng xiêng. Vì vậy, đừng để dục lạc lôi kéo sống một cuộc đời bảo tố, hèn hạ, vô ích, mà cũng đừng hãm mình ép xác là việc vô bổ và không hiệu-quả gì. Con đường sống đáng sống là con đường chiết-trung, xa hẳn hai cái thái-cực quả truy-lạc phóng-túng và quá kềm hãm xác thịt ».

Như thế là thực-tế hay không thực-tế ?

Nhưng cái thực-tế của Phật ít khi được bộ óc thực-tế của đời nhìn nhận chỉ vì một nguyên-nhân: « đời muốn thực-tế mà không làm đúng với thực-tế ».

Vấn-đề quan-trọng nhất của bất cứ một ai, giàu cũng như nghèo, sang cũng như hèn, là phải làm thế nào để sống yên,

sống hạnh-phúc trong hiện thời. Không hoài-bảo nào chánh-đáng hơn! Sống mà không yên, không hạnh-phúc, chết có lẽ sướng hơn.

Nhưng trong chúng ta, ai là người tự đem cái yên đến cho mình? Luôn luôn chúng ta đề cho vật-dục lôi kéo, ăn không ngon, nằm không ngủ, bao giờ tâm cũng bị những tư-tưởng tham lam, hờn giận, si mê ám ảnh. Mỗi việc làm của chúng ta chỉ hướng về một chỗ là làm thỏa-mãn những tư-tưởng ấy, thành ra hạnh-phúc đâu chẳng thấy mà chỉ thấy sự phiền não khổ sở. Muốn bằng được, được bao nhiêu cũng không vừa; muốn cho có, có rồi sợ mất; mất rồi sanh hận, càng tiếc càng hận, khác chi chiếc bánh giữa đồng, ngọn sóng này tạt qua là ngọn sóng nọ vỗ lại.

Hãy so-sánh với lối sống của Phật dạy.

Sống đừng tham cầu mới là sống tự-do, mới là sống cao-thượng. Nhưng ngàn vạn không tham, chưa chắc giữ mình trong sạch trước sự cám-dỗ của triệu ức, vì thế mà nên e-dè. Đã đủ y đủ thực, dư giả không chùng, nhà cửa trang-hoàng, không cho thế là đủ lại đua đòi sửa nhà cất thêm để cho thuê hốt bạc triệu, rồi than cực than khổ vì phải đi ở đậu ở nhờ, sống như thế là thực-tế ư? là tránh khỏi sức thúc đẩy của lòng tham ư?

Sống đừng thù hận, độc ác, là sống thần tiên, an nhàn tự tại, đi đến đâu cũng được kẻ chuộng người yêu, ăn mới biết ngon, uống mới đã khát, không sợ sệt lo ngại gì cả.

Sống trong sáng suốt, không si mê một vật gì, một cảnh nào, vàng không làm chóa mắt, sắc không làm lay lòng, thương cả mọi loài như nhau, giúp đỡ khuyên can cho người người cùng sống vui tươi hạnh phúc như mình, đó mới là cái sống đáng sống.

Lối Phật dạy sống như thế và chính Phật đã sống rồi, ai dám bảo là không thực-tế, và cái lợi hiện tiền, ai dám bảo là không có?

Chánh-trí MAI THỌ-TRUYỀN

SÁCH MỚI TRONG TUẦN

- KARL JASPERS*
TRIẾT HỌC NHẬP MÔN
Bản dịch của Tế Xuyên 80đ.
- THIÊN GIANG*
GIA ĐÌNH GIÁO DỤC
Cách dạy trẻ em khó dạy
Những chỉ dẫn hợp lý nhất của khoa giáo dục hiện đại 100đ.
- BÙI ĐỨC TỊNH*
VĂN PHẠM VIỆT NAM
Quyển văn phạm mới nhất có phần Ngôn-ngữ-học 200đ.
- CÔ THÙY DƯƠNG*
HẠNH PHÚC GIA ĐÌNH 100đ.
Tức là quyển **NGƯỜI ĐÀN BÀ TRONG GIA ĐÌNH**
- NGUYỄN ĐĂNG THỰC*
TINH THẦN KHOA HỌC ĐẠO HỌC 120đ.
- NGUYỄN PHÚC TẤN*
TỰ TƯỞNG CHÁNH TRỊ ĐÔNG TÂY KHÁI LUẬN 120đ.
- LÊ LINH*
KINH TẾ VIỆT NAM 200đ.
- PHAN HỒNG TRUNG*
KIM CỔ KỶ QUAN 120đ.
- VŨ VĂN LÊ*
DANH TỪ QUÂN SỰ ANH-VIỆT 120đ.
- HUYỄN ĐỨC QUANG*
ĐỜI SỐNG LỬA ĐỎI 100đ.
- V. N. HOÀNG*
Tự điển Dục phẩm Đặc chế Việt Nam và Ngoại quốc 350đ.
- PHẠM CAO DƯƠNG*
THỰC TRẠNG GIỚI NÔNG DÂN VIỆT NAM
THỜI PHÁP THUỘC 150đ.

Những sách trên đều có bán tại :

Nhà sách KHAI-TRÍ, 62 Đại-lộ Lê-Lợi, Sài-gòn

XIN LƯU Ý ĐỘC GIẢ :

Trong tập II này, bài « LÁ THƯ WASHINGTON » bị kiểm duyệt hết. Sau này, thời-cơ thuận-tiện, chúng tôi sẽ gởi bù cho độc-giả.

ĐỒNG-NAI VĂN-TẬP